

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án “Phục dựng Con đường Hoàng dương Phạt pháp
của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 112-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về Phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về Phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 111/TTr-SVHTTDL ngày 18/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phục dựng Con đường Hoàng dương Phạt pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030”.

(Có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (05b);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị;
 - + Lưu: VT, KGVX.Quân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

ĐỀ ÁN**“Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp
của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, giai đoạn 2023-2030”**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)***PHẦN 1****SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN****I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Bắc Giang là tỉnh trung du miền núi, là miền đất cổ, cửa ngõ phía Bắc của kinh thành Thăng Long; từ thế kỷ X, tỉnh Bắc Giang đã là một trong tứ trấn của Thăng Long, có vị trí nằm trên nhiều tuyến quốc lộ huyết mạch, nhiều dòng sông lớn chảy qua tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển các ngành kinh tế, trong đó có du lịch. Là vùng đất văn hiến ngàn xưa, kết tinh của văn hóa Việt Nam, Bắc Giang có 5 di sản được UNESCO ghi danh là di sản thế giới; 2.237 di tích lịch sử, văn hóa với 748 di tích đã được xếp hạng, trong đó 5 di tích Quốc gia đặc biệt, 94 di tích cấp quốc gia, còn lại là di tích cấp tỉnh.

Do có vị trí quan trọng đối với kinh đô Thăng Long nên nhà Lý đã có những chính sách thắt chặt, ràng buộc thông qua quan hệ hôn nhân để qua đó tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tù trưởng nơi này trong việc gìn giữ biên cương. Vua Lý đã 3 lần gả con gái cho các tù trưởng Động Giáp ở vùng Châu Lạng. Thời Trần, Bắc Giang đã tham gia tích cực vào ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỷ XIII. Các địa danh Xa Lý – Biện Động – Nội Bàng là các địa danh đã đi vào lịch sử. Không chỉ vậy, vào thời Trần, Bắc Giang là địa bàn hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm – Yên Tử. Tiêu biểu như di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm là chốn tổ thiền phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập thế kỷ XIII, nơi lưu giữ kho mộc bản với 3.050 bản ván khắc được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương thuộc chương trình Ký ức thế giới. Phật giáo Trúc Lâm thời Trần đã để lại những dấu ấn sâu đậm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Nơi đây còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa truyền thống đặc sắc như dân ca Quan họ, Ca trù, Thực hành thờ Mẫu tam phủ, Thực hành Thờ của dân tộc Thái, Tày, Nùng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

Quá trình điều tra, khảo sát cho thấy khu vực Tây Yên Tử có nhiều di tích chùa cổ có mối liên hệ với Phật giáo Trúc Lâm, với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, trung tâm là chốn tổ Vĩnh Nghiêm. Tuy nhiên, các khảo sát, nghiên cứu còn chưa có sự kết nối một cách

bài bản, hệ thống để có cơ sở khẳng định sự hình thành và phát triển của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử gắn với con đường Hoàng dương Phật pháp.

Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Đề án **“Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử”** (sau đây gọi tắt là Con đường HDPP) là cần thiết, nhằm tiếp tục làm rõ giá trị di sản nổi bật của vùng đất thiêng Tây Yên Tử - Bắc Giang. Tôn vinh giá trị di sản Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và di tích, danh thắng Tây Yên Tử. Góp phần bảo tồn các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, phát huy hiệu quả đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế về di sản để phát triển kinh tế - xã hội địa phương; mở ra cơ hội thu hút đầu tư du lịch, nhất là du lịch tâm linh - sinh thái, tạo động lực để du lịch Bắc Giang phát triển đột phá trong tương lai. Vấn đề có tính cấp bách đặt ra hiện nay là cần phải có hướng đi và cách làm phù hợp, bài bản với các giải pháp căn cơ, đồng thời phải phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để du lịch tâm linh phát huy vai trò, trở thành thương hiệu du lịch độc đáo khác biệt của Bắc Giang, thúc đẩy phát triển kinh tế; đồng thời, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 112-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết xây dựng Đề án phục dựng “Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử”.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Cơ sở lý luận về văn hóa tâm linh

Văn hóa tâm linh bao gồm cả văn hóa hữu hình và văn hóa vô hình. Văn hóa tâm linh đã để lại những giá trị văn hóa vật chất, đó là những kiến trúc nghệ thuật, những không gian thiêng liêng như đền, miếu, nhà thờ, đình, chùa; những biểu tượng thiêng liêng là những pho tượng Phật nổi tiếng; những giá trị văn hóa tinh thần đó là những nghi lễ, những lễ thức, những ý niệm thiêng liêng trong ý thức xã hội. Văn hoá tâm linh là một loại hình văn hoá đặc thù của người Việt Nam, trong đó mục tiêu thể hiện tình cảm, niềm tin thiêng liêng, sự tri ân của những người đang sống với những người đã mất, với những vị anh hùng dân tộc đã được tôn thờ là Thần, Thánh trong các không gian thiêng và thời gian thiêng nhất định. Đó cũng là đạo lý tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “tri ân những bậc tiền bối có công với dân với nước”.

Trong lý thuyết văn hoá học hiện đại, người ta đã xác định 4 hợp phần quan trọng của văn hoá là: (1) văn hoá sản xuất của cải, vật chất; (2) văn hoá đảm bảo đời sống; (3) văn hoá quy phạm, (4) văn hoá tâm linh. Cách phân loại

như thế chứng tỏ, văn hoá tâm linh cũng được coi là thành tố giúp ta nhận diện đặc trưng của một nền văn hoá.

Văn hoá tâm linh bao giờ cũng là các hoạt động tinh thần của con người và được gắn bó mật thiết với một tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể. Từ đó suy ra, văn hoá Phật giáo phải được coi là một thành tố trong chỉnh thể văn hoá với một số nét đặc thù như: (1) Được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, Phật giáo đã thích ứng khá nhuần nhuyễn với tín ngưỡng, phong tục, tập quán bản địa và nhờ đó những tinh hoa, văn hoá Phật giáo có môi trường thích hợp để nở hoa, kết trái; (2) Khả năng gắn đạo với đời, “đồng hành cùng dân tộc” tạo nhiều cơ hội để văn hoá Phật giáo đóng góp thiết thực cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc; (3) Đóng góp lớn nhất của văn hoá Phật giáo vào kho tàng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam chính là yếu tố văn hoá đạo đức, thể hiện ở tinh thần “từ bi, hỷ xả”, “vô ngã, vị tha”, làm điều thiện, ngừa điều ác để đưa lại hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh; (4) Giá trị vật thể trong văn hoá tâm linh của ngôi chùa và các tự viện - các công trình kiến trúc tuyệt mỹ/Danh lam thắng cảnh và các tác phẩm nghệ thuật chạm khắc điêu luyện có sức thu hút cho Phật tử và du khách; (5) Di sản văn hoá Phật giáo còn được đánh giá cao với tư cách là loại tài nguyên nhân văn quan trọng cho phát triển du lịch tâm linh.

Không gian văn hoá là nơi tích hợp, tương tác và gắn kết giữa môi trường tự nhiên và môi trường văn hoá/nhân tạo. Đó là những nơi chốn, địa điểm, môi trường hỗn hợp trong đó có sự sáng tạo, sự tiến diễn các hoạt động văn hoá của con người, mà môi trường văn hoá là hạt nhân chủ đạo, yếu tố văn hoá được “vun trồng” và cắm rễ vào không gian vật lý 3 chiều, và không gian lịch sử 4 chiều (không gian - thời gian) để tạo nên chiều thứ 5 cho không gian văn hoá (chiều lịch đại).

Về cơ bản, các nhà khoa học tương đối đồng thuận đưa ra 4 tiêu chí xác định một không gian văn hoá hay vùng văn hoá: (1) không gian địa lý liên hoàn (liên tục); (2) có sự tương đồng về môi trường tự nhiên (địa hình, núi non, sông nước, khí hậu...); (3) có cộng đồng cư dân tụ cư từ sớm và liên tục phát triển, (4) có những đặc trưng về di sản văn hoá.

Theo nhà nghiên cứu Phương Thảo sơ phác, 5 thành tố cơ bản trong cấu trúc môi trường văn hoá của một di tích lịch sử - văn hoá hay một điểm đến du lịch bao gồm: (1) toàn thể cảnh quan văn hoá (yếu tố thiên nhiên đã được con người thích ứng thành văn hoá); (2) hệ thống các thiết chế văn hoá (trong đó có các thiết chế tôn giáo, tín ngưỡng); (3) hệ thống các hình thái hoạt động văn hoá trong đó lễ hội văn hoá truyền thống là dạng điển hình mang tính tổng hợp; (4) hệ thống quy tắc ứng xử văn hoá (thái độ giữa con người và tự nhiên, giữa con người với nhau, giữa con người và thần linh); (5) các cá nhân/con người văn hoá trong cộng đồng.

Không gian văn hoá liên quan tới Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử còn phải đề cập tới chiều tâm linh, hay tính thiêng luôn có mặt trong không gian văn hoá Phật giáo. Trong chiều sâu tâm linh của các không gian văn hoá luôn bao chứa đức tin tôn giáo, tín ngưỡng

của con người vào các lực lượng siêu nhiên, anh hùng văn hoá, anh hùng lịch sử với các hình thức thờ cúng thiêng liêng tại các thiết chế tôn giáo (đình, đền, chùa ...). Có thể coi yếu tố tâm linh, tính thiêng là chiều thứ 6 của không gian văn hoá dù cho nó là vô hình.

2.2. Cơ sở lý luận ứng dụng thực tế phát triển du lịch

Du lịch tâm linh, xét về bản chất cũng là du lịch văn hoá, lấy yếu tố văn hoá tâm linh làm cơ sở tổ chức các sản phẩm du lịch, các điểm đến và dịch vụ văn hoá gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác nhằm thoả mãn nhu cầu tâm linh của con người, mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch. Du lịch tâm linh là hình thức hoạt động nhằm mục tiêu khai thác và phát huy giá trị văn hoá tâm linh trong đời sống xã hội. Du khách tham gia vào các loại hình du lịch tâm linh không chỉ đơn giản là văn cảnh, hay tìm hiểu một nền văn hóa khác. Đối với du lịch tâm linh, đến tham quan các di tích lịch sử là du khách được thể hiện lòng yêu nước, tri ân các bậc tiền bối, các anh hùng dân tộc mà họ ngưỡng mộ.

Khái niệm du lịch tâm linh được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến. Tại Việt Nam có thể nhắc đến khái niệm du lịch tâm linh của tác giả Nguyễn Văn Tuấn “Xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thoả mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác. Theo đó, du lịch tâm linh mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch” (Nguyễn Văn Tuấn, 2013, tr.1). Từ quan điểm trên, có thể nhận định du lịch tâm linh là một hình thức biểu hiện của du lịch văn hóa. Các giá trị văn hóa tâm linh là yếu tố cốt lõi để hình thành nên các hoạt động du lịch và sản phẩm du lịch phục vụ cho du khách. Thông qua việc thụ hưởng các giá trị văn hóa tâm linh du khách sẽ hình thành nên những suy nghĩ tích cực hướng đến sự cân bằng và phát triển về mặt tinh thần. Và gần đây nhất có thể nhắc đến khái niệm du lịch tâm linh do tác giả Hồ Kỳ Minh đề xuất: “Du lịch tâm linh hiện nay được thể hiện trên nhiều cung bậc, nhiều dạng. Dạng thứ nhất, đó là những hoạt động tham quan, văn cảnh tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Đây là dạng hẹp nhất, chưa thể hiện được ý nghĩa của hoạt động du lịch này nhưng lại là hoạt động phổ biến nhất hiện nay; dạng thứ hai được mở rộng hơn với cách hiểu là tìm đến các địa điểm, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bên cạnh tham quan văn cảnh thì còn để cúng bái, cầu nguyện. Dạng này có mở rộng hơn nhưng mới chỉ phù hợp với những đối tượng có theo tôn giáo, tín ngưỡng; Dạng thứ ba có mục đích chính là tìm hiểu các triết lý, giáo pháp khiến cho con người trầm tĩnh, để tâm hồn thư thái, cải thiện sức khỏe và cảm nhận chính bản thân mình” (Hồ Kỳ Minh, 2015, tr.5). Thông qua nội hàm du lịch tâm linh của Hồ Kỳ Minh, có thể nhận thấy các

hình thức của du lịch tâm linh được phân cấp thông qua mức độ tham gia của du khách. Nền tảng để có thể hình thành và phát triển du lịch tâm linh là các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Hay nói giá trị cốt lõi để xây dựng hoạt động du lịch tâm linh là các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo. Du khách có thể thực hiện các hoạt động được phân cấp từ thấp đến cao tại các cơ sở tôn giáo này bao gồm: ngắm nhìn; thực hiện nghi thức tôn giáo; tìm hiểu sâu sắc và vận dụng các triết lý và niềm tin tôn giáo để hoàn thiện đời sống tinh thần và nâng cao thể chất cho bản thân. Như vậy, những không gian có thể chứa đựng các giá trị văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm các công trình nhà thờ, thánh đường, thánh thất, đình, chùa, miếu, phủ thờ, ... Các công trình này không những chứa đựng các giá trị văn hóa tâm linh thuần túy mà còn là các điểm đến lưu giữ các giá trị nghệ thuật kiến trúc đặc sắc. Bên cạnh đó, du khách có nhu cầu tìm hiểu du lịch tâm linh còn quan tâm đến sự kiện và các hoạt động thực hành niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng và đức tin. Liên quan với nội dung này có thể nhắc đến các lễ hội gắn liền với niềm tin tôn giáo và tín ngưỡng dân gian là yếu tố rất quan trọng để xây dựng nên các hoạt động du lịch và sản phẩm du lịch tâm linh một cách ấn tượng. Qua đó có thể thấy được các giá trị văn hóa tâm linh bao gồm cả hai yếu tố được hình thành từ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Giá trị văn hóa tâm linh của điểm đến có tính trội khi đồng thời thụ hưởng được cả hai yếu tố này. Mục đích của khách du lịch tâm linh có thể chia thành nhiều thang bậc khác nhau nhưng xuất phát điểm của họ có sự giống nhau là có sự tôn kính/niềm tin với một lực lượng siêu nhiên gắn liền với một không gian văn hóa tín ngưỡng nhất định. Trải nghiệm của họ tại các không gian linh thiêng sẽ có khả năng mang lại ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, sự hiểu biết hoặc gia tăng niềm tin cho chính mình. Hơn thế nữa, thông qua các hoạt động du lịch tâm linh du khách còn có kỳ vọng nâng cao trí lực và thể lực của bản thân.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Từ dữ liệu khảo cổ học

a) Các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động (nằm phía hạ lưu của sông Lục Nam, từ Chũ đến ngã ba Nhãn) là những địa bàn trọng điểm về giá trị lịch sử - văn hóa của vùng đất Bắc Giang trong giai đoạn thế kỷ 11-14

- Các cuộc điều tra, nghiên cứu lịch sử trên lĩnh vực khảo cổ học và các hiện vật hiện vẫn còn tìm được trên vùng đất này đã khẳng định: Ngay từ thời Tiền sử, cách đây trên 3000 năm đã có cư dân cổ sinh sống. Đó là sự khẳng định rằng nơi đây có những điều kiện thuận lợi về địa lý tự nhiên, là những yếu tố thuận lợi cho cư dân Tiền sử tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên như săn bắt và hái lượm. Trên hành trình đó, hệ thống sông Lục Nam với các chi lưu bắt nguồn từ vùng cao của cánh cung Đông Triều, từ trên vùng Đình Lập (tỉnh Lạng Sơn) chảy xuống và nối liền với các nhánh sông của vùng đồng bằng, đổ ra Lục Đầu Giang, hòa mình vào hệ thống sông của vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, là một dòng chảy quan trọng bậc nhất – dòng chảy lịch sử và văn hóa, tạo nên các vùng đồng bằng nhỏ, hẹp, xen giữa các dãy núi tạo thành các vùng canh tác kín thuận lợi cho các hoạt động kinh tế. Không những vậy, sông Lục Nam còn là

mạch máu giao thương giữa cư dân dọc 2 bờ sông với các khu vực khác theo dọc chiều dài từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Từ những điều kiện đó, lịch sử Bắc Giang sớm hòa mình vào dòng chảy chung của lịch sử dân tộc, đóng góp các giá trị quan trọng để nghiên cứu sự hình thành, phát triển và đưa lên các hệ giá trị tư tưởng của thời đại.

Thực tế, trong quá trình sinh hoạt, khai thác các điều kiện tự nhiên hiện nay, cư dân đã phát hiện được các công cụ đá thuộc giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên có niên đại cách ngày nay từ 3.500 năm đến 3.000 năm. Đó là các loại rìu, bôn, chày đá, hòn đập bằng đá quazit và các loại đá phổ biến trong giai đoạn Tiền sử, được mài nhẵn bóng toàn thân hiện đang nằm trong tay các sưu tập tư nhân.

Từ những tiền đề đó, không ngạc nhiên khi vùng đất này tiếp tục tìm được các di vật của các giai đoạn tiếp theo: Văn hóa Đông Sơn (đó là các loại rìu bằng đồng hiện nay Nhân dân vẫn phát hiện được) rồi phát triển lên một nhà nước sớm nằm trong bối cảnh chung của lịch sử dân tộc.

- Đến giai đoạn lịch sử, mảnh đất này lại luôn luôn gắn liền với các biến động của lịch sử xã hội, hòa mình và là bộ phận hữu cơ của lịch sử dân tộc. Những sự thay đổi về thiết chế, tư tưởng xã hội và triều đại trong lịch sử dân tộc thì đều thể hiện mạnh mẽ trên vùng đất này với những địa danh, những nhân vật, và những trường phái tư tưởng mà cho đến nay nếu muốn hiểu được cặn kẽ và căn nguyên của vấn đề vẫn phải tìm về những nơi này. Hơn thế nữa, những tư liệu lịch sử hiện nay của vùng đất còn là những đóng góp quan trọng bậc nhất vào lịch sử tư tưởng của Việt Nam nói chung, đặc biệt trong giai đoạn từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 14 và là tiền đề cho các bước phát triển ở các giai đoạn sau.

b) Sự hình thành và phát triển hưng thịnh của trung tâm châu Lạng ở lưu vực sông Lục Nam (thế kỷ 11-14) là tiền đề, là điều kiện và bước đệm quan trọng cho sự phát triển về kinh tế và tư tưởng của vùng đất này trong những giai đoạn của lịch sử dân tộc, đặc biệt dưới triều Trần (thế kỷ 13-14), với sự ra đời và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm

Lịch sử đã chứng minh một cách rất rõ ràng rằng: Không có một hệ tư tưởng hay tôn giáo nào tự hình thành và phát triển được, mà phải có những tiền đề quan trọng, đặc biệt là kinh tế và cơ sở tôn giáo vốn có từ trước. Tại các địa điểm di tích được khai quật: Cầu Từ, Chùa Cao, Đám Trì, Hồ Bắc, ngoài các di tích và di vật của thời Lý, hệ thống các di vật thời Trần cũng đã được nhận diện, khẳng định tính liên tục của lịch sử vùng đất, đóng góp quan trọng vào sự hình thành và phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt (thế kỷ 11-14).

Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn thế kỷ 11-13, dưới thời Lý, trung tâm châu Lạng ở lưu vực sông Lục Nam đã phát triển rực rỡ về kinh tế và văn hóa, cùng với vị trí địa lý thuận lợi, châu Lạng còn nằm trên con đường phát triển của hệ thống các Thiền phái Phật giáo du nhập vào Việt Nam và phát triển bậc nhất dưới triều Lý-Trần: đó là con đường Giao Châu – Trung Hoa và ngược lại. Trong sự phát triển chung của Phật giáo thời Lý ở Thăng Long và ở các địa bàn khác trên cả nước, có thể châu Lạng đã là địa bàn được các Thiền sư nổi tiếng lựa chọn để Hoằng dương Phật pháp, với các dòng thiền chính: Tỳ-ni-đa-

lưu-chi (năm 580), Vô Ngôn Thông (năm 820) và Thảo Đường được ra đời vào thời Lý, để từ đó tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (là sự kết hợp những tinh hoa của 3 dòng thiền nói trên) ở thời Trần.

i) Sự ra đời của Trúc Lâm - Yên Tử

Thiền phái Trúc Lâm ra đời vào đời nhà Trần trên cơ sở sự thống nhất của 3 dòng thiền chính đã tồn tại dưới thời Lý: Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Thiền phái Vô Ngôn Thông, và Thiền phái Thảo Đường, với vị sư Tổ là Trúc Lâm Đầu Đà (hay Hương Vân Đại Đầu Đà) – pháp hiệu của vua Trần Nhân Tông, sau đó các đệ tử nối tiếp mở rộng Thiền phái với 2 vị sư Tổ nổi danh sau đó là: Tôn giả Pháp Loa và Tôn giả Huyền Quang. Cũng từ đây, hệ thống các cơ sở thờ tự của Thiền phái được mở rộng làm tiền đề cho việc phổ độ chúng sinh, đào tạo và quản lý tăng, ni trong cả nước với trung tâm là chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng ngày nay).

Thiền phái Trúc Lâm không phải tự sinh hình thành, mà ngay ở thời Lý đã có một truyền thống được hình thành trên dãy núi Huyền Đinh - Yên Tử với trung tâm là đỉnh Yên Tử, nên được gọi chung là truyền thống Yên Tử, với vị Tổ khai sáng là Hiện Quang (1183-1122) thuộc phái Thiền Vô Ngôn Thông. Và trên dãy núi Yên Tử đã có hệ thống chùa tháp được xây dựng từ thời Lý, do các Thiền sư nổi tiếng lúc đó trụ trì.

Sự ra đời và phát triển của truyền thống Yên Tử gắn liền với sự hưng thịnh của trung tâm châu Lạng, là cơ sở kinh tế, cơ sở liên kết hữu cơ giữa Yên Tử và Thăng Long mà đường đi hiện nay đã được vạch rõ: Từ Thăng Long qua sông Thiên Đức đến địa phận Lục Đầu Giang (địa phận châu Lạng) rồi theo lưu vực sông Lục Nam để lên dãy Yên Tử hùng vĩ với cơ sở tôn giáo đầu tiên là chùa Hòn Tháp (nơi Trần Nhân Tông trốn khỏi kinh thành Thăng Long về đây khi ngài 16 tuổi), rồi theo đó dẫn lên đỉnh thiêng Yên Tử (với chùa Vân Yên, nơi Trần Thái Tông bỏ ngôi vua lên đây gặp Thiền sư Đạo Viên), qua hệ thống các di tích mà đến nay vẫn còn tồn tại: Bình Long - Yên Mã - Hồ Bắc - Đám Trì (Đồng Vành) - Am Vải. Qua đó có thể thấy, cuối thời Lý, đầu thời Trần trên dải Huyền Đinh - Yên Tử đã có hệ thống chùa lớn do các Thiền sư nổi danh trụ trì.

Được khai sáng bởi Tổ sư Hiện Quang, các đệ tử đã kế nghiệp Hoàng dương Phật pháp liên tục ở Yên Tử, có thể phác họa con đường hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử như sau:

Tổ sư Hiện Quang → Thiền sư Đạo Viên (Quốc sư Phù Vân, đệ tử là vua Trần Thái Tông) → Thiền sư Đại Đăng → Thiền sư Tiêu Dao (đệ tử là Thượng sĩ Tuệ Trung) → Thiền sư Huệ Tuệ → vua Trần Nhân Tông (Trúc Lâm Đầu Đà) được Thượng sĩ Tuệ Trung dạy bảo → Tôn giả Pháp Loa → Tôn giả Huyền Quang.

Như vậy, Thiền phái Trúc Lâm ra đời là sự thống nhất các phái thiền đã hình thành và phát triển từ thời Lý trên dãy núi Yên Tử. Điều này là cơ sở để khẳng định, có thể vùng đất phía Tây Yên Tử (như ngày nay vẫn gọi, thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang, với phạm vi thuộc 4 huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động) là cơ sở đầu tiên, là con đường cho sự ra đời, phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Trên cơ sở thực địa điều tra khảo cổ học, khu vực Đám Trì (là một thung lũng rất rộng lớn với 178ha, bằng phẳng, trù phú và màu mỡ) hội đủ các điều kiện tự nhiên để trở thành một cơ sở kinh tế vững mạnh, đóng góp nguồn lực kinh tế cho sự ra đời các cơ sở tôn giáo thuộc Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử trên dải Huyện Đình - Yên Tử. Từ Đám Trì có thể dễ dàng đi sang Ngọa Vân, Hồ Thiên và lên đỉnh Yên Tử. Trên dọc theo dải núi của vòng cung Đông Triều, theo lưu vực sông Lục Nam, không có một địa bàn khu vực nào có được yếu tố địa lý và điều kiện tự nhiên như ở đây. Kết quả khai quật khảo cổ học tại Đám Trì năm 2014 đã tìm được rất nhiều hệ thống các di vật của thời Lý và thời Trần, như: Lá đề chạm chim phượng bằng đất nung lợp trên mái kiến trúc, các phù điêu trang trí kiến trúc, các đồ dùng sinh hoạt có niên đại thế kỷ 13-14. Ngoài ra, khi mở rộng khai quật ra toàn bộ khu vực Đám Trì, dọc theo chân núi phía Đông - Bắc (khu vực dân cư hiện nay) có thể tồn tại các khu vực sản xuất đồ dùng sinh hoạt trong giai đoạn thế kỷ 13-14 và ở những giai đoạn sau, hiện nay khi đào ao nuôi cá Nhân dân vẫn tìm được các mảnh chông dính của đồ sành, và một số khu vực đất sét màu trắng có thể là các mỏ cao lanh để sản xuất gốm sứ.

Từ những cứ liệu điều tra trên thực địa, căn cứ vị trí địa lý vùng đất, có thể nhận định: *Đám Trì (nằm trong vị trí trung tâm của châu Lạng) là một khu vực vô cùng quan trọng trong bình tuyến Trúc Lâm - Yên Tử, là trung tâm kinh tế lớn của Trúc Lâm - Yên Tử, là nơi cung cấp tiềm lực kinh tế để xây dựng cơ sở tôn giáo cho Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử, là vị trí trung chuyển trên con đường từ Thăng Long lên rồi từ đây sang phía Đông đến Ngọa Vân - Hồ Thiên - Yên Tử, hoặc đi lên phía Đông - Bắc đến núi Am Ni (chùa Am Vãi) và hệ thống chùa phía trên để cuối cùng đến Yên Tử.*

ii) Hệ thống các di tích trên dải Huyện Đình - Yên Tử cung cấp các dữ liệu quan trọng cho việc tìm hiểu con đường hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

Hiện nay, hệ thống các di tích còn khá nguyên vẹn (dẫu đã bị phá hủy một phần bởi các điều kiện tự nhiên và xã hội), nhưng vẫn còn đó nền móng các công trình kiến trúc với các bờ kè có nhiều lớp kiên cố, được xây dựng trên cơ sở san bạt sườn núi, có thể cung cấp các nguồn tư liệu bằng vật chất minh chứng cho lịch sử vùng đất Bắc Giang và lịch sử ra đời và hình thành của hệ tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là các địa điểm di tích: Chùa Bình Long (xã Huyện Sơn), chùa Hòn Tháp (xã Cẩm Lý), chùa Yên Mã (xã Bắc Lũng), khu vực Đám Trì (xã Lục Sơn).

Chùa Yên Mã, qua khảo sát, hiện nay còn nguyên vẹn các cấp nền được kê bằng đá kiên cố, toàn bộ mặt bằng chùa từ ngày khởi dựng vẫn ẩn mình và được phủ kín bởi các đám lá cây, ít người biết tới. Do vậy, khai quật, nghiên cứu khảo cổ học và xây dựng hồ sơ khoa học tại địa điểm di tích này sẽ cung cấp mặt bằng đầy đủ của một ngôi chùa quan trọng bậc nhất của Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử.

Tương tự như vậy với các địa điểm chùa Bình Long, chùa Hòn Tháp, riêng đối với khu vực Đám Trì cần có chiến lược nghiên cứu tổng thể và liên ngành (Khảo cổ học, Hán - Nôm học, Địa lý học, Lịch sử học, trong đó Khảo cổ học đứng vai trò chủ đạo) nhằm làm rõ vai trò của khu vực thung lũng này đối với Trúc Lâm Yên Tử.

c) Hệ thống các di tích đã có từ thời Lý ở châu Lạng với trung tâm là vùng Lục Nam, Lục Ngạn hiện nay tiếp tục phát triển rực rỡ dưới thời Trần, là cơ sở quan trọng bậc nhất cho sự ra đời và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Từ những dữ liệu đã phân tích và trình bày ở các phần trên, có thể thấy hệ thống các di tích thời Lý ở lưu vực sông Lục Nam đã phát triển rực rỡ trong giai đoạn thế kỷ 11-13 với trung tâm là khu vực huyện Lục Nam và Lục Ngạn hiện nay, liên quan đến các di tích dòng họ Thân trong lịch sử.

Đến thời Trần, với các chứng cứ là những di vật khảo cổ học đã khai quật được và hiện trạng di tích hiện nay thì hệ thống này vẫn tiếp tục được phát triển rực rỡ dưới thời Trần và là cơ sở kinh tế quan trọng bậc nhất đối với sự ra đời và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

3.2. Sự hình thành di sản văn hoá Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử gắn với phát triển Con đường Hoàng dương Phật pháp

Bắc Giang là địa phương có một phần diện tích nằm trong hệ thống núi Yên Tử thuộc cánh cung Đông Triều; khu vực sườn Tây núi Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang là vùng đất có vị trí chiến lược về quân sự, chính trị. Từ xa xưa, trong lịch sử, sách Đại Nam Nhất thống chí khi chép về vị trí các núi ở khu vực này đã ghi và nhắc đến các địa danh có gắn với những từ ngữ liên quan đến Phật giáo: Núi Phật Sơn, núi Huyền Đinh, núi Am Ni, núi Bát Nhã, núi Nham Biền... các núi này ngày nay đều nằm phía sườn Tây núi Yên Tử thuộc các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động và Yên Dũng của tỉnh Bắc Giang. Như vậy có thể nói sườn Tây Yên Tử có hệ thống các di sản văn hóa Phật giáo nói chung và di sản văn hóa Phật giáo Yên Tử nói riêng có giá trị to lớn, là nguồn tài nguyên quý báu cho việc khai thác, phát triển du lịch một cách bền vững. Điểm nhấn tạo nên giá trị văn hóa Phật giáo Yên Tử đó là Chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng), một danh lam cổ tự, trung tâm Phật giáo, chôn Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một đặc trưng nổi bật của kiến trúc Phật giáo Việt Nam hay Chùa Bỏ Đà (huyện Việt Yên) là ngôi chùa còn giữ nguyên nét kiến trúc cổ kính, độc đáo và khác biệt với các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc, với lối kiến trúc “Nội thông, ngoại bế” đã tạo nên không gian u tịch, linh thiêng cùng với những hiện vật cổ như tượng thờ, hoành phi, phù điêu, câu đối. Cùng kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được UNESCO vinh danh là Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương thuộc chương trình Ký ức thế giới; Bộ mộc bản kinh Phật khắc bằng gỗ thị của chùa Bỏ Đà được coi là cổ nhất Việt Nam, đây là những cổ vật có giá trị như những bảo vật Quốc gia... Với những di sản còn lưu giữ cùng các giá trị kiến trúc độc đáo của chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bỏ Đà đã được Nhà nước công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt. Hệ thống chùa, tháp Phật

giáo ở Bắc Giang nếu được bảo tồn, khai thác, phát huy, kết nối cùng hệ thống di tích, danh thắng sườn Tây Yên Tử, đặc biệt là Chùa Đồng trên đỉnh thiêng Yên Tử thành tour du lịch gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, sẽ là sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh độc đáo, khác biệt của tỉnh Bắc Giang mà khó một địa phương nào có được.

Hiện nay, phát triển du lịch văn hóa tâm linh, sinh thái vùng Tây Yên Tử đã được xác định là sản phẩm du lịch đặc trưng Bắc Giang, trong đó sản phẩm phải kể đến là khai thác tour du lịch “*Hành trình theo dấu chân Phật Hoàng*” đã và đang được xây dựng, dần hình thành nhằm khai thác giá trị văn hóa, tâm linh của “*Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử*”. Với Bắc Giang con đường được bắt đầu từ địa phận huyện Yên Dũng qua huyện Lục Nam, Lục Ngạn và dừng lại ở điểm cuối của khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, thị trấn Tây Yên Tử huyện Sơn Động với độ dài trên 70 km dọc theo các triền núi thuộc phía Tây dãy núi Yên Tử. Dọc theo tuyến đường này đều có các di tích lịch sử - văn hóa gắn với Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - một Thiền phái Phật giáo có lịch sử ra đời vào thời Trần, mang bản sắc văn hóa tâm linh của Việt Nam đã trải qua hơn 700 năm mà vẫn lung linh tỏa sáng.

Với địa thế núi cao cảnh đẹp nên những danh thắng từ xa xưa, khu vực này đã được các vị vua thời Lý - Trần quan tâm lựa chọn là nơi dựng chùa, tu tâm, tham thiền học đạo. Dấu tích các ngôi chùa cổ thời Trần nằm ở sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận Bắc Giang được phát hiện còn các dấu tích ở chùa Am Vải xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn; chùa Yên Mã xã Bắc Lũng, chùa Hồ Bắc xã Nghĩa Phương, chùa Bình Long xã Huyền Sơn, chùa Hòn Tháp xã Cẩm Lý, chùa Cao xã Khám Lạng thuộc huyện Lục Nam, chùa Vĩnh Nghiêm huyện Yên Dũng...

Qua khảo sát của các nhà nghiên cứu cho thấy hệ thống di tích các ngôi chùa cổ trên dãy núi Yên Tử thuộc địa phận Bắc Giang đều có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Hệ thống chùa tháp bên phía Tây dãy Yên Tử, ngày nay không chỉ có giá trị về lịch sử, kiến trúc, văn hoá mà còn cùng với các di tích, danh thắng suối Mỡ, suối Nước Vàng, thác Ba Tia, rừng nguyên sinh đã tạo nên tiềm năng vô cùng to lớn cho việc xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch tỉnh Bắc Giang, đặc biệt là sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh, sinh thái gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề án

- Đối tượng: Các di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể, cảnh quan thiên nhiên có liên quan đến Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử thuộc địa bàn 4 huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động.

- Phạm vi: Thuộc phạm vi các huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động và một số di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có liên quan đến các dấu tích thời Lý - Trần.

5. Kết quả dự kiến của đề án

- Định vị giá trị của các di sản văn hóa trên Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật phái Trúc Lâm Yên Tử; đánh giá đúng thực trạng để có hướng đi đúng đắn trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.
- Góp phần hoàn thiện lý thuyết về hình thức du lịch tâm linh dựa trên cơ sở của giá trị di sản văn hóa Phật giáo Trúc Lâm, làm rõ đặc điểm và giá trị Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.
- Xây dựng mô hình và hệ thống các sản phẩm du lịch, tour, tuyến du lịch Tây Yên Tử.

PHẦN 2

CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA CON ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP CỦA CÁC VỊ TỔ PHẬT GIÁO TRÚC LÂM YÊN TỬ

I. TƯ TƯỞNG NHẬP THỂ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ

1. Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là niềm tự hào lớn của dân tộc về đời sống tinh thần Việt. Nó không chỉ phản ánh sự phát triển của ý thức dân tộc, mà còn tác động ngược trở lại tồn tại xã hội Đại Việt, cụ thể là góp phần vào những chiến thắng vang dội trước sự xâm lược của quân Nguyên - Mông. Trong sự kiện thắng lợi vĩ đại ấy, chúng ta không thể không nhắc tới vai trò của một số thiền sư tiêu biểu thời Trần bằng tinh thần nhập thể tích cực, những thiền sư đã sẵn sàng cởi áo cà sa để mặc áo bào ra trận, ngay trong quá trình hình thành Thiền phái này. Tinh thần nhập thể không chỉ ở sự biểu hiện trên lĩnh vực đời sống thực tiễn, mà còn ở trong chính tư tưởng của các thiền sư thời Trần.

Xã hội Việt Nam thế kỉ XIII - XIV đã tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Trước hết, sự phân hóa giai cấp ngày một gay gắt và nhiệm vụ lịch sử lớn lao chống lại sự xâm lược của giặc Nguyên - Mông chính là cơ sở xã hội và nhu cầu thực tiễn để hình thành nên Thiền phái này, một Thiền phái vừa thống nhất về mặt tư tưởng tôn giáo triết học, xoa dịu những mâu thuẫn nói trên, vừa mang tính nhập thể tích cực để đoàn kết các lực lượng xã hội chống ngoại xâm. Sự thống nhất về mặt tư tưởng chính là sự chấm dứt các dòng truyền thừa của Phật giáo ở Việt Nam trước đó mà những người đặt nền móng lý luận cho Trúc Lâm Yên Tử là Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ. Trần Nhân Tông không chỉ là hậu duệ của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ, mà còn là người học trò tiếp thu và phát triển tư tưởng của tiền bối để trở thành Trúc Lâm đệ nhất tổ. Tinh thần nhập thể của Thiền phái Trúc Lâm trở thành một trong những đặc trưng nổi bật của Thiền tông Việt Nam và đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

2. Tinh thần nhập thể trong tư tưởng của Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, ba vị Tổ thiền đặt nền móng sáng lập Thiền phái Trúc Lâm

Trần Nhân Tông là một trong những vị vua thời Trần có công lớn trong việc lãnh đạo Nhân dân Đại Việt hai lần đánh bại quân xâm lược Nguyên - Mông, là một người anh hùng võ công hiển hách với một đức Phật từ bi, cốt cách thanh tao. Có thể nói, Trần Nhân Tông chịu ảnh hưởng triết lí nhà Phật, song đó không phải là tư tưởng, chủ trương xuất thế đi tìm sự giải thoát ở cõi hư không mà là tư tưởng Phật giáo trong sự thống nhất, dung hợp với Nho giáo, Đạo giáo và truyền thống của dân tộc. Sự dung hợp đó tạo cho Phật giáo một dáng vẻ mới mang màu sắc Việt Nam với tinh thần nhập thế tích cực.

Trong cuộc đời mình, dù ngồi trên ngai vàng hay xuất gia tu hành, Trần Nhân Tông đều dốc lòng cho sự nghiệp thực tiễn thế tục và thiện đạo. Nền tảng tư tưởng chi phối toàn bộ hoạt động Trần Nhân Tông chính là truyền thống yêu nước đoàn kết chống giặc, tinh thần độc lập dân tộc, ý thức cộng đồng... Tất cả ý thức này đã kết thành mạch sống linh hồn của dân tộc trải qua ngàn năm dựng nước và giữ nước. Trần Nhân Tông đã kế thừa quan điểm của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, song ở Ngài có sự chú trọng đến hành động nhiều hơn. Tuy ý thức về sự khác biệt giữa đời và đạo, từng tu hành theo Phật, nhưng tâm thế của Trần Nhân Tông luôn lấy đạo giúp đời, lấy đời giúp đạo. Đây là hai mặt cùng tồn tại, giúp đỡ và hỗ trợ cho nhau, sống đời tự nhiên nhưng không bỏ rời hành đạo, xuất gia tu hành đâu đó nhưng vẫn không tách biệt xa lánh trần tục.

Nếu như ai cũng nhầm tưởng rằng, muốn giải thoát phải xa lánh cuộc sống trần tục đầy bụi bặm, để tìm đến chốn thiêng liêng tu hành, thì Trần Nhân Tông cho rằng: “Bụt ở trong nhà” tồn tại trong chính bản thân con người, trong chính thế giới này hay ở một nơi nào, một tầng trời mông lung nào. Bởi vậy, sẽ là vô vọng khi cứ mãi miết tìm Phật ở nơi xa, vì thế chỉ cần quay đầu nhìn lại chính mình thì sẽ đến được bến bờ của sự giác ngộ. Sống thực với mình còn là vui vẻ hòa đồng với thiên nhiên. Đói thì ăn, mệt thì ngủ chẳng cần hối tiếc quá khứ, cũng không mong đợi ở tương lai, biết sống tự nhiên, an vui ngay trong đời thường, có thể nói, là tuyên ngôn của lối sống thiền mang đậm tinh thần nhập thế: “*Cõi trần vui đạo, hãy tùy duyên. Đói cứ ăn no, mệt ngủ yên. Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm. Vô tâm trước cảnh, hỏi chi Thiền*”¹. Với đầy đủ lòng thương yêu rộng lớn và sự hiểu biết chân thật, Trần Nhân Tông đã sống một đời đạo hạnh. Thân sống giữa cuộc đời mà lòng lúc nào cũng chan hòa ánh sáng, luôn nhắc nhở mọi người hãy “*cư trần lạc đạo*” (vui đạo giữa trần thế). Trần Nhân Tông luôn sống an vui trong chính hoàn cảnh của mình đang sống. Do đó, dù là một thầy tu, một cư sĩ, một ông vua, một thường dân, một người cha hay người mẹ, một công nhân, binh sĩ... cũng đều đang sống và cùng đóng góp vào sự duy trì vị trí xã hội, tuy hoàn cảnh cá nhân khác nhau nhưng ai cũng có một cuộc sống tràn đầy an vui, hạnh phúc. Khi tâm tĩnh lặng là tâm không tâm niệm, là trạng thái vô ngã mà Lục Tổ Huệ Năng gọi là tâm vô niệm, còn theo kinh Kim Cương thì đó là cái tâm không dính mắc gì cả. Là thiền nhập thế, nhưng trong quan niệm về thiền, Trần Nhân Tông không đi sâu vào quan niệm lí luận mà chú ý nhiều đến việc hành thiền. Ông là người đầu tiên có ý thức cụ thể hóa các bước đi trong quá trình tu thiền, chọn lọc các khái niệm “thiền” của các thế hệ

¹ Thơ văn Lý - Trần, t.2, Sdd, tr.245

trước, thực nghiệm thiền bằng chính cuộc đời mình và trở thành tấm gương cho thiền sư Pháp Loa học tập, kế thừa và phát triển.

Vua Trần Nhân Tông biết cổ động sự đoàn kết keo sơn, sự nỗ lực xả thân cho đất nước của các tướng lĩnh, binh sĩ và dân chúng khắp nơi. Sử thần Ngô Sĩ Liên đã ca tụng nhà Vua: *“Vua được tinh nhanh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng ... Hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm vẻ vang đời trước, thực là Vua thiêng của đời Trần”*. Vận dụng triết lý thiền vào việc trị quốc yên dân, trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông (1285, 1288), Trần Nhân Tông đã lãnh đạo đất nước tiến hành thắng lợi, dẹp yên bờ cõi, giữ vững độc lập chủ quyền, trở thành ngọn cờ đoàn kết Nhân dân, dân tộc, cùng chia ngọt sẻ bùi. Chính tinh thần ấy là sức mạnh khiến cho vua tôi một dạ, vượt qua gian nan, thử thách, cùng nhau giữ vững nền độc lập của nước nhà. Khi đất nước thái bình, không còn bóng quân thù, Trần Nhân Tông đã chủ trương “khoan thư sức dân”, chăm lo phát triển kinh tế, mở rộng diện tích đất canh tác, xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, miễn giảm thuế cho Nhân dân... Đặc biệt, chính sách “ngụ binh ư nông” của các vua Trần tiền bối được ông kế thừa và nâng lên một bước, xem toàn dân là lính và người lính là dân thay nhau chăm lo sản xuất, khi có chiến tranh xảy ra thì toàn dân đánh giặc, đảm bảo cho đất nước luôn được phát triển về kinh tế, an ninh về quốc phòng.

Để thống nhất tư tưởng trong muôn dân, tạo cơ sở cho sự đoàn kết - yếu tố sống còn của dân tộc, Trần Nhân Tông đứng ra thành lập Thiền phái Trúc lâm Yên Tử. Công lao to lớn của Trần Nhân Tông là ở việc phát huy tinh thần nhập thế của Phật giáo, luôn hướng tới việc phục vụ dân tộc và xây dựng một xã hội đạo đức, lành mạnh. Theo Tam Tổ Thực Lục, ông đã vân du khắp nơi để giảng Phật pháp, dạy dân thực hành mười điều thiện (thập thiện), bao gồm: (1) không sát sinh; (2) không trộm cắp; (3) không tà dâm; (4) không nói dối; (5) không nói lời chia rẽ; (6) không nói lời độc ác; (7) không nói lời bần thiêu; (8) không tham lam; (9) không giận dữ; (10) không tà kiến. Như vậy, việc hướng vào tâm để thấy tính và nay trong hành động cụ thể, bằng mười điều thiện, để xây dựng trong Nhân dân một đạo đức xã hội lành mạnh trên nền tảng đạo đức Phật giáo là ước nguyện của ông. Dù ở nơi trần tục trên ngôi cao hay ở đỉnh Yên Tử với cuộc sống thanh tao, đạm bạc, những tư tưởng và hành động của Trần Nhân Tông đều thể hiện khuynh hướng nhập thế tích cực. Tư tưởng Phật giáo của Ngài đã góp phần tạo nên sức mạnh to lớn trong chính mỗi con dân Đại Việt, làm nên lễ sống cao quý của thời đại - một thời đại Phật giáo với bao kì tích to lớn gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Cũng như Trần Thái Tông, Pháp Loa chủ trương dựa vào giới luật để đạt tới chỗ an tâm. Bản chất của giới luật là “giữ cho sáu căn thanh tịnh, ngừa quấy, diệt ác”. Chủ trương của Pháp Loa buông xả thân tâm để đạt tới “vô tâm”, “vô niệm”.

Nói đến tư tưởng nhập thế của Pháp Loa, chúng ta không thể không đề cập tới quan điểm của ông về cách học làm người. Trong Yếu minh học thuật, ông viết: *“Đối với người học, trước tiên là xét khảo kinh pháp, sau mới tu hành.*

Kinh có năm bậc, pháp có bốn phép... Về bạn có bốn loại hơn mình: một là học Đại Thừa; hai là đọc rộng kinh điển; ba là khuyên can điều vô ích và bốn là giúp nhau trong khó khăn hoạn nạn. Đó là những hạng người có thể gần gũi, cũng gọi là vào bậc gia hạnh vậy... Đi sát bốn bạn tốt: Một, bạn tốt ngăn cản điều sai trái, nghĩa là khi gặp điều ác thì cùng khuyên can nhau; hai, bạn tốt từ mẫu, nghĩa là gặp điều khó ải thường cứu đỡ nhau; ba, bạn tốt làm điều lợi chung, nghĩa là khi có việc vui cùng san sẻ; bốn, bạn tốt cùng làm việc với nhau, nghĩa là khi có việc thiện thì cùng chung tay đóng góp”²

Là nhà tu hành xuất gia, song Pháp Loa không bao giờ quên ân đức của cha mẹ và vua, cho đó là ân nghĩa không bao giờ trả hết. Vì vậy, trong cách học đạo làm người ông viết: *“Với chút việc thiện nhỏ này mong đền đáp tứ ân: dù nhiều lần xương tan thịt nát cũng không thể đền đáp được công ơn như trời cao lòng rộng”*³. Tứ ân của nhà Phật, còn gọi là tứ trọng ân: 1. Ôn cha mẹ; 2. Ôn chúng sinh; 3. Ôn Quốc gia; 4. Ôn Tam Bảo. Thực hiện tốt tứ trọng ân cũng có nghĩa là nhà tu hành phải đồng thời hành động theo tinh thần nhập thế. Bằng đức độ, tài năng và lòng nhiệt thành của mình, được sự ủng hộ tích cực về mọi mặt của nhà Trần, Pháp Loa đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ mà Trúc Lâm Điều Ngự đã kì vọng là phát triển đạo pháp, kiện toàn tổ chức giáo hội.

Tuy xuất gia khi tuổi đã cao, song thiền sư Huyền Quang đã nỗ lực trút bỏ mọi ưu phiền từng đeo đẳng ông trong suốt 20 năm quan trường. Cuộc đời ông dường như có hai mảng đối lập nhau. Một mảng đời đi theo con đường của các Nho sĩ, tinh thông Nho học, mưu cầu công danh. Mảng đời sau là con đường của các thiền sư, tham vấn thiền, tu trì đắc đạo.

Nổi nghiệp Pháp Loa, trở thành tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Huyền Quang cũng gặp nhiều khó khăn trong việc lãnh đạo Giáo hội, nhất là khi vai trò của Nho giáo và địa vị của các Nho sĩ ngày càng chiếm ưu thế hơn trong việc quản lí xã hội và lãnh đạo tinh thần xã hội thời Trần. Tinh thần nhập thế tích cực của ông thể hiện qua những đóng góp lớn lao trong việc phổ biến, giảng giải giáo lí Thiền phái Trúc Lâm. Biên soạn sách giáo khoa, phổ cập hóa giáo lí Thiền cho tăng ni. Đó cũng chính là tinh thần nhập thế tích cực của ông. Tư tưởng Thiền học cơ bản của Huyền Quang là con đường chứng ngộ về lẽ sinh tử. Theo ông, giới, định, tuệ là con đường chứng ngộ của các thiền sư. Giới, định là những bức tường chắc chắn để ngăn chặn dòng lăng xăng, xao động của tâm. Nhờ Giới mà dòng sinh, diệt của ngũ uẩn ngừng nghỉ, “vạn duyên không khuấy nhiễu”. Nhờ Định mà cái tâm an tịnh, tĩnh lặng. Còn nhờ Tuệ mà tâm mới bừng sáng, nhập vào bản thể tối cao huyền diệu, viên đồng “thị”, “phi”, “mê”, “ngộ”, “ma”, “Phật”. Về lẽ sinh tử, Huyền Quang cũng ý thức rõ về kiếp sống vô thường và ngắn ngủi của con người so với cái vô tận, vĩnh hằng của không hư. Cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa nếu con người còn tham tiếc, lưu luyến, lặn

² Thơ văn Lý – Trần, t.2, Sđd, tr. 675-676.

³ Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Văn tuyển, tập 2: Tư tưởng Việt Nam thời kỳ Trần - Hồ. Biên soạn: Trần Nguyên Việt, Lê Thị Lan & Hoàng Kim Kính. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2004, tr. 282

hợp trong biến sinh tử. Theo ông, ý nghĩa của cuộc đời là ở chỗ thấu hiểu lẽ sinh tử đến cội nguồn của nó và trẫm mình vào cội nguồn đó, đây là những quan điểm, suy nghĩ mang tính nhập thế cao. Chủ trương xuất thế, ẩn dật, lánh đời của ông không phải tu hành khắc khổ theo Đầu Đà, mà theo kiểu Lão - Trang. Xuất thế nhưng lại là nhập thế. Như vậy, nhập thế trong tư tưởng của các thiền sư - sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã được thể hiện qua sự kế thừa từ các dòng Thiền đã được du nhập vào nước ta, đặc biệt là Thiền phái Vô Ngôn Thông, tức Thiền Nam tông Trung Hoa do Lục tổ Huệ Năng sáng lập. Tuy nhiên, trong tư tưởng nhập thế của dòng thiền này, tính quy định của những điều kiện lịch sử cụ thể chưa được đặt ra và lí giải một cách rõ ràng. Chỉ khi các nhà Thiền học Việt Nam, đi tiên phong là Trần Thái Tông và tiếp theo là Tuệ Trung Thượng sĩ mới làm rõ được những nội dung căn bản của nhập thế Phật giáo trong mối quan hệ của tôn giáo này với các học thuyết triết học khác, với những yếu tố lịch sử cụ thể của thời đại để từ đó, các thiền sư thế hệ sau kế thừa, phát triển lên thành những đặc trưng riêng của Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Những đặc trưng ấy trước hết được thể hiện trong đời sống Thiền. Đó là tính tự do, tự tại, không cần thiết phải tu đầu đà, phải ăn chay niệm Phật, mà thực hiện đúng tôn chỉ của Thiền là Phật tức tâm, tâm tức Phật. Nhờ đó mà từ những vấn đề về bản thể luận, nhận thức luận được Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ đặt ra, Trần Nhân Tông và hai học trò, đồng thời là những người kế tục vị trí thiền tổ đã đưa ra chủ trương đúng đắn là tùy duyên. Vui với đạo nhưng các thiền sư đã không quên nhiệm vụ của đời sống trần tục, bởi vận mệnh của dân tộc, sự an nguy của dân cũng chính là sự thịnh suy của Phật giáo.

II. GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO TRÚC LÂM TÂY YÊN TỬ

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần có ý nghĩa rất lớn. Phật giáo Trúc Lâm có nét độc lập, tính nhập thế, tinh thần không phụ thuộc thân ngoại, đã khoác lên dân tộc chiếc áo tôn giáo thuần chất Việt. Nếu Đông Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) là nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông tu tập, thì Tây Yên Tử (tỉnh Bắc Giang) là Con đường Hoàng dương Phật pháp của Ngài. Sau khi Trần Nhân Tông nhập Niết Bàn, Pháp Loa và tổ đệ tam Huyền Quang cũng theo con đường phía Tây này thực hiện nhiệm vụ Phật sự của Trúc Lâm, cho mở mang, xây dựng chùa tháp, phát triển đạo Phật rộng khắp ở Bắc Giang. Một số đặc trưng, những dấu ấn, dấu tích, văn bia, đặc điểm của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang là những minh chứng rõ nét; cụ thể:

1. Sự phân bố các di tích, di sản tại Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang

Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ra đời từ thời Trần, được phân bố trên một địa bàn rộng lớn, nhưng tập trung ở 3 tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Giang và Hải Dương. Trên địa bàn Quảng Ninh là hệ thống di tích thuộc khu vực Yên Tử, với hàng chục điểm di tích lớn, nhỏ; các di tích ở khu vực Đông Triều, trong đó có di tích chùa Quỳnh Lâm, Am Ngọa Vân. Ở Hải Dương là khu di tích chùa Thanh Mai, khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc, cùng hơn 20 điểm di tích khác, có liên quan tới Phật giáo Trúc Lâm. Ở Bắc Giang, sườn Tây Yên Tử nằm trên địa

phận huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn, huyện Lục Nam, huyện Yên Dũng gắn liền với sự hình thành và phát triển của Phật giáo Trúc Lâm. Đó là chùa Vĩnh Nghiêm – điểm nhấn đặc biệt quan trọng, một trung tâm Phật giáo nổi tiếng dưới thời Trần, cùng hệ thống Phật giáo Trúc Lâm phân bố suốt dọc triền phía Tây dãy núi Yên Tử. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm quan trọng trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Chùa được xây dựng từ khá sớm - thời Lý. Đến thời Trần được xây dựng thành trung tâm của Phật giáo Trúc Lâm. Sau khi từ bỏ ngai vàng đi tu, Trần Nhân Tông: “... đã biến ngôi chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La, hiện nay ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) thành trụ sở Trung ương của Giáo hội Trúc Lâm, chứa đủ hồ sơ của tăng ni cả nước. Ông đã tổ chức nhiều lần độ tăng ni, mỗi lần không dưới một nghìn người”⁴. Cả ba vị Tổ: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang đều lấy chùa Vĩnh Nghiêm làm Trung tâm truyền bá Phật pháp của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Từ trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm, nhiều ngôi chùa bên sườn Tây Yên Tử thuộc cánh cung Đông Triều cũng được trùng tu và xây dựng mới. Ngôi chùa được xây mới là chùa Hồ Bắc, chùa Ngộ ở Lục Nam, Bắc Giang. Các ngôi chùa khác: chùa Am Vãi, chùa Bình Long, chùa Cao, chùa Hòn Tháp. Chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng từ thời nhà Lý, đến thời kỳ này đều được trùng tu mở rộng, mang đậm dấu ấn của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Mỗi ngôi chùa dù được xây mới hay trùng tu đều có một vị trí đặc biệt là được đặt trên những ngọn núi nối tiếp nhau nằm dọc cánh cung Đông Triều. Địa phận Tây Yên Tử khởi đầu từ huyện Sơn Động xuống đến Lục Ngạn, có chùa Am Vãi thuộc xã Nam Dương. Chùa nằm trên núi Am Ni. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí có ghi: “Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía Nam huyện Lục Ngạn. Mạch núi từ Phật Sơn và Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng nước trong không bao giờ cạn. Cạnh núi có hai cái bồn bằng đá, trên núi có nền chùa cũ”. Truyền thuyết kể lại: “Chùa Am Vãi sơ khai chỉ là một am nhỏ, có một vị sư trụ trì. Ở đây có một hang tiền và một hang gạo do mái đá núi tạo thành. Mỗi ngày cả hai hang chỉ đủ cung cấp cho vị sư này đủ dùng trong một ngày mà không bao giờ chảy hơn. Đến một ngày có một vị huynh đệ từ xa đến thăm quan cảnh chùa và ở lại dùng bữa cùng. Trụ trì chùa Am Vãi phải ra khơi cho hang tiền, gạo chảy ra đủ dùng cho hai người. Từ đó trở đi, hang tiền và hang gạo không bao giờ chảy ra nữa. Nhà sư không có tiền gạo để tu hành nên đã bỏ đi, từ đây chùa trở nên vắng sư - thành hoang phế”.

Tiếp xuống Lục Nam có núi Phật Sơn, trên núi có chùa Ngộ hay còn gọi là chùa Đồng Vành. Núi Phật Sơn là dải núi có hình đức Phật ngọa thiền nhập Niết Bàn đầu quay về phía Tây hướng về phía sông Lục Nam, chón tổ Vĩnh Nghiêm. Trên núi Phật Sơn có chùa Hồ Thiên, am Ngọa Vân, chùa Ngộ (Đồng Vành) và một số di tích khác do Pháp Loa xây dựng. Trong số các di tích đó thì chùa Đồng Vành là ngôi chùa cổ nằm ở phía Tây Yên Tử thuộc Bắc Giang, còn

⁴ Dương Ngô Ninh. *Một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm*

lại đều nằm ở phía Đông thuộc Quảng Ninh. Chùa Ngọ nay thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

Như vậy, đến giữa thế kỷ 14 thì mối quan hệ giữa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử với cả nước phát triển tới đỉnh cao. Hệ thống Phật giáo Trúc Lâm với bốn trung tâm là Vĩnh Nghiêm, Thanh Mai, Yên Tử và Quỳnh Lâm đã hoàn thiện. Ở Bắc Giang trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm đã có mối liên hệ với các chùa trực tiếp như chùa Am Vãi, Yên Mã, Bình Long, Hòn Tháp, Hồ Bắc, Đồng Vành, chùa Cao, Khám Lạng, Hang Non và đã có vai trò tích cực trong việc phát triển Phật giáo Trúc Lâm ở phía Tây Yên Tử.

2. Những dấu ấn, dấu tích văn bia

Phật giáo Trúc Lâm để lại dấu ấn, dấu tích sâu đậm ở các chùa thuộc dãy núi Yên Tử và phụ cận, mà cụ thể là các chùa thuộc huyện Đông Triều (Quảng Ninh), một số chùa thuộc huyện Chí Linh (Hải Dương) và huyện Lục Ngạn, huyện Yên Dũng (Bắc Giang), còn được gọi là Tây Yên Tử. Tư liệu văn bia và mộc bản ở đây là minh chứng văn bản có giá trị trong việc xác định tính chân thực phản ánh đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử dưới thời Trần. Chùa Vĩnh Nghiêm là một trong những chốn tổ của Phật giáo Trúc Lâm, ở đây còn lưu trữ nhiều di sản Hán Nôm của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Trong đó, kho Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm với tổng số 3.050 đơn vị ván khắc đã được tổ chức UNESCO thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ghi danh là Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương thuộc chương trình Ký ức thế giới. Chùa hiện còn 8 văn bia (không kể 5 bia bài vị ở tháp sư tổ) phản ánh về lịch sử hình thành, quá trình trùng tu tôn tạo, tô tượng, đúc chuông ở chốn tổ Vĩnh Nghiêm. Sự tu hành của Phật giáo Trúc Lâm được thể hiện ở nhiều kinh sách, trong đó có kho mộc bản. Kinh Phật có: Kinh Đại Phươg Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, A Di Đà Kinh. Đây là 2 bộ kinh chủ yếu dùng trong Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Luật giới Phật có: Đại Thừa Chỉ Quán, Tỳ Khâu Ni Giới, Sa Di Ni Giới Kinh. Ba quyển này là giới luật tu và thiền cho các tăng, ni của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Sách có: Thần Du Tây 50 Nghiên cứu Tôn giáo. Trong đó, tập Nhật trình Yên Tử nói về sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm và phương pháp tu thiền của phái này. Các tăng ni, Phật tử theo dòng Bắc truyền ở Việt Nam đều sử dụng các bộ kinh, luật, sách trên để tu trì hành đạo. Những văn tự chữ Nôm này đã được sử dụng phổ biến, có hệ thống trong trước tác của Phật hoàng Trần Nhân Tông và các cao tăng trong Phật giáo Trúc Lâm cũng như các trí thức đương thời. Điều đó không chỉ thể hiện ý thức độc lập, tự chủ của dân tộc ta trong quá trình tiếp biến văn hóa mà còn là bước ngoặt đánh dấu sự phát triển của hệ thống văn tự Việt Nam. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm chính là di sản tư liệu quý giá của Phật giáo Bắc truyền nói chung và Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử nói riêng.

Chùa Hòn Tháp còn giữ được khối đá, thân tháp có ghi bài vị của sư chùa này. Nội dung bài vị như sau: “*Huyền Cơ Thiện Cho Pháp Vân Hòa Thượng Vị*” (nghĩa là: Bài vị vị hòa thượng có hiệu đạo là huyền cơ thiện Thọ Pháp Vân). Nếu chỉ căn cứ vào các dòng chữ này thì còn nhiều khó khăn cho việc tìm

hiếu. Một tư liệu Hán-Nôm đã giúp cho việc tìm hiểu này. Đó là phần chép về chùa Hòn Tháp trong Đạo giáo Nguyên lưu. Tư liệu này nói về quá trình vua Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử tu hành. Trên đường đi, vua đã ghé lại nghỉ chân ở chùa Hòn Tháp (trong tài liệu chép là Hòn Tháp Tự). Tài liệu chép: “*Đời thứ tư là Nhân Tông Hoàng đế, được diêu chỉ của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Ngày 12-2 năm Mậu Dần lên ngôi Hoàng đế. Đổi niên hiệu là Thiệu Bảo. Thái hậu nằm mộng thấy người thần trao cho hai thanh kiếm, bảo rằng: Trên thượng đế có sắc chú để người chọn*”. Do đó sinh con trên mình toàn sắc vàng. Vua Thánh Tông đặt tên là Kim Phật cho Nhân Tông là vì thế. Ở bên phải hàng mi của Nhân Tông có nốt ruồi to như hạt đậu đen. Các thức giả nói rằng: “*Kỳ lạ như thế tất sau này sẽ làm nên việc lớn*”. Đến năm 16 tuổi thì làm Hoàng Thái tử, Điều Ngự cố từ chối hai, ba lần, mời em lên thay. Nguyên từ Quốc mẫu đem con gái lớn gả cho. Duyên cảm sắc tuy đẹp nhưng lâu vàng gác ngọc thanh đạm như không. Khi ngài vào núi Yên Tử, đi về phía Đông đến chùa Hòn Tháp, nhà sư ở đó thấy diện mạo lạ thường lấy làm kính trọng lúc đó cũng là ngày Thánh Tông sắc cho quần thần đi bốn phương tìm ngài về. Ngài bắt đắc dĩ phải quay về lên ngôi”. Qua đoạn văn đó, biết rằng lúc Thái Tông lên Yên Tử vào chùa Hòn Tháp là lúc ngài chưa lên ngôi, tức vào khoảng năm 1274 - 1275. Tiếc rằng nếu đúng như vậy thì hai tháp nữa của chùa này cũng bị đào phá đi mất rồi nên không rõ hơn được nữa. Tuy thế, với chút ít tư liệu khắc trên bài vị ngôi tháp cổ ở đây cũng cho ta thấy chùa Hòn Tháp cũng là một cơ sở của Phật giáo Trúc Lâm.

Chùa Khám Lạng ở xã Khám Lạng, huyện Lục Nam được khởi dựng từ thời Trần, nơi ghi dấu Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Chùa còn lưu một hương án đá, trên đó có khắc văn tự khắc ở đầu hồi hương án hai dòng chữ Hán có nội dung: Năm Nhâm Tý, niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432), ông Lưu Cầu, làm quan Hạ phẩm ở xã Khám Lạng cùng vợ là Đỗ Xú công đức. Văn bia có nội dung liên quan đến việc xây dựng, tôn tạo các bảo sái thờ Phật có niên đại sớm nhất là văn bia thời Trần phát hiện ở chùa Hang Tràm (Nham Nguyệt Tự) ở xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng mới được phát hiện năm 2000. Văn bia được soạn khắc năm Xương Phù thứ 11 (1387). Bài văn bia khắc ghi nhiều sự kiện liên quan đến việc khởi dựng, cấu tác, chấn hưng Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ở một bảo sái thờ Phật thời kỳ giữa và cuối thế kỷ 14. Vì bị chôn vùi nhiều thế kỷ dưới lòng đất nên lòng văn bia bị mờ mòn nhiều chữ không khôi phục được trọn vẹn nội dung. Nhưng với những chữ còn lại, văn bia cho biết nội dung đại lược về quá trình khởi dựng, tôn tạo chùa Hang Tràm gắn với sự tu trì của các Đại thiện sư Phật giáo Trúc Lâm ở chốn tùng lâm trên dãy núi Nham Biền ở nửa sau thế kỷ 14. Vì văn bia bị mờ mòn, mất nhiều chữ, không khôi phục được đầy đủ nội dung nên chỉ lược dịch được nội dung văn bia như sau: *Miền đất này từ lâu đã có nơi thờ Phật. Sau có người được tôn xưng là Hoàng Bà sống vào khoảng thời vua Trần Anh Tông (1293-1314) đã đến đây xây tháp, tạc tượng để thờ Phật trên nền thảo am của nhà sư họ Đỗ. Đến năm Tân Dậu niên hiệu Đại Khánh thứ 8 (1321) Hoàng Bà lại khởi công các công trình như: Phật điện, gác chuông, tăng phòng và hành lang hai bên tả hữu. Phía trước chùa nhìn ra sông Thương, có hàng tùng bách xum xuê dẫn thẳng vào chùa. Chùa tọa trên thế núi cao, thật*

xứng là nơi non xanh nước biếc gọi cảnh gọi tình. Việc tôn tạo hoàn tất thì Hoàng Bà cho người thỉnh mời Hòa thượng Đại Không về cư trụ và giảng pháp. Hòa thượng Đại Không lại thỉnh mời Thiện Nhân thiền sư về cư trụ. Thiền sư cho sửa sang tu chỉnh làm cho chốn thiền lâm thêm xán lạn, xứng với công lao người trước đã tạo dựng và không hề thờ ơ, sao những việc hương khói phụng Phật. Nhưng rồi vật đổi sao rời, qua mấy chục năm thiên tai địch họa, mưa gió phủ phàng hủy hoại làm cho cảnh chùa tan hoang mái đổ tường xiêu. Nơi từng lâm ngày nào nay hoang phế trở thành nơi nghỉ chân cho trẻ mục đồng cùng đám tiểu phu... Đến tháng 3 mùa xuân năm Đinh Mão niên hiệu Xương Phù (1387) nhà sư trụ trì không nổi để cảnh chùa ngày thêm tiêu điều đã trùng tu tôn tạo và nhờ người soạn văn bia ghi lại sự việc đã qua.⁵

Ở khu vực chùa Bình Long, bên vách đá giếng nước có hai chữ “Thanh Thủy”, theo quan niệm tu hành xưa – người tu hành rất lưu tâm tới sự thanh tịnh đó chính là lý tưởng phải đạt đến của các thiền sư và môn đệ. Người tu hành trong núi tầm gọi tâm mình trong cảnh sắc sơn nguyên này cũng để đạt được chữ “Thanh Tịnh” giếng nước ở nơi này một mặt là sơn nguyên thực tại, nhưng mặt khác lại là ý niệm phải đạt đến của các sư. Trong cách tu ở núi, hành giả chú trọng về ý niệm mà hạn chế ngôn từ. Vì thế có thể hiểu rằng đây là một yếu tố góp phần tìm hiểu một trong ba yếu tố của Phật giáo Trúc Lâm là: Mật - Tịnh - Thiền. Cho nên có thể nói rằng, tuy câu chữ ngắn mà ý niệm của nó rất rộng và đậm chất Trúc Lâm.

Cụm văn bia chùa Khám huyện Lục Nam, Bắc Giang có 2 bia. Một bia khắc năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ghi việc tạo một bệ đá hoa sen; một bia khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) ghi việc tạo bệ tượng và ba pho tượng. Bệ Phật được tạo dựng vào đầu thời Lê Sơ, năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ở chùa Khám Lạng có kiểu dáng như các bệ đá hoa sen thời Trần. Điều đó cho thấy, nơi đây vốn nằm trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm thời Trần, được duy trì và tái tạo nối tiếp sau đó vào thời Lê Sơ. Còn bệ tượng khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) là bệ Phật, gồm ba bệ. Nội dung văn bản ghi việc công đức tạo tượng và công đức cúng áo Phật, cả thấy 4 chiếc.

Phật giáo Trúc Lâm còn phát triển nhánh lên vùng Lục Ngạn. Cho đến nay, cơ sở xác định điều đó được tư liệu Hán-Nôm ở chùa Am Vãi ghi chép. Trên vườn chùa còn ngôi tháp đá cổ thời Trần Liên Hoa Bảo Tháp (Tháp báu Liên Hoa): *Trúc lâm viên tịch ma ha bất thương Tỳ khưu như liên thiên sư hóa thân bồ tát cảnh vị, nghĩa là “Vị thiền sư là ma ha bất thương tỳ khưu như hóa thân làm Bồ Tát được viên tịch về chốn tổ Trúc Lâm”*. Tìm hiểu thêm về chùa Am Vãi thấy trong mục Sơn Xuyên, sách Lục Nam Địa Chí (soạn cuối thế kỷ 19) viết: Núi Am Ni, ở phía đông bắc xã Nam Điện, cao hơn ngàn trượng, lên núi có thể nhìn được các đường núi ở bốn xung quanh thuộc Đông Triều và Lạng Giang. Có một giếng ở đỉnh núi, nước rất trong ngon. Lại có chùa cổ, tương truyền là nơi Công chúa nhà Trần xuất gia tu hành ở đó. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí khi chép về vị trí núi non tỉnh Bắc Ninh đã ghi về núi Am Ni

⁵ Dương Ngô Ninh. Một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm

(tên khác của Am Vãi) như sau: Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía nam huyện Lục Ngạn mạch núi từ Phật Sơn, Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng nước trong không bao giờ cạn, cạnh núi có hai cái bồn bằng đá, trên núi có hầm chùa cũ. Như vậy, ngoài một bản chùa Vĩnh Nghiêm, với số văn bia ít ỏi còn sót lại đã giúp ta biết được các ngôi chùa thuộc Phật giáo Trúc Lâm được mở mang, phát triển khắp các nơi có non cao cảnh đẹp ở vùng Na Ngạn xưa (nay thuộc phần đất Lục Ngạn, và một phần huyện Yên Dũng). Tuy ít ỏi nhưng những văn bia thời Trần còn lại trên đất Bắc Giang đã góp phần giúp người đời phác thảo được diện mạo Phật giáo Trúc Lâm ở Thế kỷ 14.

3. Đặc điểm Phật giáo Trúc Lâm thời Trần trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

3.1. Sự ngưỡng mộ Phật giáo

Phật giáo Trúc Lâm thời kỳ này ảnh hưởng sâu sắc ở các làng xã tỉnh Bắc Giang. Niềm tin của người dân vào Phật giáo rất mạnh mẽ, nhiều ngôi chùa luôn được được quan tâm, công đức, tu tạo. Văn bia *Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc Tự* của Lê Quát cũng là tư liệu phản ánh về Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ở thời kỳ này, đặc biệt cho chúng ta thấy rõ niềm tin Phật giáo rất sâu sắc, mặc dù Nho giáo đã bắt đầu len lỏi vào trong đời sống xã hội. Nhà Phật lấy chuyện họa phúc tác động tới lòng người, sao mà cảm phục được người ta sâu và bền vậy! Trên từ vương công, dưới đến thường dân, phàm là đóng góp cho việc nhà Phật, thì dù có dốc hết tiền của, cũng không tiếc. Giá như hôm nay có gửi gắm được gì vào tháp chùa thì hơn hử như thế cầm được khế khoán trong tay, để ngày mai được báo đáp. Cho nên từ trong Kinh thành cho đến ngoài châu phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin; hễ nơi nào có nhà ở, là ắt có chùa chiền, bỏ rồi lại dựng, hỏng rồi lại sửa, số chuông trống lâu đài chiếm gần một nửa dân cư. Đạo Phật rất dễ thịnh hành và rất được người ta tôn sùng. Ta ngày còn trẻ đi học, dốc chí vào việc cổ kim, cũng biết qua về đạo Thánh, muốn lấy đó để giáo hóa Nhân dân, nhưng rốt cục chưa có thể làm cho một hướng nào tin theo cả. Ta cũng thường dạo chơi sông núi, dấu chân đã để lại trong hầu nửa thiên hạ, thế mà chưa tìm thấy một trường học hay một văn miếu nào. Chính vì vậy mà ta rất lấy làm hổ thẹn khi so sánh với tín đồ nhà Phật, bèn viết ra đây để giải tỏ lòng ta”.⁶ Văn bia chùa Vĩnh Nghiêm còn ghi rõ nhiều người dân kể cả vương thân quốc thích đã đóng góp nhiều ruộng cúng cho chùa: “Đức tổ Điều Ngự Phật hoàng Trần Nhân Tông khai mở từng lâm Vĩnh Nghiêm thì kéo theo mở cả chợ chùa. Các vị vương thân quốc thích và khắp thập phương đã phát tâm tậu nhiều ruộng cúng cho chùa, gồm cả ruộng trong xã và ruộng ở các hạt khác nữa”. Năm 1305, nhân chuyến theo vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Thiền sư Pháp Loa thuyết pháp, Huyền Quang đã có niềm tin vào Phật giáo, ngộ đạo và xin xuất gia tại đây, ông đã: “Dâng biểu đến ba lần xin từ chức để xuất gia học đạo tu hành.

⁶ Dương Ngô Ninh. *Một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm*

*Thừa ấy, vua đang tôn sùng Phật giáo nên người chấp nhận. Ngài thọ giáo với Thiền sư Pháp Loa, được pháp hiệu là Huyền Quang”.*⁷

Trên bề tượng Tam thể Phật Di Đà chùa Khám Lạng ở xã Khám Lạng, huyện Lục Nam khắc nội dung phản ánh sự đóng góp vào chùa của các Phật tử: “Ngày mùng 7, tháng Hai năm Hồng Đức thứ 25 (1494). Tín chủ là Lưu Thị Luận đứng ra tạo tượng Phật Tam tôn. Bà có tên hiệu là Thiện Duyên cúng 03 quan; ông Thuận Tâm cúng 01 quan; ông Chánh Niệm cùng bà...; bà Từ Tín, ông Ngụ cùng bà Hữu Phúc cúng 01 quan; ông Nguyễn Tâm cùng bà cúng 05 tiền; (ông) Trần Xứng cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị Đoan cúng 01 chiếc áo. Ông Phú Sơn ở xã Chỉ Tác, huyện Lục Ngạn cùng bà cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị Giám ở xã Đông Lạc cúng tiền 05 mạch”. Với việc các tín thí hưng công đóng góp tạo hương án và bộ chân tảng, các bề tượng đá uy nghi, đường nét chạm khắc cầu kỳ, tinh tế... cho thấy chùa có quy mô rất lớn và nhận được rất nhiều sự đóng góp của sãi, vãi, Phật tử.

Những dấu ấn, dấu tích, văn bia đã phần nào cung cấp lượng thông tin quý giá cho biết niềm tin vào Phật giáo Trúc Lâm đã có ảnh hưởng sâu sắc ở các làng xã Bắc Giang.

3.2. Thực hành Phật giáo

Phương pháp thực hành Phật giáo Trúc Lâm đa dạng thích ứng với mọi tầng lớp trong xã hội, gắn kết mật thiết giữa Phật giáo và Nhà nước, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển xã hội. Theo Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang, vào thời Trần thì các tu viện, đại danh lam Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Siêu Loại, Vĩnh Phúc, Báo Ân, An Lạc, Tàng Viện... là những cơ sở được chọn làm đạo tràng an cư kiết hạ trọng điểm có sự bảo trợ của triều đình, ưu tiên cho những ai là tăng sĩ ưu tú thuộc Phật giáo Trúc Lâm. Có thể nói Vĩnh Nghiêm là một trong những đạo tràng an cư kiết hạ thuộc cấp trung ương giáo hội, mang tính kiểu mẫu thời đó. Tam Tổ Thực Lục ghi: “Ngày mùng một tháng Giêng, năm Mậu Thân (1308), Điều Ngự sai Pháp Loa nhận chức trụ trì để nối dòng pháp tại chùa Báo Ân, huyện Siêu Loại. Tháng tư, Điều Ngự đến kiết hạ tại chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang, giảng truyền đăng lục, lại sai Pháp Loa giữ chức trụ trì, bảo Quốc sư Đạo Nhất giảng kinh Pháp cho đại chúng”. Mỗi kỳ an cư là mỗi lần giáo hội cùng phối hợp với triều đình có chủ trương xây dựng, thiết kế chương trình tu học thời khóa thật cụ thể, để sau một mùa an cư đều đem lại sự đắc pháp cho các hành giả và lợi lạc cho mọi người dân Phật tử.

Căn cứ vào các thư tịch còn lại như Khóa Hư Lục, Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi của Trần Thái Tông; Thiền Lâm Thiết Chủy Ngữ Lục, Thạch Thất My Ngữ, Cư Trần Lạc Đạo Phú... của Sơ tổ Trúc Lâm; Tham Thiền Yếu Chỉ, Pháp Sư Khoa Văn của Nhị tổ Pháp Loa; hoặc các thư tịch như Tam Tổ Thực Lục, Thánh Đăng Lục... thì thấy, chương trình tu học trong ba tháng an cư được thiết lập với quy củ thiền môn đậm nét Phật giáo Đại Việt. Với ý nghĩa quan trọng của việc tu trì giới luật, chính Pháp Loa, người lãnh đạo Giáo hội Trúc

⁷ Dương Ngô Ninh. *Một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm*

Lâm đã từng hiệu đính bộ Tứ Phần Luật, khắc in 5.000 bản lần đầu tiên vào năm 1322, tổ chức khóa học Luật Tứ Phần cho các hành giả tu trì. Điều đáng nói là Sơ tổ đã mời các vị cao tăng như Quốc sư Tông Kính và Quốc sư Bảo Phác đến các đạo tràng giảng giới luật. Sách Tam Tổ Thực Lục ghi: “*Tư Đồ Văn Huệ Vương mời sư về dinh thự An Long giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhân tiện, sư xem lại bản Tứ Phần Luật San Bồ Sao, in để ấn tống hơn 5.000 quyển. Sư nhờ Quốc sư Tông Kính ở Du Tiên, Quốc sư Bảo Phác ở núi Vũ Ninh đến chùa Siêu Loại giảng bộ Luật này*”. Các bộ kinh như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Bát Nhã được Giáo hội Trúc Lâm đưa vào chương trình giảng dạy ở các khóa học đạo tràng. Bởi vì đây là những bộ kinh quan yếu của hệ thống kinh điển Đại thừa, các hành giả y cứ vào đó thực thi Thiền - Giáo song hành mà chứng ngộ; cũng là cơ sở lý luận hình thành học thuyết Cư trần lạc đạo mà Sơ tổ Trúc Lâm chủ trương để phục vụ cho đường lối hoạt động của Giáo hội Trúc Lâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, đạo pháp trường tồn. Trên hết, kỳ an cư kiết hạ, thực sự đã làm sống dậy tinh thần Phật giáo Đại Việt, góp phần làm nên lịch sử dân tộc, lịch sử Phật giáo nước nhà. Cho nên, bất cứ tăng sĩ nào trong thời Trần đều cũng ao ước được trở về Vĩnh Nghiêm, Yên Tử để kiết hạ. Rõ ràng chùa Vĩnh Nghiêm thật sự trở thành trung tâm hoàng pháp, cơ sở đào tạo tăng tài, nơi hội tụ quần chúng tu học giáo lý Phật thuộc hệ thống Phật giáo Trúc Lâm thời Trần. Chính đặc trưng này mà Phật giáo Trúc Lâm đã được các vương triều Nhà Trần ủng hộ, quần chúng tin theo, điều đó cũng có nghĩa các tăng sĩ thời Trần là những nhà tu hành có giới đức thanh tịnh, định lực kiên cố, và trí tuệ thẳng chứng đã góp phần làm cho đạo pháp trường tồn, dân tộc hưng thịnh.

3.3. Cộng đồng Phật giáo

Phật giáo Trúc Lâm có đặc trưng xã hội, thực tế và nhập thế, liên kết cộng đồng. Phật giáo Trúc Lâm đã tạo ra một nét mới riêng biệt cho Phật giáo Việt Nam, đáp ứng ngay niềm tin của đại đa số quần chúng. Cho nên, được đông đảo quần chúng Nhân dân ủng hộ tham gia. Chưa bao giờ trong lịch sử Phật giáo có cộng đồng tín đồ tham gia thực hành đông đến thế. Trần Nhân Tông đứng ra lãnh đạo và xây dựng hệ thống tổ chức giáo hội, truyền y bát cho Pháp Loa làm Đề nhị Tổ và giao trọng trách lãnh đạo giáo hội Trúc Lâm. Với tài năng của Pháp Loa, Ngài làm cho giáo hội Trúc Lâm càng rục rờ hơn. Vào thời điểm này, số lượng tăng ni quá đông, cứ mỗi năm tổ chức thọ giới phải loại ra hàng nghìn người nhưng tính đến năm 1329, “số tăng sĩ đã được xuất gia trong những giới đàn do Giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị”. Tính đến khi viên tịch (năm 1330), “Sư đã tạo hơn 1.300 tượng Phật lớn nhỏ, hai bộ tượng sơn mài, hơn trăm tượng bằng đất, dựng hai cảnh chùa lớn và năm ngôi tháp, lập hơn 200 tăng xá, độ hơn 15.000 tăng ni, in một bộ Đại tạng kinh. Những đệ tử đặc pháp hơn 3000 người đã liệt kê ở lược đồ. Pháp sư có 6 người, như Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, v.v... đều hành pháp đặc lực. Còn Hoàng Tế và Huyền Giác hiện đang chăm sóc tháp của Sư”. Trong hơn 200 tăng đường mà Pháp Loa cho xây dựng, chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm, địa điểm quan trọng trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Ông đã huy động cả giới quý tộc nhà Trần vào việc xây dựng chùa tháp lúc bấy giờ. Một

bản chùa Vĩnh Nghiêm là báu vật quốc gia giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tư tưởng, giáo lý, lịch sử, con người và sự phát triển của Phật giáo Trúc Lâm thâm nhuần trong đời sống cộng đồng, như tác giả Nguyễn Quốc Tuấn nhận định: “Tư tưởng, giáo lý hành đạo của Phật giáo Trúc Lâm được in ra từ mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được bảo lưu, quảng bá trong một thời gian dài. Tư tưởng ấy đã thâm nhuần trong đời sống cộng đồng và lan tỏa ảnh hưởng ra ngoài lãnh thổ quốc gia. Ở Việt Nam, hiện có hàng trăm Thiền viện thuộc Phật giáo Trúc Lâm, biểu tượng của nó không phải chỉ có ở Bắc Giang mà xuất hiện nhiều nơi, tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm phát triển khá mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng đến Phật tử nhiều nước trên thế giới”. Những nội dung nêu trên đã cho chúng ta thấy, kể từ khi xây dựng, chùa Vĩnh Nghiêm trở thành trung tâm Phật giáo của cộng đồng Tây Yên Tử thời Trần, những đóng góp của Pháp Loa đối với cộng đồng Phật giáo Tây Yên Tử là rất lớn. Phật giáo Trúc Lâm có sức hấp dẫn, thu hút nhiều tầng lớp trong cộng đồng xuất gia. Dân chúng sùng kính đạo Phật, chùa chiền được xây dựng ở khắp nơi. Phật giáo Trúc Lâm là một yếu tố quan trọng liên kết cộng đồng thời kỳ này.

Có thể khẳng định, đến thời Trần, hòa nhập trong trào lưu Phật giáo Đại Việt phát triển lên tầm cao mới với việc trí thức hóa, bản địa hóa Phật giáo và sự định hình Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử cuối thế kỷ 13 do Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập mang đậm sắc thái văn hóa dân tộc thì đồng thời xuất hiện các trung tâm Phật giáo lớn ở hai sườn Đông, Tây dãy Yên Tử. Cùng với việc xây dựng, mở mang hệ thống chùa chiền ở sườn Đông Yên Tử, ở bên sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang là sự phân bố của hệ thống Phật giáo Trúc Lâm như Chùa Hòn Tháp, chùa Bát Nhã, chùa Hồ Bắc, chùa Bình Long, chùa Am Vãi, v.v... Đặc biệt, với sự tiếp nối các sư tổ, chùa Vĩnh Nghiêm đã trở thành trung tâm với quy mô lớn để đào tạo tăng đồ của Phật giáo Trúc Lâm. Cho nên, những năm cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14, miền đất ở sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang cũng được xem như kinh đô Phật giáo thời Trần. Như vậy, có thể nói rằng, dọc theo dãy Tây Yên Tử ở Bắc Giang từ thời Trần có một hệ thống chùa cổ, đã phần nào giúp chúng ta xác định rằng, Phật giáo Trúc Lâm đã phát triển mạnh mẽ, từ sơn môn Yên Tử xuống đồng bằng và lấy trung tâm Phật giáo ở Vĩnh Nghiêm làm trụ sở của “Giáo hội”. Có thể khẳng định, trong lịch sử, hệ thống di tích và danh thắng Tây Yên Tử và chùa Vĩnh Nghiêm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đóng một vai trò quan trọng và là một phần không thể tách rời trong quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, gắn với Phật giáo Trúc Lâm, mang đặc trưng đậm bản sắc Việt, do các thiền sư Việt Nam đã chọn lọc và “Việt Nam hóa” được những tư tưởng cao đẹp từ Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa. Đặc điểm lớn của Phật giáo Trúc Lâm là ở chỗ luôn nhập thế đồng hành cùng dân tộc, thể hiện đậm bản sắc cộng đồng dân tộc Việt, góp phần củng cố và nâng cao ý thức liên kết cộng đồng, tinh thần độc lập tự chủ. Bảo vệ và phát huy những đặc trưng này trong xu thế hội nhập, phát triển hiện nay là một việc làm cần thiết, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, thúc đẩy công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

Đến nay, tỉnh Bắc Giang có 02 tôn giáo được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập tổ chức và hoạt động ổn định đó là: Đạo Phật và Đạo Công giáo. Đạo Phật có khoảng 87.730 tín đồ thường xuyên sinh hoạt và trên 110.000 tín đồ không thường xuyên sinh hoạt, chiếm 10,8 % dân số toàn tỉnh. Hiện toàn tỉnh Bắc Giang có hơn 700 ngôi chùa, 67 tăng ni, 1 hòa thượng, 1 thượng tọa, 4 ni trưởng, 2 ni sư, các vị đại đức, tỷ khiêu ni... Chư tăng ni Phật giáo Bắc Giang đã luôn coi việc hoằng pháp là nhiệm vụ thường xuyên, đưa Phật tử trở về sống trong chính pháp, an vui với chính pháp như lời vị Tổ dạy “Hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh”.

Trong những năm qua, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản giữ được ổn định, theo hướng tuân thủ pháp luật. Sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo diễn ra “tốt đời, đẹp đạo” và được các cấp chính quyền tạo điều kiện thuận lợi; các tôn giáo có nhiều hoạt động từ thiện, xã hội, tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương.

PHẦN 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

I. DI SẢN VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM YÊN TỬ TỪ GÓC NHÌN TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Tài nguyên du lịch văn hóa

1.1. Hệ thống các di tích trên Con đường Hoằng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

(1) Chùa Vĩnh Nghiêm - Khu vực Bến thuyền

- Chùa Vĩnh Nghiêm - một chốn tổ quan trọng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thời Trần.

Chùa có tên Nôm là Đức La, thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, được xây dựng thời Lý (thế kỷ XI), có tên gọi là chùa Chúc Thánh. Đến thời Trần (thế kỷ XIII-XIV), chùa được mở mang, cải tạo và có tên là Vĩnh Nghiêm.

Cuối thế kỷ XIII, Trần Nhân Tông cho mở mang xây dựng nơi đây thành trung tâm Phật giáo lớn của thời Trần. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Vĩnh Nghiêm giữ vai trò là trung tâm, một chốn tổ quan trọng trong hệ thống chùa tháp của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử: Nơi mở trường thuyết pháp, đào tạo tăng đồ, lập sở bộ tăng tịch, định các chức danh cho tăng, ni trong cả nước. Đây cũng là thư viện lớn nhất lưu trữ tài liệu, kinh sách, hồ sơ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; nơi khởi thủy truyền bá tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử-đạo Phật Việt Nam do đích thân Phật Hoàng Trần Nhân Tông truyền giảng (vị vua duy nhất trong lịch sử Việt Nam cũng như trên thế giới xuất gia thành Phật, lập ra một dòng Thiền riêng với tinh thần *tự lực, nhập thế và tùy duyên*).

Theo truyền thuyết, nơi đây là vùng đất tụ thủy, tụ nhân, địa linh nhân kiệt, được vua Trần Nhân Tông chọn làm nơi khai tràng thuyết pháp, đồng thời làm trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo của nước Đại Việt. Chùa Vĩnh

Nghiêm được nhìn nhận và tôn vinh là một trong những Trung tâm truyền bá của Phật giáo Trúc Lâm cho các tổ chức Giáo hội sau này. Ông đã biến ngôi chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La, hiện nay ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) thành trụ sở Trung ương của Giáo hội Trúc Lâm, chứa đủ hồ sơ của tăng ni cả nước. Ông đã tổ chức nhiều lần độ tăng ni, mỗi lần không dưới một nghìn người. Cho đến năm Khai Hựu thứ 01 (1329) Pháp Loa đã độ được một vạn năm nghìn tăng ni. Nhiều người trở thành tăng ni thì hiển nhiên là phải xây dựng nhiều chùa; “Kể từ triều Lý cách nay 883 năm mà rừng thiên rậm rạp, chùa chiền ngời ngời, vang vang tiếng ngọc, đông đúc môn đồ. Có được cái đó há chẳng phải do công đức to lớn như núi, mệnh mệnh như sông nước các bậc tu hành hun đúc lên hay sao?”. Những chứng cứ lịch sử nói trên đã phần nào giúp chúng ta thấy được sự hưng thịnh của chùa Vĩnh Nghiêm thời đó.

Với vai trò là chôn tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng với quy mô kiến trúc bề thế, nhiều hạng mục, mang tính quy chuẩn, mẫu mực của kiến trúc chùa tháp truyền thống ở miền Bắc Việt Nam, xứng danh là một danh lam cổ tự đệ nhất vùng Kinh Bắc. Ngoài nét kiến trúc độc đáo, nhiều di vật, cổ vật quý như: Hệ thống tượng thờ, đồ thờ, các bức phù điêu, chạm khắc, hệ thống văn bia, hoa văn trên kiến trúc. Chùa Vĩnh Nghiêm hiện còn lưu giữ 3.050 mộc bản kinh Phật cổ. Đây là bộ sưu tập mộc bản duy nhất hiện còn lưu giữ được về thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Với những giá trị độc đáo, tiêu biểu trên nhiều lĩnh vực: Năm 2012, Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản Ký ức thế giới khu vực Châu Á, Thái Bình Dương; năm 2013, Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia và đến năm 2015, chùa Vĩnh Nghiêm được Thủ tướng Chính phủ công nhận Di tích quốc gia đặc biệt. Lễ khai hội Xuân Tây Yên Tử và khai mạc Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Bắc Giang năm 2023 với chủ đề “Linh thiêng Tây Yên Tử”. Hội kỷ lục gia Việt Nam đã xác lập lễ rước mộc bản “cư trần lạc đạo phú” theo nghi lễ Phật Giáo lớn nhất Việt Nam.

- Khu vực Bến thuyền

Khu vực Bến thuyền thuộc thôn Hố Quýt, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng (Năm 2020 thôn Hố Quýt sát nhập với thôn Phương Sơn thành thôn Sơn Thượng). Thôn Hố Quýt tọa lạc quanh chân núi Cô Tiên, nằm trên con đường nối từ đường tỉnh 293 (đường Tây Yên Tử) vào chùa Vĩnh Nghiêm. Vị trí phát hiện dấu tích của khu lò gốm nằm ở phía Bắc của thôn Hố Quýt, trong khoảng tọa độ 21⁰23'58" vĩ độ Bắc; 106⁰32'50" độ kinh Đông, cách chùa Vĩnh Nghiêm 1,5 km về phía Nam, cách thôn Hố Quýt 0,4 km về phía Tây Nam.

Khu vực phát hiện dấu tích lò người dân địa phương gọi là khu Vườn Vạn. Đây là khu vực ngã ba sông Lục Nam và sông Cổ Mân, sông Lục Nam chảy theo hướng Bắc Nam và sông Cổ Mân chảy về hướng Tây Nam. Đoạn sông Lục Nam chảy qua khu Vườn Vạn uốn thành hình chữ U, tạo ra khu bãi bồi rộng lớn. Khu vực phát hiện nhiều đồ gốm một phần nằm ở bên trái sông Cổ

Mân thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng và một phần bên phải sông Cỏ Mân thuộc xã Yên Sơn, huyện Lục Nam.

Qua điều tra khảo sát, thăm dò khu vực này xuất lộ nhiều vết tích là các di vật đồ gốm, đồ sành, vật liệu kiến trúc (ngói phẳng mũi lá, mảnh lá đề trang trí rỗng), tiền đồng... Các di vật có niên đại kéo dài từ thời Trần thế kỷ XIII - XIV đến thời Lê trung hưng thế kỷ XVII - XVIII. Đặc biệt, đợt thăm dò khảo cổ năm 2022 đã xác định khu vực này có dấu tích của lò nung gốm. Các tư liệu thực địa cho thấy, khu vực này trong quá khứ có thể là một bến thuyền (thế kỷ XIII - XIV), đến thế kỷ XVII - XVIII trở thành khu vực sản xuất đồ gốm.

(2) Di tích Chùa Hòn Tháp

Chùa Hòn Tháp (còn gọi là chùa Sơn Tháp) là phế tích nằm ở núi chùa Hòn Tháp thuộc thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam; ở tọa độ 21°14'14.7" vĩ độ Bắc, 106°24'09.1" độ kinh Đông; cao 82m so với mực nước biển. Sách “Đạo giáo nguyên lưu” có nói về chùa này với tên là Hòn Tháp, đồng thời nói về quá trình vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành, trên đường đi có ghé lại nghỉ chân ở chùa Hòn Tháp. Cũng ở tư liệu này cho biết sư Pháp Vân tu hành ở đó. Hiện trên phế tích của chùa Hòn Tháp có các vật liệu của tháp cũ, bài vị đá khắc dòng chữ Hán: “*Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân Hòa Thượng vị*” (vị Hòa Thượng có đạo hiệu là Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân). Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông rời kinh thành lên núi từ sườn Tây Yên Tử, nhập niết bàn trên núi Ngọa Vân. Sử sách ghi: Năm 1293, Ngài rũ bỏ ngai vàng nhường ngôi cho Thái tử Trần Thuyên (Trần Anh Tông) và kế vị Thái thượng hoàng, năm sau (1294) xuất gia lên núi ẩn cư tu thiền học Phật. Nhà nghiên cứu Trần Văn Lạng đã dẫn từ sách Đạo giáo nguyên lưu của Hòa thượng Phúc Điền, nội dung ghi: “... Khi Ngài vào núi Yên Tử, đi về phía Đông đến chùa Hòn Tháp (Sơn Tháp), nhà sư ở đó thấy diện mạo lạ thường, lấy làm kính trọng. Lúc đó cũng là ngày Thánh Tông sắc cho quần thần bốn phương tìm Ngài về. Ngài bất đắc dĩ phải quay về lên ngôi...”. Chùa Hòn Tháp tọa trong khe núi Lồng Thuyền, thuộc địa phận thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý (Lục Nam). Đệ Nhị tổ Pháp Loa và Đệ Tam tổ Huyền Quang cũng theo con đường phía Tây Yên Tử hành đạo Phật sự của Phật giáo Trúc Lâm. Các Hòa thượng tiền bối Thiền phái Trúc Lâm cho mở mang, xây dựng chùa tháp, phát triển đạo Phật rộng khắp ở vùng Bắc Giang. Chứng tích với nhiều công trình xây dựng kiến trúc thời Trần trong hệ thống di tích lịch sử - văn hóa ở Bắc Giang bên sườn Tây Yên Tử. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chùa Hòn Tháp chính là nơi ghi dấu ấn đầu tiên khi Phật hoàng Trần Nhân Tông rời kinh đô vào núi tu hành. Sự kiện này có lẽ là khởi đầu của con đường Hoàng dương Phật đạo của Ngài ở vùng Tây Yên Tử sau này. Qua đó có thể thấy, Con đường Hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng nằm trọn vẹn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(3) Di tích Chùa Yên Mã

Chùa Yên Mã (hay chùa An Mã) thuộc địa phận thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam. Chùa nằm trên núi Tượng Sơn thuộc dãy Huyền Đình – Yên Tử, chùa nằm tọa độ 21°14'7.7" vĩ bắc 106°24'09.1" kinh đông, cao 262m so với mực nước biển. Hai bên có núi Lồng Thuyền và núi Đống Thóc, phía trước có

núi Hòn Tháp và núi Hòn Dài thuộc xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Từ xã Bắc Lũng đi xe máy khoảng hơn 1h đồng hồ mới tới khu vực chùa. Đường vào chùa quanh co nhiều dốc cao và phải đi từ xã Cẩm Lý vào, qua thôn Giáp Sơn và leo theo con đường mòn dọc suối Vực Rêu. Đứng trên đỉnh khu vực chùa nhìn về hướng Nam là suối Vực Rêu, xa xa là cánh đồng lúa mênh mông thuộc xã Cẩm Lý.

Dãy núi Huyền Đinh thuộc cánh cung Đông Triều, đoạn chạy dài từ khu vực xã Nghĩa Phương đến xã Cẩm Lý (huyện Lục Nam) được gọi chung là núi Huyền Đinh. Sách Lục Nam địa chí chép *“Núi Huyền Đinh la liệt nhấp nhô hàng ngàn vạn đỉnh. Trong núi, suối chảy liên cấp, tùy theo địa thế khác nhau mà có tên gọi riêng”*. Sách Đại Nam nhất thống chí chép: *“Núi Huyền Đinh ở địa phận hai tổng Đan Hội và Trại Điền, cách huyện Phượng Nhãn 29 dặm về phía đông, giáp địa giới huyện Lục Ngạn. Thế núi cao dốc liên tiếp như hình cái đỉnh treo nên gọi tên thế, chạy dài trên địa phận mấy làng, là trấn sơn của huyện. Trong loạn Tây Sơn, Lê Chiêu Thống chạy sang Bắc, đóng quân ở đây”*. Núi Huyền Đinh có độ cao trung bình chừng 500m – 600m, địa hình hiểm trở. Tùy từng đoạn núi chạy qua mỗi địa phương lại có tên gọi khác nhau như: Hồ Bắc, Yên Mã, Tượng Sơn... Thời Trần trên dãy Huyền Đinh được xây dựng nhiều chùa lớn như: núi Hồ Bắc có chùa Yên, núi Thao Cày có chùa Bình Long, núi Yên Mã có chùa Yên Mã, núi Tượng Sơn có chùa Hòn Tháp. Trong dãy Huyền Đinh còn có hai thắng tích có ý nghĩa khai thác kinh tế du lịch là thắng tích Suối Mỡ (xã Nghĩa Phương) và suối thác Vực Rêu ở xã Cẩm Lý. Xưa thảm thực vật và động vật ở đây rất phong phú.

Di tích chùa Yên Mã được khai quật năm 2017, kết quả khai quật đã xác định mặt bằng một công trình kiến trúc tôn giáo ở phía Tây Yên Tử trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được xây dựng vào thời Trần (thế kỷ 13 - 14) gồm: Bờ kè đá ở 3 cấp nền, giếng nước (cấp nền 1), các công trình phụ (cấp nền 1, 2, 3), tòa Tiền đường, tòa Hậu cung (cấp nền 3), nhà ở của các tăng, ni... cùng với đó là các di vật có niên đại từ thời Trần đến thời Nguyễn, đặc biệt là các di vật thời Trần như chân tảng đá trang trí hoa sen, gạch, ngói mũi sen, các mảnh tượng trang trí, đồ sành, đồ gốm men...

(4) Di tích Chùa Bình Long

Chùa Bình Long thuộc thôn Chùa, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, nằm trong tọa độ 21°14'00'' vĩ Bắc và 106°26'37'' kinh Đông, ở độ cao trên 334m. Chùa Bình Long trên lưng chừng Ngàn Treo Đanh chứa chất đầy huyền thoại lịch sử. Ngôi chùa tọa lạc ở núi Bát Nhã và tên núi cũng chính là tên chùa Bình Long (chùa Bát Nhã). Núi Bát Nhã là tên do các vị cao tăng tu thiền tại đây dưới thời Trần đặt cho từ khi khởi dựng và chứng kiến sự hưng thịnh của Thiền phái Trúc Lâm. Đến khi Phật giáo Trúc Lâm suy vi (thế kỷ 15 - 18), nhưng lòng dân bản địa nặng lòng từ bi đã di dời, hạ sơn chùa Bình Long di chuyển về trước làng Chùa thuộc xã Huyền Sơn ngày nay. Chùa Bình Long là trung tâm Phật giáo, danh lam cổ tự lớn dưới thời Lý - Trần, khuôn viên chùa Bình Long có quy mô to lớn, rộng khắp cả sườn núi Bát Nhã. Thời Lê - Mạc, chùa được di chuyển xuống chân núi Gốm. Tuy nhiên, do thời gian và chiến tranh tàn phá, ngôi chùa

trở thành phế tích, chỉ còn lại dấu tích tường bao được xây dựng bằng kỹ thuật trình. Mặt bằng kiến trúc chùa Bình Long qua các giai đoạn xây dựng và biến đổi, kéo dài từ thế kỷ XIII - XIV (thời Trần) đến đầu thế kỷ XX (thời Nguyễn).

Năm 2021, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Quốc gia khai quật phế tích chùa Bình Long. Kết quả khai quật cho thấy, vào thời Trần, chùa Bình Long đã được xây dựng. Những dấu tích móng đá còn sót lại và các mảnh di vật tìm thấy đã khẳng định sự tồn tại của ngôi chùa trong giai đoạn này. Cùng với đó là các di vật: Chân tảng đá, đá lấy lửa, đồ gốm men, đồ sành... cùng nhiều mảnh di vật khác có niên đại từ thời Trần đến thời Lê Trung Hưng. Đây là những tài liệu hiện vật quan trọng minh chứng cho sự tồn tại của chùa Bình Long từ thời Trần, một trung tâm Phật giáo lớn gắn liền với Phật giáo Trúc Lâm sườn Tây Yên Tử. Ngày nay, chùa Bình Long đã được phục dựng tương đối hoàn chỉnh và đã tổ chức lễ khánh thành, khai hội xuân vào đầu năm 2023, thu hút rất đông đảo Nhân dân, du khách cùng đến tham quan.

(5) Di tích Chùa Hồ Bắc

Chùa Hồ Bắc thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, nằm trong khoảng tọa độ $21^{\circ}13'57''$ vĩ Bắc; $106^{\circ}27'32''$ độ Đông, cao hơn 650m so với mực nước biển. Hồ Bắc là tên gọi của một khu rừng nguyên sinh nằm ở thượng du của dòng Suối Mỡ, trong núi có phế tích chùa cô Hồ Bắc. Chùa tọa ở độ cao chừng sáu trăm mét, có địa thế đẹp. Đây là phế tích của một đại danh lam cổ tự do các vị cao tăng Phật phái Trúc Lâm xây dựng khi dòng thiền này còn hưng thịnh. Chùa Hồ Bắc tồn tại đến thời Lê Trung Hưng thì bị suy vi, đổ nát. Ngày nay khu vực nền móng của chùa là rừng tự nhiên. Đường từ Suối Mỡ đến đây chỉ dăm cây số đường chim bay. Trước cửa chùa có hồ, có giếng nằm dưới ngút ngàn cây lá.

Trải qua thời gian, ngôi chùa xưa không còn này chỉ còn phế tích. Khoảng 20 năm trước, bà con đã quyên góp tiền của, công sức dựng một ngôi chùa nhỏ đơn sơ để làm nơi thờ tự. Năm 1998, Bảo tàng tỉnh đã bước đầu khảo sát di tích này và thu được nhiều tài liệu, hiện vật quan trọng. Năm 2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép để Sở VHTTDL Bắc Giang phối hợp với Viện Khảo cổ học tiến hành thăm dò khai quật khảo cổ tại di tích chùa Hồ Bắc. Kết quả cho thấy, chùa Hồ Bắc chỉ còn là một phế tích nhưng những gì còn lại đủ để chứng minh di tích này xưa kia có quy mô rộng lớn với kiến trúc đồ sộ trên tổng thể khoảng 5.000m².

Nối tiếp những kết quả khảo sát, khai quật từ những giai đoạn trước, năm 2022, Bảo tàng tỉnh phối hợp với Viện Khảo cổ tiếp tục mở rộng các hố khai quật khảo cổ tại chùa Hồ Bắc và thu được kết quả với nhiều di vật, hiện vật bao gồm hệ thống chân tảng, đồ sành, mảnh ngói vỡ, các loại cối đá (cối giã và cối xay)... toàn bộ di vật này đều có niên đại thời Trần (thế kỷ XIII - XIV).

Căn cứ vào địa tầng và hệ thống di vật thu được tại đợt khai quật này cho thấy chùa Hồ Bắc được xây dựng từ thời Trần (thế kỷ XIII - XIV), trải qua thời gian đến thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII - XVIII) được tiến hành một đợt trùng tu tôn tạo lớn và tiếp tục tồn tại đến thời Nguyễn. Từ những cứ liệu lịch sử

mang tính chân xác cao, có thể thấy chùa Hồ Bắc có vị trí rất quan trọng trong hệ thống chùa tháp ở khu vực Huyện Đình - Yên Tử. Đây được coi là điểm trung chuyển của hai tuyến đường hành hương lên đỉnh Yên Tử: Tuyến đường phía Tây đi từ chùa Vĩnh Nghiêm (Yên Dũng) lên và tuyến phía Đông đi từ chùa Thanh Mai (Hải Dương) sang. Cả hai tuyến đường này đều gặp nhau ở chùa Hồ Bắc. Điều này cũng cho thấy, trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là thời Trần, chùa Hồ Bắc đảm đương vị trí quan trọng trong tổng thể hệ thống các ngôi chùa thời Trần của Phật giáo Trúc Lâm trên dãy Yên Tử.

(6) Khu di tích danh thắng đền Suối Mỡ, xã Nghĩa Phương

Khu di tích danh thắng đền Suối Mỡ - nơi khởi đầu của tục thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn. Đền Suối Mỡ (còn gọi Vực Mỡ) là tên gọi chung cho quần thể di tích đền Hạ, đền Trung và đền Thượng thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam. Đền Suối Mỡ thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn, từng được sắc phong của các triều vua là: *“Thần thông quảng đại càn, thập nhị tôn nàng Vực Mỡ”*. Ngôi đền cổ được xây dựng từ lâu đời bên cạnh dòng suối Mỡ tạo nên không gian văn hoá tâm linh giữa đại ngàn. Ngoài ngôi đền thiêng thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn, cảnh sắc danh thắng Suối Mỡ còn là nơi tham quan nghỉ dưỡng hấp dẫn cho du khách. Năm 1988, Thắng cảnh Suối Mỡ và đền Suối Mỡ đã được xếp hạng di tích quốc gia. Năm 2015, lễ hội đền Suối Mỡ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Bên trong đền Suối Mỡ là đền Trần và các địa danh ghi dấu sự kiện lịch sử thời Trần chống quân Nguyên như: Đầu đông quân, bãi quân ngựa, đá mài gươm... Cũng theo đường mòn qua rừng đến chùa Hồ Bắc, điểm di tích Phật giáo Trúc Lâm trong rừng Hồ Bắc, xã Nghĩa Phương.

Đền Quan Tuần, thờ Quan Hoàng Bắc Quốc thuộc di tích Suối Mỡ, thôn Dùm xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nơi có dòng thác Suối Mỡ nổi tiếng.

Theo các sự tích còn lưu truyền, Quan Hoàng Bắc Quốc vốn là tướng nhà Minh sau khi nhà Thanh bị lật đổ ông đã phải chạy sang nước ta. Khi nhà Thanh lên cầm quyền ông đã đi theo phong trào “phản Thanh phục Minh” và sang quy thuận nước Nam Việt ta giúp Nhân dân ta đánh bại quân xâm lược nhà Thanh. Khi thanh bình được lập lại ông dạy người dân trồng hoa màu và tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống, đến khi được âm phù dương trợ, ông được tôn kính phụng thờ bởi người dân địa phương. Một sự tích khác nói rằng Quan Hoàng Bắc Quốc là thầy thuốc giỏi người gốc Trung Hoa, tinh thông tất cả vị thuốc, nên có công lao chế thuốc chữa bệnh giúp dân khắp vùng Suối Mỡ, thuộc Bắc Lạng, nên được người dân phụng thờ, hiện nay còn 2 cây thuốc được lưu truyền tại Đền để dân bản địa tưởng nhớ tới công lao to lớn của ông năm xưa.

Trước đây, Đền chỉ là ngôi miếu nhỏ giữa rừng núi hoang vắng. Hiện nay, chính quyền và Nhân dân đã cùng nhau xây dựng lại ngôi đền khang trang và đẹp hơn. Với lối kiến trúc gồm chín gian kiểu chữ đình, trong đó gian chính cung là đền đặt tượng thờ Quan Hoàng Bắc Quốc. Ngoài ra, các gian khác cũng đặt tượng thờ các vị thần thánh khác trong Tứ Phủ như Ngọc Hoàng Thượng Đế,

Ngũ Vị Tôn Quan, Tam Tòa Thánh Mẫu, Cung Sơn Trang, Quan Hoàng Mười, Quan Hoàng Bảy.

(7) Di tích Chùa Đám Trì

Chùa Đám Trì nằm ở cánh đồng thôn Đám Trì (xứ Đồng Hang), thuộc thôn Đám Trì, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tọa lạc tại tọa độ $21^{\circ}13'23.0''$ vĩ độ bắc; $106^{\circ}35'41.2''$ độ kinh đông; cao 39m so với mực nước biển. Chùa Đám Trì nằm ở trung tâm của một thung lũng lớn bao quanh là những dãy núi trùng điệp của xã Lục Sơn, bên sườn Tây Yên Tử. Chùa được xây dựng dưới thời Trần và đã tu sửa qua nhiều giai đoạn ở thời Lê và thời Nguyễn. Trải qua thời gian, ngôi chùa cổ không còn, gần đây Nhân dân địa phương đã khôi phục lại ngôi chùa nhỏ để thờ Phật. Kết quả khai quật khảo cổ học chùa Đám Trì năm 2014 của Bảo tàng tỉnh phối hợp với Viện Khảo cổ học đã phát hiện được nhiều loại hình hiện vật minh chứng ngôi chùa này có niên đại từ thời Trần và được tu sửa lớn ở thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn.

Địa điểm chùa Đám Trì được khai quật lần đầu năm 2014, lần thứ hai cuối năm 2021 đầu năm 2022. Sau hai lần khai quật đã xác định được nhiều vết tích kiến trúc và di vật có niên đại kéo dài từ thời Trần đến thời Lê Trung Hưng. Đặc biệt kết quả khai quật lần thứ hai đã tìm thấy các dấu vết kiến trúc của thời Trần bao gồm bó nền, giá cổ móng trụ, sân. Đặc biệt đã xác định được một công trình kiến trúc thời Trần có mặt bằng hình chữ công (工). Ngoài ra, xung quanh chùa Đám Trì còn có những vị trí khác có di vật thời Trần, điều này cho thấy chùa Đám Trì thời Trần có thể có quy mô lớn hơn.

Ngoài các di tích nói trên, các cuộc khai quật còn thu được nhiều loại hình hiện vật thời Trần như: Vật liệu xây dựng gạch, ngói, vật liệu trang trí trên kiến trúc như lá đề trang trí hình tháp, hình rồng, tượng uyên ương, đầu thú, đất nung, đồ dùng sinh hoạt sành, gốm men... Đây là những tư liệu đặc biệt quan trọng để tìm hiểu về lịch sử, bố cục kiến trúc của ngôi chùa cổ xưa. Qua đó, cũng cho thấy chùa Đám Trì từng là trung tâm Phật giáo lớn, điểm dừng chân của các tăng ni Phật tử thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trên con đường hành hương, Hoàng dương Phật pháp bên sườn Tây Yên Tử. Mặt khác trong lịch sử, chùa Đám Trì có thể còn giữ vai trò như một nơi đảm đương việc sản xuất và cung ứng lương thực cho hệ thống các chùa trên núi cao thuộc sườn Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang.

(8) Cụm Chùa Trình, Chùa Hạ, Chùa Trung, Chùa Thượng - Tây Yên Tử

Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử thuộc thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động. Khu du lịch có tổng diện tích 13,8 ha, bao gồm 4 cụm chùa độc lập: chùa Trình, chùa Hạ (chùa Phật Quang), chùa Trung, chùa Thượng (chùa Kim Quy), các điểm chùa có độ cao từ 145m đến gần 1.000m, kết nối với chùa Đồng, tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông trên đỉnh Yên Tử. Công trình được xây dựng năm 2014 và dự kiến hoàn thành vào năm 2025. Đến nay, các hạng mục trong giai đoạn 1 đã cơ bản được hoàn thiện, gồm: Chùa Thượng, chùa Hạ, tuyến cáp treo số 1 từ ga chùa Hạ lên ga chùa Thượng; khu vực quảng

trường trung tâm; nhà hàng ven suối; cầu cảnh quan sang chùa Hạ và một số hệ thống hạ tầng phụ trợ khác. Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử hình thành nhằm kết nối hệ thống danh lam thắng cảnh của tỉnh Bắc Giang với Quảng Ninh tạo thành tuyến liên kết phát triển du lịch. Lễ hội Tây Yên Tử được tổ chức vào tháng Giêng âm lịch hàng năm.

Trong đó, Chùa Thượng, hay còn gọi là Linh Thông Thiền Tự, tọa lạc ở độ cao 895m so với mực nước biển, là nơi có địa thế đặc biệt, tựa núi, hướng biển. Khu vực xung quanh chùa Thượng được coi là đích đến của hành trình leo núi và thực hành thiền.

(9) Ngoài ra, các điểm chùa trên Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử còn có một số di tích khác như: Chùa Hóa, Chùa Rào, Đền Bà Chúa... Trong giai đoạn tới, sẽ tiếp tục nghiên cứu để tổ chức khảo sát, khai quật khảo cổ và phục dựng di tích.

1.2. Dấu ấn di sản văn hóa phi vật thể

a) Dấu ấn địa danh mang đậm chất Phật giáo

Tây Yên Tử là một vùng đất rộng nằm trọn vẹn trong địa phận tỉnh Bắc Giang. Đây là vùng đất có sông Lục Nam và dãy núi Huyền Đinh-Yên Tử nổi danh trong lịch sử. Trong địa phận dãy Yên Tử thuộc phía Tây này tạo hóa đã dành cho Bắc Giang những hình tượng Phật giáo xứng đáng để ghi nhận là mảnh đất mang chất Phật đến tận làng xã và cộng đồng cư dân. Hình tượng đó là núi Phật Sơn, đèo Bụt, núi Quan Âm, núi Am Vãi và các địa danh Phật giáo khác bên cạnh các địa danh núi Vua Bà, núi Cô Tiên, vực Mỡ, suối Mỡ (mẹ), dấu bàn chân Phật... mang đậm dấu ấn Phật giáo.

b) Dấu ấn thờ Trúc Lâm Tam Tổ (Tục thờ Tổ)

Như vậy ở vùng Tây Yên Tử đã có nhiều dấu tích chùa tháp thời Lý, thời Trần. Đến khi thiền sư Pháp Loa viên tịch. Ngài được an trí tại chùa Thanh Mai (Chí Linh, Hải Dương) và được suy tôn làm Tổ sư đời thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Người kế thừa thiền sư Pháp Loa là thiền sư Huyền Quang. Lúc này sư Huyền Quang cũng đã cao tuổi nên các phật sự của ngài lưu lại cho đời không được nhắc đến nhiều. Năm 1338, thiền sư Huyền Quang thị tịch và được suy tôn là Tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Cả hai vị Pháp Loa và Huyền Quang đều được đưa vào thờ ở nhà Tổ Đệ nhất của chùa Vĩnh Nghiêm. Vì thế chùa Vĩnh Nghiêm từ đó về sau dân gian gọi là "Chốn tổ Vĩnh Nghiêm". Nơi đây là khởi nguồn cho tục thờ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm thực chất mang tính chất một hội giỗ tổ trong phật phái Trúc Lâm ở đất Bắc Giang. Trong đó có lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Am Vãi là hai lễ hội lớn. Cả hai lễ hội này đều có ý nghĩa là một cuộc hành hương về chốn tổ để giỗ tổ, thắp hương cúng phật, cúng tổ là chính. Các hình thức có trò vui, trò nhà chùa,... đều nhằm phục vụ cho cuộc đại lễ giỗ tổ thuộc Thiền phái Trúc lâm Yên Tử.

Chùa Vĩnh Nghiêm được Tam Tổ Trúc Lâm Yên Tử về đây khai tràng thuyết pháp và lập trụ sở của Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Sau khi 3

Tổ Trúc Lâm Yên Tử mất, ở chùa Vĩnh Nghiêm đã cho xây dựng ngôi nhà thờ Tổ Trúc Lâm ở ngay sau nhà Tam bảo để cúng Tổ ở đó, gọi là nhà Tổ đệ nhất. Cùng với sự thờ của chùa, xưa xã Đức La có 3 thôn là La Thượng, La Trung và La Hạ đều thờ Phật Hoàng Trần Nhân Tông ở đình làng, có sắc phong của các triều đại phong kiến cấp cho phép dân xã thờ cúng, cho nên ngoài việc thờ ở đình làng những ngày chùa Vĩnh Nghiêm tổ chức giỗ tổ ở chùa thì cả 3 làng ấy phối hợp với nhà chùa tổ chức cúng lễ các Tổ Trúc Lâm Yên Tử. Do đó, mà có việc 3 làng, mỗi làng một đoàn rước, rước kiệu, cỗ thờ về chùa Vĩnh Nghiêm cúng tế 3 vị Tổ đầu tiên và các Tổ của Thiền phái Trúc Lâm. Trong 3 làng đó, có sự phân công cụ thể trong hội là: Làng La Thượng vào tế lễ Phật ở tòa Tam bảo, làng La Trung rước lễ vào tế lễ ở nhà Tổ đệ nhất và làng La Hạ rước cỗ vào tế lễ các Tổ sư sau ba Tổ đệ nhất ở tòa thờ Tổ đệ nhị.

Ta nên nhớ là: Cái ngày định lệ cúng tế 3 Tổ này không phải là ngày các Tổ sư hóa về trời mà chỉ là ngày do nhà chùa và dân xã định ra cho hợp thời mà thôi. Cái ngày tổ chức hội đó ta có thể hiểu đó là ngày giỗ chung cho tất cả các thế hệ sư tăng ở chùa Vĩnh Nghiêm. Nếu ta nói đó là ngày hóa của một vị tăng nào đó là không thực sự đúng, mà chỉ là ngày giỗ chung cho tất cả các Tổ, nhưng trọng yếu phân ra Tổ khai sáng và Tổ kế thế. Đồng thời với việc giỗ tổ đó là việc cúng Phật. Cho nên có người nói đi hội chùa La là đi dự lễ giỗ tổ chùa La. Có người nói hội chùa La là lễ hội chôn tổ Đức La, hay chôn tổ Vĩnh Nghiêm. Dù nói thế nào đi nữa thì hội chùa Vĩnh Nghiêm vẫn mang hình thức giỗ tổ là chính. Tất cả các Tổ đều cúng vào ngày hội này.

Hội chùa Vĩnh Nghiêm xưa kia được người dân vùng Trí Yên (Yên Dũng) bao gồm 3 làng La Thượng, La Trung, La Hạ chọn vào ngày 01 tháng 11 hàng năm còn gọi là ngày Tiết lệ chùa La gắn với lễ giỗ Tổ Giác hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông và hai vị Đệ nhị Tổ Pháp Loa và Đệ tam Tổ Huyền Quang. Tuy nhiên, về mặt bản chất là lễ giỗ tổ. Sau này, do khách thập phương đông nên trở thành hội. Theo các sư trụ trì thì vào ngày này các sư ở các sơn môn trong phái Trúc Lâm khắp nơi về Vĩnh Nghiêm rất đông; có cả đi thuyền, đi đường bộ...

Từ sau kháng chiến chống Pháp, Tiết lệ này bị gián đoạn, không tổ chức được. Khoảng vài chục năm gần đây thì được khôi phục lại vào ngày 14 tháng Hai (Âm lịch) hàng năm (Ngày Hội hiện nay) do có sự thống nhất của các sư trụ trì và Nhân dân trong vùng. Sở dĩ lấy ngày 14 tháng Hai (Âm lịch) là do phù hợp với Tiết Xuân đầu năm và cũng trùng với ngày viên tịch của một vị sư kế thế (Hòa thượng Trần Như). Ban đầu cũng chỉ làm lễ giỗ nội bộ trong chùa tuy nhiên về sau do có sự thống nhất với dân làng muốn khôi phục lại Tiết lệ xưa nên dần phát triển trở thành Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm - Di sản văn hóa Phi Vật thể quốc gia. Mặc dù thay đổi ngày Tiết lệ xưa (ngày hội) (1 tháng 11 Âm lịch), nhưng trong nghi lễ vẫn là: Lễ cúng Phật; cúng Tam Tổ Trúc Lâm (Tổ Khai sáng); cúng chung các Tổ kế thế chứ không cúng một vị Tổ cụ thể nào cả:

(Điều này thể hiện rất rõ trong bài cúng vào ngày 14/2 (Âm lịch) của làng La Trung, chỉ cúng Phật, cúng chung Tam Tổ và các Tổ kế thế)

Nội dung bài cúng tổ của làng La Trung ngày 14 tháng Hai (Âm lịch) như sau:

“*Nam mô A di đà Phật.*

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Tuế thứ ngũ thập ngũ niên.

Bắc Giang tỉnh, Yên Dũng huyện, Trí Yên xã, Đức Thành thôn, ...nhật...nguyệt...niên.

Cộng đồng bản thổ, Nhân dân thượng hạ đẳng, tư nhân hướng Phật khánh hạ, toàn thể Nhân dân cẩn dĩ hoa nghi, quả phẩm hương hoa lạc cúng.

Tư thành thanh khiết, phù lưu tân lang đẳng vật. Nghi vụ Vĩnh Nghiêm Trúc Lâm hội thượng tổ đường, thành tâm tiến cúng, khấu đầu hành lễ.

Vạn bái uy linh, cẩn dụng tấu văn, hiến thần phụng thượng, phục vinh thượng tấu.

Nam mô Trần triều Trúc Lâm Đệ nhất Tổ. Đầu đà Điều Ngự Giác hoàng tinh tuệ thánh tổ ngọc bệ hạ.

Nam mô Trần triều Trúc Lâm Đệ nhị Tổ. Đầu đà phả tuệ Pháp Loa tổ sư ngọc bệ hạ.

Nam mô Trần triều Trúc Lâm Đệ tam Tổ. Đầu đà tự tổ Huyền Quang tổ sư ngọc bệ hạ.

Cung vi tứ đường, tứ phủ công đồng, vạn linh liệt vị, tả hữu lưỡng ban, văn võ bách quan, thi tòng bộ hạ vị tiền.

Cung vi thánh tổ, *đồng a linh trụ, nam đảo tiên trung, tề ngự cửa trùng quân lâm vạn cuộc, tài cao hùng lược, đức đạo cứu dân.*

Duyệt trí mưu trần, hội đồng tương phi, tảo tức nguyên nguy, hạ lệnh quân dinh, đồng khởi tiến binh, phá tan cường giặc.

Tiêu diệt xâm lăng, đại thắng Bạch Đằng, uy phong lâm liệt, anh hùng hào kiệt, khánh hội triều trung, ban thưởng gia phong, bảo an lãnh thổ.

Hoàng đồng củng cố, đế đạo thà xương, địa cửu thiên trường, sơn hà đỉnh tú, chí ngự huyền ngôn, quyền trao thái tử. Nhập cảnh từ quy y đầu Phật. Chú chi kinh giáo, bất nhiên thành đạo Phật quá Trúc Lâm, nhã nhạc ca ngâm. Việt Nam thánh tổ. Lịch triều thánh tử, Yên Tử lưu danh, công quả viên thành, từ bi cứu khổ. Phả độ quân tinh, vạn cuộc anh linh, trùng quân bảo ấn. Cao siêu độ tận, nam quốc lê dân, húy kỵ nhật trần, chung dân ý nghĩ. Cẩn dĩ hoa nghi, hương đăng tiến cúng. Nguyên cớ chứng giám, chiêu lập thành tâm, miễn xá phạm trần, Nhân dân ngu muội. Đầu thành xám hối, khấu đạo an ninh, quân chiêm phúc lợi.

Khánh hội hòa bình, dân xã an ninh, vạn nghiệp lưu danh, phúc lợi hữu dư, ân chiêm thánh tổ.

Khuông phù chế độ, phật thăng loan khánh, đàn thần hạ tể, bất phân hoàng cụ, chí trí cẩn tâm dĩ văn.

Thiên văn...niên, ...nguyệt, ...nhật, thần đồng xá dân, xích tử hóa nam thượng tấu. Cẩn tấu.

Việt Nam quốc, Bắc Giang tỉnh, Yên Dũng huyện, Trí Yên xã, Đức Thành thôn.

Cửu triều trung thôn đồng dân xích tử.”

Nói về Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, sách “Chùa Vĩnh Nghiêm với Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử” Nhà xuất bản Thông tấn năm 2012 ghi về lễ hội và ngày giỗ tổ như sau:

“Theo lệ cổ phần lễ ở chùa Vĩnh Nghiêm trong ngày hội hiện nay có ba lễ:

- Lễ Phật ở Tam Bảo: Do đoàn của làng La Thượng đảm nhiệm.
- Lễ Tam Tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Tổ khai sáng): Do đoàn của làng La Trung đảm nhiệm.
- Lễ các Tổ sau ba Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Tổ kế thế): Do đoàn của làng La Hạ đảm nhiệm.

Sau khi cả ba làng dâng lễ cúng bái, tới 13, 14 tháng Hai (Âm lịch), nhà chùa lập đàn giảng quy tại Tam bảo. Vào hai buổi sáng, tối trong ngày giỗ tổ, nhà chùa thỉnh chuông Hoảng dương Phật Pháp. Có Tục Kể hạnh: Là hình thức đọc và kể lại nội dung viết trong tập “Thiền tông bản hạnh” là nội dung nói về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử cho khách thập phương nghe. Đây là một hình thức để bảo tồn tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trong dân gian.

Suốt hai ngày hội, con hương đệ tử từ các nơi nô nức về chùa Vĩnh Nghiêm tế tổ. Trong hai ngày này, toàn dân thôn xã bản tự và khách thập phương thắp hương niệm Phật tại chùa và cúng tổ tại Nhà tổ Đệ nhất, Nhà tổ Đệ nhị của Phật tổ hoằng hóa đạo pháp cho chúng sinh.

Như vậy, suốt trong hai ngày 13 và 14 tháng Hai, không khí hội tràn ngập trong cả ba làng La của xã Đức La cũ (nay là các thôn: Nam Thành, Bắc Thành, Đức Thành, Thanh Long). Cùng với dân xã bản tự, khách thập phương nhớ ngày giỗ tổ cũng nô nức kéo nhau về chùa rất đông để cúng tổ và lễ Phật.

Biết ơn các vị sư tổ đã có nhiều công lao với chùa và với dân làng, ngày giỗ của các vị Tổ được người dân tổ chức cúng tế trang trọng. Hàng năm, vào ngày giỗ các vị Tổ người dân đều chuẩn bị chu đáo và tế lễ trọng thể. Dần dần, ngày giỗ của các vị Tổ trở thành ngày hội chùa không chỉ của các sư tăng, của người dân Đức La mà còn là lễ hội lớn của người dân trong vùng, trong tỉnh và khách thập phương vì vậy vẫn có câu ca rằng:

“Vĩnh Nghiêm chùa ở Trí Yên
 Nằm bên sông Lục trở lên hữu tình
 Ngôi chùa cổ kính uy linh
 Thập phương tụ hội đâu mình riêng ta”.

Trong lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm có một tục lệ còn duy trì đến nay là việc giảng kinh, kể hạnh. Giảng kinh là giảng về những điều Phật dạy trong các kinh sách. Việc này do nhà sư trụ trì đảm nhiệm. Tùy theo căn cơ của Phật tử ngồi nghe, vấn đáp mà sư thầy vận dụng kinh pháp thuyết giảng. Sư thầy không nói theo sách, theo bài bản mà ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể mà nói pháp, ta gọi là “tùy duyên”. Việc giảng kinh, kể hạnh này vẫn duy trì đến nay và được các trụ trì thực hiện rất thành thạo. Còn như kể hạnh, hạnh là một bài văn vần, ta có thể hiểu đó là thơ về nhà Phật ở thiền phái đó hay về chùa đó. Ở chùa Vĩnh Nghiêm có cả tập “Thiền tông bản hạnh”, Sư thầy Thích Thiện Văn đã từng kể hạnh ở lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm. Bản hạnh này nói lên quá trình hành đạo ra đời Phật phái Trúc Lâm. Là một Phật phái theo dòng thiền tông, cho nên gọi là “Thiền

tông bản hạnh”. Đó là các bài thơ văn nói về cảnh tu tâm mà Phật hoàng Trần Nhân Tông đề ra, các vị sư trụ trì ở chùa này sẽ kể và truyền giảng bản hạnh đó cho các Phật tử nghe vào dịp lễ hội. Các vị Phật tử nghe bản hạnh đó mà hiểu rằng Phật và Phật Hoàng Trần Nhân Tông là một tấm gương sáng trong việc tu tâm nên các Phật tử phải lấy đó mà noi theo, không phải là ai đó cứ cầu các ngài cho mình tài lộc, hay cái này cái khác. Các vị Phật ở đây chỉ là tấm gương sáng để ta lấy đó mà soi vào tâm mình, sửa đổi tâm mình cho chính đáng và tu theo đó mà thôi. Khi mà tâm đã sáng rồi, không còn u mê nữa thì như thế là ta trở thành người giác ngộ không còn mê lầm nữa. Không mê lầm nữa thì ta không bị đọa vào con đường đau khổ nữa. Trúc Lâm dạy: Hiểu tức là giác ngộ, giác ngộ tức là hiểu, ta đã ở cõi niết bàn. Niết bàn là tâm đã hiểu đã giác ngộ. Ngay tại đây, tại lúc này không phải lúc khác, không phải đợi đến bao giờ.

Còn như lễ hội chùa Am Vãi tuy là mới mở lại, dân xã cũng chẳng hiểu lý do tại sao lại mở vào ngày 18/3 âm lịch hàng năm, nhưng lễ hội này mở ra ở trên núi cao, ở khu vực chùa Am Vãi, người đi hội cũng rất đông, rất vui vẻ. Đó là một cuộc hành hương về nơi chùa Phật. Ở đó còn tháp và bài vị nhà sư thuộc Phật phái Trúc Lâm. Do đó ta có thể nói rằng, khách thập phương về chùa này là lễ Phật và thắp hương ở tháp Liên hoa đó vậy. Tất cả cũng là nhằm hướng về Trúc Lâm. Cũng như vậy ta có thể thấy là các chùa khác như chùa Tè ở xã Cương Sơn, chùa Bát Nhã ở xã Huyền Sơn, hay chùa Hồ Bắc xã Nghĩa Phương. Nếu sau này có mở hội ra thì cũng theo chu trình lễ tổ Trúc Lâm mà chọn ngày khai hội. Giống như ở chùa Tây Yên Tử ở xã Thanh Sơn, Sơn Động, khai hội vào 12/1 (Âm lịch) cũng là bắt đầu cuộc hành hương hướng về chùa Đồng-Yên Tử 3 tháng mùa xuân là để hướng về Phật phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Các lễ giỗ tổ này gắn với lễ hội đã được duy trì cho đến ngày nay ở nhiều huyện trong tỉnh Bắc Giang trong đó tập trung chủ yếu ở 4 huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng và Lục Nam. Qua nghiên cứu đều là lễ hội gắn với tục thờ tổ, lễ giỗ tổ có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (bắt nguồn từ thời Trần-thế kỷ XIII-XIV). Theo thống kê bước đầu riêng huyện Yên Dũng đã có 112 ngôi chùa thờ Tam Tổ Trúc Lâm và đều lấy ngày 01/11 (Âm lịch) hàng năm là ngày cúng tổ. Ở các huyện Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn đều có hàng trăm ngôi chùa thờ Trúc Lâm Tam Tổ và có tục thờ tổ.

2. Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.1 Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (huyện Sơn Động và Lục Nam), phía Đông tỉnh Bắc Giang, là dãy núi chính của vòng cung Đông Triều (Quảng Ninh - Hải Dương - Bắc Giang). Khu bảo tồn có diện tích 11.886,38 ha, được chia làm 2 phân khu, gồm: Phân khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (Phân khu Thanh Lục Sơn) và Phân khu bảo tồn thiên nhiên Khe Rồ (phân khu Khe Rồ), nằm ở độ cao từ 200m đến hơn 1.000m so với mặt nước biển và có địa hình cao dốc phức tạp, là khu vực tiếp giáp núi Yên Tử tỉnh Quảng Ninh, có nhiều cảnh đẹp hấp dẫn: Rừng nguyên sinh Khe Rồ, thắng cảnh suối Nước Vàng, khu vực Đồng Thông...

2.2. Khu vực Đồng Thông (xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động) có cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, khí hậu thuận lợi. Địa hình đa dạng, thảm thực vật

phong phú, vẫn còn lại những cánh rừng nguyên sơ chưa chịu tác động nhiều của con người, là nơi cư trú của người Dao với nhiều giá trị văn hóa truyền thống được lưu giữ qua thời gian. Tại đây đang đầu tư xây dựng Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử với quy mô 186,68 ha gồm nhiều hạng mục công trình, khu dịch vụ, nghỉ dưỡng, khách sạn, cáp treo... đến nay giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác đón khách tham quan.

2.3. Cao nguyên Đồng Cao (xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động), là cao nguyên nhỏ, cách trung tâm huyện Sơn Động khoảng 20km, nằm ở độ cao gần 1000m so với mặt nước biển, khí hậu quanh năm mát mẻ cùng hệ thống đá độc đáo, hang Vua trong lòng núi, cảnh quan nguyên sơ, thanh bình, cùng sự mộc mạc, hồn hậu của người dân địa phương dưới chân núi. Đồng Cao hiện là điểm cắm trại, dã ngoại lý tưởng của du khách; hiện đã có đường bê tông mới được đầu tư kết nối từ QL.31 đến tận cao nguyên.

2.4. Hồ Khe Chảo (xã Long Sơn, huyện Sơn Động), nằm dưới chân đèo Hạ My, cách thị trấn An Châu khoảng 25 km, diện tích mặt nước rộng khoảng 27ha. Lòng hồ có nhiều đảo nhỏ nhấp nhô, xung quanh được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh thuộc dãy Tây Yên Tử, có hệ động, thực vật phong phú, quý hiếm có tên trong sách đỏ, cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, bầu không khí trong lành. Hiện đã có nhà đầu tư tập trung vào hoạt động đi thuyền ngắm cảnh (2 thuyền du lịch quy mô nhỏ), bắt cá suối, dã ngoại trên các đảo.

2.5. Khu rừng nguyên sinh Khe Rồ (xã Vĩnh An, huyện Sơn Động), diện tích 7.153ha trong đó diện tích rừng tự nhiên 5.092ha, là khu rừng nguyên sinh còn giữ nguyên trạng nét hoang sơ tiêu biểu của vùng Đông Bắc Việt Nam, có nhiều cảnh quan đẹp: Vững Tròn, cây đa cổ thụ, thác Ba Tầng..., có hệ động, thực vật phong phú gồm 786 loài thực vật và cây lấy gỗ; 226 loài động vật trong đó có 51 loài thú, 102 loài chim, 40 loài bò sát... Nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ: voọc đen, công đất, gấu ngựa, gấu chó, khỉ mốc, sơn dương, báo,...; nhiều loài thực vật quý hiếm: pơmu, thông tre, thông làng, thích xà là, lát, lim, sa nhân, ba kích... Hiện đã khai thác phục vụ du lịch, có 1 quầy dịch vụ, bãi đỗ xe tạm, nhà nghỉ.

2.6. Thác Ba Tia (xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động): Là đầu nguồn suối Nước Vàng yên ả, thanh bình. Dòng nước của thác cũng mang một màu vàng đặc trưng, có cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, yên bình, hoang sơ, không khí trong lành. Hiện nay Ba Tia vẫn giữ được cảnh đẹp hoang sơ. Bao bọc xung quanh là những cánh rừng nguyên sinh với nhiều loài gỗ quý như: Đinh, lim, sến, táu, dẻ... và các loài động vật như hươu, lợn rừng, sóc, chim... Nơi đây còn là kho thuốc quý của các dân tộc với hàng trăm loại dược liệu quý. Ba Tia rất thích hợp để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng và du lịch mạo hiểm.

2.7. Thắc cảnh suối Nước Vàng (xã Lục Sơn, huyện Lục Nam), cách thành phố Bắc Giang 60km. Nước Vàng là tên gọi của dòng suối chảy từ đỉnh dãy núi Phất Sơn, gồm khoảng 20 thác, ghềnh lớn, nhỏ, như thác Anh Vũ, thác Mây, thác Giót, thác Nước Vàng... Tên Nước Vàng bắt nguồn từ màu nước quanh năm vàng óng như mật ong rừng rất kỳ lạ, hiếm thấy, hiện đã thu hút

khách du lịch, chủ yếu là khách nội địa, du lịch dã ngoại, leo núi, tắm thác. Tuy nhiên, đường vào khó khăn, đường đất, dốc, khó đi, là tuyến đường duy nhất vừa phục vụ du lịch và vận chuyển, khai thác than; đây là khu vực có nhiều hầm khai thác than, khó khăn trong khai thác phát triển các hoạt động du lịch.

2.8. Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam), cách thành phố Bắc Giang khoảng 20km, diện tích 1.065,32 ha⁸ rừng và đất lâm nghiệp, có những dòng thác quanh năm tung bọt trắng xóa tạo ra nhiều bồn tắm thiên nhiên kỳ thú, đặc biệt là đoạn suối có năm bậc thác mẹ con từ đền Thượng xuống đền Trung. Khu du lịch còn nổi tiếng linh thiêng với 3 ngôi đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, theo các tài liệu, đền Suối Mỡ là nơi thờ Công chúa Quế My Nương thời Hùng Vương, người có công mở dòng Suối Mỡ, dạy Nhân dân làm ruộng, làm nương rẫy. Khu du lịch tổ chức lễ hội vào ngày 30/3 - 1/4 âm lịch, hàng năm thu hút rất đông du khách đến tham quan, tế lễ, tại đây đã phát triển nhiều loại hình du lịch: Tham quan, nghỉ dưỡng, tắm suối, cắm trại, leo núi, khám phá thiên nhiên, ẩm thực... với các điểm tham quan: Thác Thùm Thùm; vọng Ngắm Trăng; đỉnh Rông Khế; hồ Suối Mỡ, du lịch tâm linh tại đền Suối Mỡ (đền Hạ, đền Trung, đền Thượng); đền Trần; đền Quan; đền Cô Bé Cây Xanh... hiện do Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ quản lý.

2.9. Sông Lục Nam: Chảy qua các huyện Sơn Động, Lục Ngạn và Lục Nam, từng được ví là “Trường giang đẹp nhất Bắc kỳ”, hai bên sông có rất nhiều địa danh, di tích lịch sử, văn hóa.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH

1. Di tích Chùa Yên Mã

Trong sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* có ghi chùa Yên Mã – thời Trần do Thiền Sư Pháp Loa cho xây dựng.

Bia tháp Viên Thông ở chùa Thanh Mai ghi về tiểu sử Pháp Loa có đoạn ghi rõ “Năm Khai Thái thứ 3 (1326) sáng lập am An Mã, Hạc Lại, Thị Khê”.

Ngôi chùa này hiện đã bị đổ nát từ lâu do thời gian và chiến tranh, hiện nay trong khu vực chùa toàn bộ đã được người dân trồng thông và bị cây rừng bao phủ um tùm. Dấu tích còn lại là những bãi đất bằng phẳng phủ đầy cây lá và cả một quần thể nền móng các công trình kiến trúc đồ sộ với những bờ kè đá còn khá nguyên vẹn quanh khu vực chùa. Bước đầu có thể xác định chùa quay hướng Nam, xung quanh được bao bọc bởi những ngọn núi thuộc dãy Huyền Đinh.

Qua khảo sát bước đầu có thể thấy khu vực này được chia làm ba cấp là những bãi đất bằng phẳng và những bờ kè đá toàn bộ bị cây rừng bao phủ, phân bố theo trục Bắc Nam. Cấp thứ nhất là hai khoảng đất tương đối bằng phẳng cách chân núi Tượng Sơn trên dưới 150m. Hai khoảng đất này được phân bố

⁸Theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao đất, giao rừng cho Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

theo trục Đông Tây cách nhau chừng 50m được phân chia bởi một khe suối, người dân trong vùng gọi đây là khe Hồ Chùa. Từ chân núi Tượng Sơn có hai lối mòn để đi lên hai khoảng đất này và có độ dốc tương đối cao. Khu vực này hiện chỉ còn lại là bãi đất trống bằng phẳng, cây lá bao phủ không còn dấu tích kiến trúc xuất lộ trên mặt. Dựa vào địa hình khu vực hai khoảng đất bằng phẳng ở cấp nền một có thể xác định mặt bằng dạng hình chữ nhật dài theo hướng Đông Tây, rộng theo hướng Bắc Nam. Bước đầu đo được ở khoảng đất trống bên phía Tây có kích thước dài Đông Tây là 29.2m, rộng Bắc Nam là 8m.

Đi thẳng từ hai khoảng đất trống này lên phía Bắc chừng 50m là khoảng đất bằng phẳng thứ hai, đây chính là cấp thứ hai của khu vực chùa Yên Mã, để lên được cấp nền thứ hai này phải chui qua những bụi cây um tùm, gai góc. Cấp thứ hai này nằm chính giữa hai khoảng đất trống thuộc cấp thứ nhất. Cũng như cấp thứ nhất, cấp thứ hai là khu vực bằng phẳng hiện đã bị cây rừng bao phủ toàn bộ. Dấu tích kiến trúc hiện không còn trên mặt khu vực này, nhưng tại khu vực này vẫn còn nguyên dấu tích của những bờ kè đá chắc chắn.

Hiện trạng cấp nền này là những bờ tường đá bó toàn bộ mặt bằng khu vực, diện tích đo được khoảng hơn 120m² (kề phía Nam dài 11,8m, kề phía Đông dài 10,2m²). Bờ kè đá phía Nam có độ cao từ 0,7m đến 0,8 m; rộng từ 0,35m đến 0,55 m. Toàn bộ khu vực này vẫn còn nguyên dấu tích bắt góc của những bờ kè đá. Ở phía Đông của cấp nền này, nối liền từ bờ kè đá phía Nam kéo dài sang phía Đông còn dấu tích của một bờ tường đá dài trên dưới 4m, mặt tường đá rộng 1,3m. Đá được sử dụng làm tường và bờ kè toàn bộ là đá núi, dạng đá sa thạch màu nâu xám (người dân địa phương gọi là đá gan trâu) với đủ hình dáng kích thước từ nhỏ tới trung bình phổ biến dài 0,45m, rộng 0,36m, dày 0,30m.

Tiếp tục đi lên phía Bắc khoảng 30m hướng lên đỉnh núi là cấp nền ba, cũng như hai cấp nền dưới cấp nền ba cũng đã bị toàn bộ cây lá bao phủ. Tại cấp nền này toàn bộ kiến trúc đã bị phá hủy do thời gian, do chiến tranh và do sự đào phá của những người tìm đồ cổ. Tuy nhiên ở cấp nền ba này hiện bề mặt còn xuất lộ rất nhiều bờ kè đá bao gồm 2 hệ thống bờ kè đá, bờ kè đá cho toàn bộ khu vực và bờ kè đá kiến trúc. Dựa vào dấu vết còn lại của những bờ kè đá có thể xác định được giới hạn của toàn khu vực và mặt bằng của kiến trúc tại cấp nền này.

Với hiện trạng còn lại của mặt bằng cấp nền ba có thể đoán định được chùa quay về hướng Nam tựa lưng vào núi. Mặt bằng chùa có cấu trúc hình chữ T, với kiến trúc chính nằm ở chính giữa, hai bên Đông Tây là hai khu phụ được cách nhau bằng hai khoảng sân. Các kiến trúc đều bị phá hủy chỉ còn lại dấu tích những bờ đá với những đoạn bắt góc còn nguyên.

Kiến trúc ở giữa có dạng hình chữ nhật dài Bắc Nam là 17,5m, rộng Đông Tây là 15,3m, kiến trúc này được giới hạn bởi những bờ kè đá còn nguyên mặt bằng cùng với những vị trí bắt góc của nó. Bờ tường kè đá có độ rộng từ 0,35m đến 0,40m, cao trung bình từ 0,30m – 0,40m so với mặt bằng xung quanh; đá được xếp là đá tự nhiên dạng đá sa thạch màu nâu xám với nhiều hình dạng, phổ biến là hình chữ nhật kích thước từ nhỏ tới trung bình. Tại chính giữa ở phía Bắc

(gắn sát vách núi) của kiến trúc này còn có một kiến trúc nhỏ có dạng hình chữ nhật với kích thước dài Đông Tây là 9,6m; rộng Bắc Nam là 5,7m. Dấu vết còn lại cũng là những bờ kè đá rộng 0,35m; cao 0,30m. Theo người dân địa phương, chính tại chỗ này trước kia người ta đã đào được một chum lớn trong đó còn 03 mẫu xương, hiện dấu vết đào này vẫn còn và nằm chính giữa của kiến trúc này.

Nối liền với kiến trúc ở giữa là hai kiến trúc ở hai bên phía Đông và phía Tây tạo thành mặt bằng kiến trúc có bố cục hình chữ T. Kiến trúc phía Đông có kích thước rộng Đông Tây là 15,45m, dài Bắc Nam là 8,8m. Dấu vết còn lại là những bờ kè đá rộng 0,35m, cao 0,30m – 0,40m, vật liệu để tạo mặt bằng cũng bằng đá như những kiến trúc đã nói ở trên. Tại kiến trúc ở phía Đông này có thể có một bậc lên xuống, dấu vết để lại là ba phiến đá dạng hình chữ nhật.

- Phiến đá thứ nhất có kích thước: 1,18m x 0,46m x 0,135m,
- Phiến đá thứ hai: 1,36m x 0,415m x 0,135m,
- Phiến đá thứ ba: 1,22m x 0,48m x 0,11m.

Kiến trúc phía Tây, hiện trạng còn lại cũng là những bờ tường bó bằng đá, có kích thước rộng Đông Tây là 5,83m, dài Bắc Nam là 12,27m.

Ngoài ra còn hai khoảng sân nằm ở hai bên Đông Tây của kiến trúc ở giữa và nằm trước kiến trúc ở hai bên, sân phía Đông có kích thước dài Bắc Nam là 11,6m; dài Đông Tây là 15,45m. Sân phía Tây có kích thước dài Bắc Nam 9,52m, dài Đông Tây là 15,35m.

Toàn bộ khu vực này được bao bọc bởi hệ thống tường bằng đá. Bờ tường đá phía Nam, đây là bờ tường đá vừa mang tính chất giới hạn phía Nam vừa có tác dụng giữ chống sụt lở cho toàn khu vực là bờ tường có vai trò quan trọng nhất. Do khu vực này bị cây lá bao phủ nên bước đầu xác định được bức tường này dài khoảng 30,7m, cao trên 2m và được xây theo kiểu giạt cấp (có ba cấp), chân tường rộng khoảng trên 1m, mặt tường rộng 0,45m, bờ tường đá này các bờ tường đá của kiến trúc ở chính giữa là 2m. Vật liệu xây tường toàn bộ bằng đá tự nhiên loại đá núi dạng đá sa thạch với nhiều kích cỡ chủ yếu là nhỏ và trung bình, đá có kích thước phổ biến là dài 0,45m, rộng 0,36m, dày 0,30m. Ngoài đá là vật liệu chính để xếp tường thì còn sử dụng vật liệu xây dựng để chèn chủ yếu là gạch và ngói. Ngói thuộc loại ngói phẳng mũi sen và gạch bìa dạng hình chữ nhật. Gạch ngói toàn bộ là gạch ngói vỡ, ngói có độ dày 2,5cm; mũi ngói cao 4cm, chất liệu là đất sét màu đỏ xương ngói tương đối mịn; gạch cũng có chất liệu như ngói và có độ dày 4,5cm. Theo nhận định đây toàn bộ là vật liệu kiến trúc thời Trần.

2. Di tích Chùa Hòn Tháp

Cũng như chùa Yên Mã, trải qua thời gian, chiến tranh và nằm ở trên vùng núi cao hoang vu ít người lui tới, chùa Hòn Tháp đến nay cũng chỉ còn là phế tích, toàn bộ những công trình kiến trúc đã bị phá bỏ. Dấu tích còn lại là khu đất bằng phẳng, với diện tích ước chừng trên 1.000m² với bờ kè đá bao quanh khu vực phía Nam trước mặt chùa và dấu tích của một ngôi tháp đã bị phá bỏ.

Hiện trạng khu vực này là khu đất bằng phẳng rộng khoảng trên 800m² toàn bộ xung quanh là cây rừng bao phủ um tùm. Khu vực này có thể tựa lưng vào núi ở phía Bắc, nhìn xuống phía Nam, xa xa là cánh đồng lúa thôn Giáp Sơn, bên cạnh khu vực đất bằng phẳng ở phía Đông là suối Vực Rêu. Chính giữa khu vực được người dân xây một miếu thờ nhỏ chừng 3m² bằng gạch, mái lợp fibro xi măng.

Ngay phía sau của miếu thờ này sát vách núi phía Bắc là một am nhỏ được người dân đắp lại bằng đất và đá. Trong am nhỏ này là dấu tích của một ngôi tháp đá bị phá hủy và được người dân dựng tạm lên. Am có diện tích khoảng 5m²; nền am cao khoảng 0,40m so với mặt bằng khu vực được xếp bằng đá phiến và đá tự nhiên. Vật liệu xếp nền am là đá dạng hình hộp chữ nhật có vết chế tác, chân tảng và đá núi tự nhiên, tại đây có ba chân tảng bằng đá sa thạch thô màu nâu xám không trang trí hoa văn với kích thước.

- Chân tảng thứ nhất: 0,39m x 0,39m x 0,14m; đường kính chân tảng 0,34m;
- Chân tảng thứ 2: 0,36m x 0,34m; đường kính chân tảng 0,32m,
- Chân tảng thứ 3: 0,38m x 0,36m x 0,16m; đường kính chân tảng 0,34m.
- Đá dạng hình chữ nhật có kích thước 0,37m x 0,37m x 0,22m.

Trong am này là dấu tích của ngôi tháp đá đã được người dân xếp lại cao khoảng 0,96m; rộng 0,80m; mái tháp rộng 0,78m. Toàn bộ vật liệu được xếp bằng đá sa thạch dạng hình hộp chữ nhật. Đá có kích thước từ nhỏ tới trung bình phổ biến từ: 0,37m x 0,27m x 0,20m đến 0,65m x 0,65m x 0,20m. Theo các tư liệu khảo sát năm 1998 cho biết trong tháp vẫn còn bài vị của vị sư trụ trì:

“Huyền Cơ Thiện thọ Pháp vân hòa thượng vị”

Tức: Bài vị hòa thượng có hiệu đạo là Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân.

Tại khu vực phía Nam của di tích được bao quanh bởi một tường kê bằng đá, bờ kê đá này đã bị phá hủy chỉ còn lại một vài vị trí. Dấu tích còn lại của bờ kê đá này dài khoảng 70m - 80m; cao từ 0,70m - 1,50m, mặt tường rộng khoảng 0,40m. Do toàn bộ khu vực này bị cây rừng bao phủ nên chưa tìm được đoạn bắt góc của bờ tường đá. Đá được sử dụng xếp là đá núi tự nhiên với nhiều hình dạng và kích thước phổ biến từ nhỏ đến trung bình.

3. Di tích Chùa Bình Long

Chùa Bình Long thuộc thôn Làng Chùa, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam. Chùa nằm trên dãy Huyền Đình, đi từ UBND xã Huyền Sơn vào thôn Làng Chùa sẽ có hai con đường lên đến chùa Bình Long, con đường thứ nhất là đi theo con suối chảy từ dãy núi Huyền Đình xuống, con đường thứ hai là đi theo đường rừng băng qua khoảng 4 ngọn núi và mất khoảng hơn 2 giờ đồng hồ mới tới được khu vực chùa Bình Long.

Theo người dân địa phương thì chùa Bình Long đã có hai lần di chuyển địa điểm tuy nhiên thời gian di chuyển địa điểm thì không ai trong làng biết rõ. Lần thứ nhất là di chuyển từ trên núi Huyền Đình xuống khu vực đồi Hòn Chùa

phía sau thôn Làng Chùa hiện nay ngay sát dưới chân núi. Tuy nhiên, ngôi chùa này cũng đã bị phá hủy từ rất lâu.

Lần thứ hai chùa được di chuyển về phía đầu làng, cạnh con đường đi vào làng hiện nay, gần đối diện với UBND xã Huyền Sơn và chính là chùa Bình Long ngày nay, nằm ở vị trí tọa độ: $21^{\circ}15'45.1''$ vĩ độ Bắc, $106^{\circ}25'20.6''$ kinh độ Đông. Theo người dân địa phương kể lại, chùa được chuyển xuống khu vực hiện nay vào thời Nguyễn và cũng mới được người dân trùng tu lại. Gần đây người dân trong làng đã lên trên chùa Bình Long trên núi mang về chùa một số chân tảng kê cột và cối đá hiện đang đặt phía Đông của sân chùa.

Toàn bộ khu vực này hiện nay được bao phủ bởi cây rừng um tùm, vắng bóng người lui tới do nằm trên sườn núi cao, hiểm trở và xa khu dân cư. Hiện trạng của di tích chùa Bình Long hiện còn lại là hai cấp nền tương đối bằng phẳng, tựa lưng vào núi ở phía Bắc, nhìn về hướng Đông Nam là vực sâu, nhìn xuống cánh đồng thôn Làng Chùa và có nhiều khe suối dẫn nước từ đỉnh núi chảy xuống thôn Làng Chùa.

Cấp nền thứ nhất nằm sát sườn núi, bề mặt đã bị cây lá bao phủ, mặt bằng tương đối bằng phẳng có chiều dài Đông Tây khoảng từ 20m – 30m, chiều dài Bắc Nam từ 15m - 20m. Do bị cây lá bao phủ dày nên không nhận thấy sự xuất lộ của dấu tích kiến trúc và di vật trên bề mặt. Ngay sát sườn phía Nam của cấp nền này có một khối đá tự nhiên rộng chừng $2m^2$, ngoài ra bề mặt chỉ có những hòn đá núi tự nhiên rải rác trên mặt cấp nền này.

Cấp nền thứ hai nằm liền kề với cấp nền một, sát sườn phía Bắc của ngọn núi, cao hơn cấp nền 1 từ 0,60 m - 0,80m. Cũng như cấp nền một, cấp nền hai hiện cũng bị cây rừng bao phủ, những dấu vết về di tích trên bề mặt không còn, ngoài những phiến đá tự nhiên thì còn những phiến đá dạng hình chữ nhật có vết chế tác, di vật gạch, ngói, đồ gốm sành sứ hầu như rất ít. Đặc biệt tại cấp nền hai này còn xuất lộ dấu tích của hai bờ tường bằng đá.

Dấu tích tường đá phía Nam, đây là tường đá phân tách giữa cấp nền một và cấp nền hai, hiện trạng tường đá này đã bị phá hủy chỉ còn lại dấu tích ở một số vị trí. Theo dấu tích của một số vị trí để lại ước tính chiều dài của tường đá này vào khoảng 15m – 20m; cao khoảng 0,50m đến 0,60m; rộng khoảng 0,35m. Đặc biệt tại góc Tây Bắc của cấp nền này còn xác định được vị trí bắt góc của tường phía Nam và tường phía Tây.

Dấu tích tường đá phía Tây, đã bị cây lá bao phủ chỉ nhận diện được từ đoạn bắt góc kéo dài lên phía Bắc dài khoảng 7m - 8m, mặt tường rộng khoảng 0,35m.

Toàn bộ đá dùng để kê tường là loại đá núi tự nhiên thuộc loại đá sa thạch với nhiều hình dáng và kích thước, phổ biến từ nhỏ tới trung bình.

Tại cấp nền hai này ở bên rìa phía Tây, cách bờ tường đá phía Tây khoảng 2,5m; cách bờ tường đá phía Nam khoảng 4m xuất lộ một chân tảng đá còn nguyên vị trí, chân tảng có kích thước 0,44m x 0,43m; đường kính 36,5cm; chân tảng được làm từ đá núi dạng đá cát kết màu trắng xám. Ngoài ra còn xuất lộ

một hàng đá kê nghiêng nối liền từ chân tảng này chạy theo hướng Đông Tây. Đá kê được đẽo như những viên gạch bìa và đặt nằm nghiêng, dấu tích còn lại ở một số vị trí dài khoảng 3,5m. Theo đoán định đây có thể là dấu tích của xà ngưỡng, nối từ chân cột này tới chân cột khác.

Đi xuôi từ khu vực cấp nền thứ nhất xuống phía Đông Nam khoảng 25m là một mái đá tương đối lớn, trên một phiến đá ở đó có khắc ba chữ Hán ghi “Thanh Thủy động” - động Thanh Thủy. Theo người dân ở đây xưa kia khu vực mái đá này rất sâu và nhiều nước, nhưng hiện nay đã bị đất đá và cây rừng làm cho bằng phẳng và không còn nước tại khu vực mái đá này.

Tại khu vực chùa Bình Long nằm ở thôn Chùa hiện nay còn lưu giữ được một bia đá, và 5 chân tảng đá, theo người dân thì các chân tảng đá này mới được đưa từ khu vực chùa Bình Long ở trên núi xuống để tại chùa hiện nay. Có hai chân tảng đá thuộc dạng đá núi gốc màu tím gan gà, 2 chân tảng bằng đá sa thạch, 1 chân tảng đá dạng đá muối, các chân tảng còn nguyên vẹn dạng hình vuông, không trang trí hoa văn.

- Chân tảng thứ nhất: 41cm x 42cm x 14,5cm; đường kính đường tròn 37cm;
- Chân tảng thứ 2: 42,5cm x 40cm x 20cm; đường kính đường tròn 37cm;
- Chân tảng thứ 3: 42cm x 41cm x 20cm; đường kính đường tròn 33,5cm;
- Chân tảng thứ 4: 23,5cm x 22cm x 9cm; đường kính đường tròn 20cm;
- Chân tảng thứ 5: 28cm x 27cm x 13,5cm; đường kính đường tròn 21,5cm.

Bia đá còn nguyên, chất liệu đá sa thạch mịn màu vàng xám, xung quanh viền bia trang trí hoa văn dạng dây cuốn. Bia không có chân gồm các bộ phận đế bia, thân bia, mái bia, chóp bia. Bia ghi năm Bảo Đại thứ 7 tháng 11. Kích thước bia.

- Đế bia: dài 60cm, rộng 34cm, cao 20cm;
- Thân bia: Cao 50cm, rộng 51cm, dày 25cm;
- Mái bia: rộng 53cm, dày 31cm, cao 20cm;
- Chóp bia: rộng 15cm, cao 7cm, dày 11cm

4. Di tích Chùa Đám Trì

Chùa Đám Trì nằm ở cánh đồng thôn Đám Trì (xứ Đồng Hang), thuộc thôn Đám Trì, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Khu vực chùa tọa lạc giữa cánh đồng, đây là một thung lũng trù phú, rộng 178ha bao quanh là những dãy núi trùng điệp.

Chùa tọa lạc tại tọa độ $21^{\circ}13'23.0''$ vĩ độ bắc; $106^{\circ}35'41.2''$ độ kinh đông; cao 39m so với mực nước biển. Phía Đông là núi Yên Tử, nơi có chùa Ngọa Vân (tỉnh Quảng Ninh); phía Nam là chùa Hồ Thiên (tỉnh Quảng Ninh), phía Tây là núi Côn Sơn (tỉnh Hải Dương) và dòng sông Lục Nam; phía Bắc là núi Am Vãi, nơi có chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn (tỉnh Bắc Giang).

Di tích chùa Đám Trì là tên gọi theo địa danh thôn Đám Trì. Theo ông trưởng thôn Đám Trì là Hoàng Văn Dân và các cụ cao niên trong thôn thì tên gọi Đám Trì là do trước đây khu vực này có rất nhiều ao hồ và vùng trũng ngập nước lâu ngày. Theo ông Hoàng Văn Dân, khu vực chùa hiện nay, trước kia là một gò đất nổi giữa cánh đồng cao khoảng hơn 2m so với mặt bằng hiện tại. Sau đó người ta san gạt và xây dựng ngôi chùa hiện nay trên đó.

Năm 2013, trong quá trình đào móng làm chùa Đám Trì mới, người dân đã phát hiện được nhiều hiện vật như mảnh ngói, tượng linh thú, mảnh lá đề... ở độ sâu từ 35 - 70cm. Sau khi nhận được thông báo, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Viện khảo cổ học đã tiến hành khai quật địa điểm Đám Trì năm 2014. Kết quả cuộc khai quật lần thứ nhất địa điểm Đám Trì đã làm xuất lộ nhiều di tích như bó nền, nền đường cùng nhiều di vật vật liệu kiến trúc, đồ sành, đồ gốm sứ có niên đại kéo dài từ thời Lý, thời Trần đến thời Lê và thời Nguyễn.

Hiện nay chùa Đám Trì đã được xây mới hoàn thiện và được công nhận là *Địa điểm khảo cổ học cấp tỉnh năm 2015*. Khảo sát toàn bộ khu vực này thì còn rất nhiều di vật như các đồ gốm sứ, sành, vật liệu kiến trúc còn vương vãi trên mặt khắp cánh đồng thôn Đám Trì. Tại một gò đất cao cánh đồng nằm sát rìa thôn Đám Trì cách chùa Đám Trì hiện nay khoảng 300m về phía Đông, có tên là gò Góc Nhãn trong quá trình làm ruộng, san gạt đất xuất lộ một lớp ngói vụn màu đỏ dày khoảng 15cm tại vách của gò này. Theo nhận định đây rất có thể là vết tích của một công trình kiến trúc. Khảo sát quanh khu vực rộng lớn thuộc thôn Đám Trì, sát rìa cánh đồng tại những khu vực này có rất nhiều các loại đồ sành có niên đại từ thời Trần tới thời Lê còn vương vãi trên mặt.

Hiện nay trong chùa Đám Trì còn lưu giữ được nhiều di vật có giá trị nghiên cứu như các loại ngói mũi sen, trang trí lá đề, các mảnh trang trí hoa văn, lon sành... có niên đại kéo dài từ thời Trần đến thời Lê. Nhóm di vật thời Trần bao gồm ngói mũi sen, trang trí lá đề, tượng uyên ương, đồ gốm.

- Ngói phẳng mũi sen có 6 mảnh ngói mũi sen, toàn bộ đã bị vỡ chỉ còn lại phần đầu ngói, chất liệu đất sét đỏ nhạt tương đối mịn, xương ngói lẫn ít sạn sỏi laterit, độ nung thấp ngói dày phổ biến từ 1,5cm – 2,5cm; mũi ngói cao 4cm -4,5cm.

- Lá đề cân có 4 mảnh trong đó 1 tiêu bản nguyên dáng, 3 tiêu bản chỉ còn lại phần thân và đầu lá đề. Chất liệu toàn bộ lá đề được làm từ đất sét đỏ mịn lẫn ít sạn sỏi laterit, độ nung thấp. Lá đề được trang trí mô hình tháp ở chính giữa, xung quanh trang trí hoa văn dạng quầng lửa. Lá đề trang trí một mặt, chính giữa lá đề trang trí in nổi mô hình tháp 5 tầng và 1 chóp tháp, cao 23cm, dày 2,5cm.

- Mảnh lá đề, vỡ còn lại phần thân lá đề, chất liệu và hoa văn trang trí giống lá đề trình bày ở trên. Phần vỡ còn nhận diện được 3 tầng tháp và 1 chóp tháp. Mảnh lá đề vỡ còn lại phần cuống và một phần thân lá đề, còn lại 1 tầng tháp, lá đề cao còn lại 13cm, dày 2cm.

- Mảnh thân rồng, vỡ còn lại một phần nhỏ, chất liệu đất sét đỏ lẫn ít sét trắng, tương đối mịn lẫn ít sạn sỏi laterit, thân được tráng trí hình vẩy cá, còn lại dấu vết của 1 chân rồng, rồng được trang trí một mặt, một mặt để trơn. Dài còn lại 13cm, dày 14cm.

- Tượng uyên ương, vỡ mất phần đầu còn lại phần thân và đuôi. Chất liệu đất sét đỏ tương đối mịn, lẫn nhiều sạn sỏi laterit. Uyên ương có dáng cánh cụp sát vào thân, trên cánh và đuôi trang trí văn khắc vạch đơn giản. Trong lòng uyên ương để rồng. dài còn lại 12,5cm, cao 5cm.

- Bình gốm men trắng, vỡ phần miệng và cổ chỉ còn lại phần thân, bình có dáng vai nở, thu dần về phía đáy, xương gốm tương đối thô, tròn gần đầy, mép chân để cắt hơi nhọn, cao còn lại 11,5cm, đường kính đáy 6,5cm.

- Bát gốm men xanh ngọc, vỡ còn đủ dáng, bát có dáng loe, thành bát mỏng và vát. Miệng bát hơi xiên bẻ loe ra ngoài, mép miệng vê tròn, trong lòng trang trí hoa văn mây hình khánh, men phủ kín bên trong và bên ngoài tuy nhiên men đã bị bong tróc gần hết, chân đế để mờ. Tròn đế đầy dạng cắt tiện, góc chân đế gần nhọn, mép chân đế cắt phẳng, bát cao 6cm, đường kính miệng 17cm, đường kính đáy 6cm.

- Lon sành còn nguyên loại hình lon thấp miệng rộng, vai xuôi. Cấu trúc miệng gần hình tam giác lệch thành ngoài vát thu nhỏ dần lên cao, thành trong vát loe diện tiếp xúc nhỏ. Đất sét khi nung ở nhiệt độ cao xương gốm có màu xám, da bên ngoài có màu nâu, bên trong có màu xám. Trang trí hoa văn dập nan chiếu dọc theo thân của lon, trang trí đường chỉ khắc chìm chạy xung quanh vai của lon. Ché tạo dải cuộn trên bàn xoay con cuộn bị bóp dẹt để lại vết nhăn trong lòng của lon. Đường kính miệng 15cm, đường kính đáy 16cm, cao 4cm.

Nhóm hiện vật thời Lê còn lưu giữ được tại chùa Đám Trì hiện nay đa số là các mảnh tượng trang trí như mảnh trang trí rồng, mảnh tượng nghệ toàn bộ có chất liệu đất sét màu xám. Ngoài ra còn có 01 chiếc đĩa men trắng vẽ chỉ lam, đĩa có đường kính đế nhỏ, chân đế thấp, góc đế tiện và rộng nhưng dáng đĩa có lòng phẳng, thân loe hình loa với 3 đường chỉ lam đồng tâm ở mép miệng, thân và đáy. Chồng nung bằng kỹ thuật ve lòng; cao 3,5cm, đường kính miệng 11,5cm, đường kính đáy 5,5cm, chân đế cao 1cm, ve lòng rộng 1,2cm.

5. Một số điểm di tích phụ cận

5.1. Chùa Am Vãi

Tương truyền Chùa Am Vãi được xây dựng từ thời Lý và nằm trong hệ thống các chùa tháp được phát triển ở thời Trần dọc theo sườn Đông dãy Yên Tử khi đạo phật ở vào giai đoạn cực thịnh. Truyền thuyết kể lại rằng: Chùa Am Vãi vốn là một cái am nhỏ, có một vị sư trụ trì. Ở đây có một hang tiền và một hang gạo, mỗi ngày hai hang này chỉ chảy ra một lượng tiền và gạo đủ cho vị sư này dùng mà không bao giờ chảy hơn. Đến một ngày vị sư có khách liền khơi cho hang tiền và gạo chảy ra đủ hai người dùng. Từ đó tiền và gạo ở hai hang này không bao giờ chảy ra nữa....

Cũng theo tương truyền, nơi đây cũng từng là chốn tu thiền nhập định của công chúa nhà Trần nên mới gọi là chùa Am Vãi hay Am Ni tự. Tương truyền lúc bấy giờ chùa được xây dựng quy mô lớn. Bố cục mặt bằng vào thời Lê theo lối nội công, ngoại quốc gồm các tòa: Tiền đường, tam bảo, hành lang, nhà tổ, nhà tăng...

Xung quanh chùa có các dải núi nhỏ châu về bao bọc, lại có mạch nước từ suối trên đỉnh núi chảy xuống tạo thành 2 giếng nước. Bên trái chùa là vườn tháp, phía sau chùa có khu mái đá. Hai bên chùa còn có cụm đá lớn in dấu bàn chân Phật.

Trải qua thời gian và những biến động của xã hội, ngôi chùa xưa hiện không còn. Chùa Am mới được người dân và chính quyền địa phương xây dựng, tu tạo lại. Chùa hiện nay có bình đồ kiến trúc theo lối chữ nhật, nằm dựa lưng vào sườn núi, quay hướng Đông Bắc nơi có dãy núi Yên Tử. Dấu tích chùa xưa còn lại không nhiều chỉ còn lại dấu tích của hai tháp đá, những phiến đá sa thạch nhiều kích cỡ dạng hình chữ nhật, hình vuông, những trụ đá có lỗ chốt. Hai tháp đá cũng được di chuyển từ vị trí khác tới vị trí hiện nay và được xếp lại, hiện chỉ còn một tháp đá còn đầy đủ cấu trúc và hình dạng gồm đế tháp, bệ tháp, thân tháp, mái tháp và chóp tháp.

- Đế tháp có một bậc, được xếp bằng những phiến đá dạng hình vuông, có kích thước 1,8m x 1,8m, cao 0,35m;

- Bệ tháp được xếp bằng những phiến đá, có một cạnh trên được vê cong cao 0,20m;

- Thân Tháp tạo bởi bốn phiến đá, các vách kín ba mặt, mặt trước để cửa cuốn tò vò, trên cửa có khắc nổi bốn chữ “*Liên Hoa Bảo tháp*”. Thân tháp cao 1,10m, rộng khoảng 0,80m x 0,80m, cửa tháp cao khoảng 0,50m, rộng khoảng 0,30m;

- Mái tháp đua 4 đao uốn cong hình mũi thuyền rộng 1,32m x 1,32m, cao 0,50m. Trên phần mái tháp được trang trí hoa văn chìm, tuy nhiên hoa văn bị mờ không rõ được trang trí hoa văn gì.

- Chóp tháp còn nguyên vẹn, được chia làm hai phần. Phía dưới là hình đài hình vuông, không trang trí hoa văn. Phía trên là hình bình nước cam lộ, mặt cắt ngang hình tròn, thon dần lên trên, đỉnh nhọn, chóp tháp cao 0,50m.

- Bên trong tháp có bài vị chữ Hán: “*Trúc Lâm viên tịch ma ha bất thương Tỳ Khưu Như Liên Thiền sư thân Bồ tát cần vị*” – Bài vị Thiền sư là ma ha bất thương Tỳ Khưu Như Liên Thiền Bồ tát được viên tịch về chốn Trúc Lâm.

Di vật: Hiện xung quanh chùa còn lại một số di vật, chủ yếu là các loại hình đá như các đá bó kiến trúc, hình chữ nhật, các trụ đá có lỗ mộng (lỗ chốt), khối đá hình trụ tròn. Các di vật đá này được thu gom lại trong quá trình xây dựng, tu bổ chùa để lại.

- Khối đá hình trụ tròn, bằng đá sa thạch màu xám cao 31cm, đường kính ngoài 90cm, đường kính trong 67cm. Bề mặt đường tròn được mài nhẵn phẳng rất cẩn thận, xung quanh là dấu vết đục đều cẩn thận

- Một số viên đá hình chữ nhật, chất liệu bằng đá sa thạch, màu xám. Theo đoán định đây có thể là các loại đá của các công trình kiến trúc. Kích thước một số viên đá tiêu biểu:

+ Viên thứ nhất: 74cm x 44cm x 15cm;

+ Viên thứ hai: 58cm x 22cm x 17cm;

+ Viên thứ ba: 58cm x 22cm x 21cm;

+ Viên thứ tư: 78cm x 26cm x 18cm.

- Trụ đá: Trong khuôn viên chùa còn giữ lại được hai trụ đá, chất liệu bằng đá sa thạch, màu xám. Trụ đá có mặt cắt dọc dạng hình thang cân, mặt cắt ngang hình vuông, có lỗ chốt hình vuông.

+ Kích thước trụ đá: kích thước đáy 48cm x 48cm; kích thước mặt 46cm x 46cm; cao 30cm. Lỗ chốt dạng hình vuông kích thước 15cm x 15cm, sâu 7cm.

2.2. Chùa Đồng Vành

Chùa Đồng Vành nằm ở rừng Họ, thôn Đồng Vành, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Vốn chùa xưa nằm ở núi Bãi Chè (Đèo Gọn). Tương truyền trước kia khi lên núi Yên Tử tu hành, Điều Ngự giác hoàng Trần Nhân Tông đệ nhất tổ Phật phái Trúc Lâm đã dừng chân tại khu vực chùa Đồng Vành. Về sau có Công chúa triều Trần đến đây tu hành và thác tại rừng Vua Ba (xã Trương Sơn).

Toàn bộ khu vực chùa hiện nay được xây mới, chùa quay hướng Tây Bắc. Trong chùa hiện còn một pho tượng bằng đá sa thạch màu nâu vàng có niên đại thuộc thời Trần (thế kỷ 13-14), tượng đá được đặt tại chùa hiện nay đã được quét sơn mới, chất liệu đá hiện còn nhận diện được ở vị trí phía sau gáy của tượng và đài sen. Hệ thống tượng gồm ba phần bệ đá, đài sen và tượng, kích thước bệ đá 80cm x 60cm x 25cm; đài sen rộng 60cm x 50cm x 9cm; với 7 cánh sen rộng 9cm được làm cẩn thận. Tượng cao 60cm, rộng 45cm; tượng đã bị gãy phần đầu và sau đó được gắn lại, trên đầu có dấu vết của búi tóc bị gãy mất.

Tuy nhiên, hiện nay các thành phần này lại không được đặt đúng vị trí nguyên gốc: Bệ đá hiện đặt ở gian phía bên trái chùa, trên đó đặt một pho tượng được Nhân dân làm mới; Đài sen và pho tượng được đặt ở gian chính giữa, đầu tượng được Nhân dân làm mới với kiểu dáng khác lạ so với tượng thế kỷ 14.

Theo nhận định, tượng này có thể nằm trong hệ thống chùa khu vực Đám Trì, được đưa về đây từ rất lâu. Vì thực tế di tích cho thấy, các dấu tích thời Trần, có cùng niên đại với tượng, không còn nhận diện được tại khu vực chùa, mặt khác từ vị trí chùa đến khu vực Đám Trì rất gần, do vậy có thể trong lịch sử ở giai đoạn thế kỷ 13-14, toàn bộ khu vực này là một.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch

1.1. Hệ thống giao thông

Địa bàn tỉnh Bắc Giang có 05 tuyến quốc lộ QL.1A (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn), QL.31, QL.279, QL.37 và QL.17 chạy qua cùng hệ thống 18 tuyến đường tỉnh lộ cơ bản giúp kết nối thuận lợi từ các tỉnh lân cận đến tỉnh Bắc Giang và từ trung tâm tỉnh tới các khu, điểm du lịch. Đặc biệt, giai đoạn 2011-2020 đã đầu tư nâng cấp, mở mới được một số tuyến quan trọng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (QL.1A) được đầu tư, đưa vào sử dụng quy mô đường cao tốc 4 làn xe; hoàn thành đầu tư xây dựng ĐT.293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang, quy mô đầu tư đạt cấp III đối với tuyến chính và cấp IV đối với tuyến nhánh; Đường vành đai IV (kết nối đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn với Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên) đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; xây dựng một số cầu kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội nâng cấp ĐT.289 kết nối Chũ - Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn; xây dựng đường bê tông kết nối từ QL31 đến cao nguyên Đồng Cao, huyện Sơn Động,...

Các huyện Yên Dũng, Lục Nam và Sơn Động, Lục Ngạn đã chú trọng đầu tư các tuyến kết nối đối ngoại, kết nối phục vụ phát triển công nghiệp, du lịch. Phối hợp với các huyện lân cận thống nhất phương án kết nối, quy mô, thời gian đầu tư các tuyến, bảo đảm phát huy cao hiệu quả đầu tư, cụ thể:

- *Huyện Yên Dũng*: Thời gian qua, huyện Yên Dũng đã đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, trong đó phát triển giao thông phục vụ hoạt động du lịch tâm linh gắn với con đường Hoàng dương Phật pháp, trong đó tuyến đường tỉnh lộ 293 được khai thông và nâng cấp. Đây được xác định là con đường tâm linh được kết nối từ chùa Vĩnh Nghiêm đến các địa điểm khác trong hệ thống các di tích bên sườn Tây Yên Tử. Bên cạnh đó, huyện đã đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án về hạ tầng giao thông được giao làm chủ đầu tư; nâng cấp tuyến đường nhánh Tây Yên Tử vào chùa Vĩnh Nghiêm, các tuyến trung tâm huyện và kết nối đến chùa Vĩnh Nghiêm. Sau khi tuyến đường hoàn thành sẽ góp phần hình thành các tuyến du lịch văn hóa gồm: tuyến Tây Yên Tử, tuyến Đông Yên Tử, tuyến Đông - Tây Yên Tử kết hợp. Một số tuyến đường được đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng như đường tỉnh 398 từ xã Đồng Việt đi thị trấn Nham Biền và Quốc lộ 17 đoạn cống Kem, thị trấn Nham Biền đi xã Tiền Phong; tuyến đường nối đường tỉnh 299 với đường tỉnh 293 đoạn qua Trại y tế Tân Dân (cũ), dự án đường ĐH8 đoạn từ xã Đức Giang sang xã Trí Yên dài 5,9 km (trong đó bao gồm 1 cầu vượt sông và đường ĐH5b kéo dài, đoạn từ xã Tiền Dũng sang Lãng Sơn - Quỳnh Sơn - Tân An dài 9,7 km (gồm 1 cầu vượt sông). Huyện cũng từng bước xây dựng mở rộng các tuyến đường giao thông giữa trung tâm chùa Vĩnh Nghiêm đi đến các cụm di tích Trúc Lâm nằm trên địa bàn của ba tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh và Hải Dương nhằm liên hoàn các đường giao thông - du lịch giữa các trung tâm văn hóa Trúc Lâm với các cụm di tích Trúc Lâm.

- *Huyện Lục Nam*: Huyện đã hoàn thành thi công tuyến đường tỉnh 293, cải tạo, nâng cấp làm mới trên 87km đường huyện, hơn 7km đường xã, nâng cấp trên 600km đường trục thôn và liên thôn, nâng tổng chiều dài đường thôn và liên thôn lên 972km. Đến nay, 100% xã, thị trấn có đường nhựa hoặc đường bê tông qua trung tâm xã, ô tô các loại đã đến được các thôn, bản trong toàn huyện. Trong thời gian tới, huyện đầu tư sửa chữa nền mặt đường tuyến đường tỉnh 295 qua xã Tam Dị và Bảo Sơn nối với quốc lộ 37 dài hơn 6,7km. Năm 2022, huyện tiếp tục ưu tiên cho các dự án giao thông như tuyến đường tránh nối QL31 - QL37 đoạn cầu Mẫu Sơn - cầu Sen, cầu Sen - cầu Già Khê và cầu Mẫu Sơn - Trung đoàn 111; tuyến nối QL31 - ĐT293 đoạn xã Phương Sơn – xã Yên Sơn; ĐT293 kéo dài từ xã Khám Lạng đến xã Nghĩa Phương... Các công trình này góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH, tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư và mở ra nhiều không gian mới.

- *Huyện Lục Ngạn*: Trên địa bàn huyện có 133,5km đường Quốc lộ và đường tỉnh; trong đó, có 02 tuyến Quốc lộ dài 67km và 03 tuyến đường tỉnh dài 66,5km, cơ bản thuận lợi cho quá trình di chuyển tới các khu, điểm du lịch.

- *Huyện Sơn Động*: Có QL 31 chạy qua theo hướng Đông Bắc đi huyện Đình Lập (Lạng Sơn). Quốc lộ 279 theo hướng Đông Nam đi thành phố Hạ Long (Quảng Ninh). Thị trấn An Châu được coi là đầu mối giao thông của huyện, là ngã ba giữa 3 tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Hiện nay, quốc lộ 31 đoạn qua xã Cẩm Đàn và xã Vĩnh An huyện Sơn Động đã được bố trí vốn đầu tư sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và an toàn giao thông. Trong những năm vừa qua, các xã trên địa bàn huyện đã có nhiều cách làm sáng tạo, huy động nguồn lực phát triển giao thông. Nhiều tuyến đường, cây cầu mới được xây dựng đã góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, trao đổi hàng hóa (nâng cấp đường nối từ quốc lộ 31 đi thôn Trại Chùa xã Yên Định, mở mới tuyến đường bê tông từ thôn Hiệp Reo xã Vĩnh An đi thôn Việt Tiến xã Giáo Liêm, từ thôn Kim Bảng đi thôn Nà Trắng xã An Lạc, từ thôn Tuấn Sơn xã Tuấn Đạo đi thị trấn Tây Yên Tử). Hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31 (đoạn qua thị trấn An Châu), đường tỉnh 293, tuyến đường Bồng Am, Thanh Luận, Long Sơn và một số tuyến đường huyện. Phong trào cứng hóa đường giao thông nông thôn được Nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, trong 5 năm, đã xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp được 347,37 km đường giao thông nông thôn, đạt 100% kế hoạch.

1.2. Hệ thống điện

Lưới điện tỉnh Bắc Giang có liên kết chặt chẽ với lưới điện khu vực, có thể huy động hỗ trợ cấp điện cho các tỉnh lân cận và có thể huy động nguồn cấp từ lưới điện khu vực khi cần thiết. Hiện tại công suất các nguồn trạm 220KV cấp điện cho tỉnh đủ đáp ứng nhu cầu phụ tải của tỉnh, cả trong trường hợp không huy động nguồn từ các tỉnh lân cận và trong trường hợp sự cố. Khối lượng trạm biến áp phân phối trung áp lớn, mức độ mang tải của các trạm phân phối ở mức độ vừa phải, khả năng dự phòng cao. Đường dây và trạm biến áp 110KV của khu vực 3 huyện được đưa vào sử dụng nhằm nâng cao chất lượng điện năng, cung cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân cùng với hệ thống

đèn đường chiếu sáng công cộng tuyến đường nối ĐT 299 đi đường Tây Yên Tử thuộc huyện Yên Dũng nhằm tạo dựng môi trường đô thị, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch.

1.3. Hệ thống cấp - thoát nước

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay có 166 công trình cấp nước sạch tập trung với tổng công suất khoảng 242.000 m³/ngđ. Nhu cầu cấp nước về cơ bản đáp ứng yêu cầu tại khu vực đô thị. Tính đến thời điểm hiện nay có 16 nhà máy cấp nước với tổng công suất thiết kế khoảng 52.210m³/ng.đ, riêng thành phố Bắc Giang đạt 35.000m³/ng.đ. Tỷ lệ người dân được cấp nước sạch là 84,04% (riêng thành phố Bắc Giang đạt tỷ lệ 100% tại khu vực nội thành; đạt tỷ lệ khoảng 80% tại các khu vực ngoại thành). Đối với khu vực nông thôn các công trình cấp nước tập trung đang mới cấp nước cho khoảng 15,22% dân số nông thôn.

- *Huyện Yên Dũng*: Công ty Cổ phần cấp nước Yên Dũng chủ yếu cung cấp nước sạch cho các hộ dân. Đang tập trung triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình kênh tiêu thoát lũ Nham Biền với tổng kinh phí gần 130 tỷ đồng.

- *Huyện Lục Nam*: Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đồi Ngô chủ yếu cung cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn thị trấn và một số vùng phụ cận với nguồn nước phục vụ khoảng 1800m³/ngày.

- *Huyện Lục Ngạn*: Hệ thống cung cấp nước hợp vệ sinh đã mở rộng tới toàn bộ các xã thuộc huyện Lục Ngạn.

- *Huyện Sơn Động*: Hệ thống cung cấp nước hợp vệ sinh đã mở rộng đến 17 xã, thị trấn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

1.4. Hệ thống thông tin liên lạc - viễn thông

Hiện nay, cả 4 huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động đều có Công thông tin điện tử riêng để cung cấp các thông tin về kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

1.5. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch

a) Về cơ sở lưu trú

Huyện Yên Dũng: Có 15 cơ sở lưu trú du lịch; huyện Lục Nam: Có 48 cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng được khoảng trên 30 đến 120 khách/ngày, 32 cơ sở dịch vụ ăn uống mỗi cơ sở đáp ứng được từ 80 khách trở lên góp phần nâng cao thu nhập và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện; huyện Lục Ngạn: Có 40 cơ sở lưu trú; huyện Sơn Động: Có 14 cơ sở lưu trú. Hiện trạng khả năng đáp ứng cơ sở lưu trú du lịch: Với công suất sử dụng buồng xấp xỉ 40%, thời gian lưu trú trung bình từ 1-1,5 ngày, số lượng buồng lưu trú còn ít, chưa đủ khả năng đáp ứng lượng khách lưu trú du lịch của 4 huyện trong thời gian tới.

b) Hệ thống cơ sở dịch vụ

- *Dịch vụ ăn uống*: Cơ sở, nhà hàng ăn uống tập trung chủ yếu tại trung tâm huyện, phục vụ các món ăn bình dân, đặc sản rừng.

- *Vui chơi giải trí*: Hệ thống cơ sở vui chơi giải trí tại 4 huyện còn chưa phong phú, chủ yếu chỉ có các hoạt động vui chơi giải trí cơ bản như: Công viên, phòng hát karaoke, quán cà phê...

- *Thương mại dịch vụ*: Hàng hoá kinh doanh trong siêu thị, TTTM tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu mua sắm người dân và du khách.

c) Hệ thống cơ sở vật chất khác phục vụ du lịch

Một số tuyến dịch vụ vận tải hành khách giữa các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn và các huyện, thành phố lân cận đã được mở rộng: Dịch vụ vận tải theo tuyến cố định đường bộ đến được tất cả các bến xe tại trung tâm tỉnh và trung tâm huyện, dịch vụ xe buýt gồm có tuyến liên tỉnh liên kê, tuyến từ trung tâm tỉnh đến một số huyện và một số tuyến liên huyện; nâng cấp 01 tuyến xe cố định Bắc Giang đi Mai Sủ, Đứng Đình huyện Lục Nam thành tuyến xe buýt và mở mới 01 tuyến xe buýt Bắc Giang đi Tây Yên Tử để phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân, hoàn thành mục tiêu quy hoạch đề ra.

Một số cửa hàng lưu niệm, kết hợp bán các sản phẩm OCOP được đầu tư xây dựng, bước đầu đã có doanh thu.

Ngoài ra, các hạ tầng xã hội khác cũng được quan tâm đầu tư phát triển phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân. Tỉnh duy trì 02 Bảo tàng; 01 Thư viện cấp tỉnh, 10 Thư viện cấp huyện; 03 Rạp chiếu phim; hệ thống Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa từ cấp tỉnh đến thôn, bản được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Cơ sở vật chất thể thao được đầu tư phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu tập luyện thể thao thường xuyên của Nhân dân và tập luyện thể thao thành tích cao, trong đó nổi bật tỉnh đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu thể thao với sức chứa 4.000 chỗ ngồi, đáp ứng việc tổ chức các giải đấu thi đấu thể thao các môn trong nhà tầm quốc gia, quốc tế. Mạng lưới các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế phân bố rộng khắp gắn với địa bàn dân cư phục vụ thuận lợi cho nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 766 cơ sở giáo dục phổ thông; 44 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trong đó có Trường Trung cấp Văn hóa Thể thao và Du lịch); 656 cơ sở y tế (233 cơ sở công lập, 423 cơ sở ngoài công lập). Hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội với 01 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập, tương lai phát triển thêm các cơ sở ngoài công lập nhằm phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc người cao tuổi tự nguyện.

2. Thực trạng công tác phát triển du lịch

2.1. Hệ thống sản phẩm/dịch vụ du lịch

Con đường Hoàng dương Phất pháp được hình thành bởi hệ tư tưởng thiên phái nổi tiếng trong lịch sử dân tộc - Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Hiện nay, con đường chủ yếu chỉ còn lại các dấu tích được thể hiện qua các di tích và một số phế tích còn sót lại nằm rải rác trên các khu vực 4 huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn. Các dấu tích đó đã và đang được nghiên cứu và tìm hiểu thông qua các hoạt động về khảo cổ học, về điều tra khảo sát văn hóa; các sinh hoạt văn hóa (lễ hội, truyền thuyết, văn hóa dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng....) còn tồn tại trong các làng, xã, cư dân bản địa.

Các sản phẩm du lịch đang khai thác hiện nay chủ yếu là du lịch tham quan, văn hóa - tâm linh. Bên cạnh đó, bắt đầu phát triển một số sản phẩm phụ trợ như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, dã ngoại, vùng cây ăn quả.

- Du lịch văn hóa - tâm linh: Là thế mạnh, nổi bật nhất của huyện Yên Dũng, Lục Nam và Sơn Động hiện nay, được nhiều du khách biết đến, thu hút đông du khách vào dịp đầu năm, ngày lễ hội gắn với các điểm du lịch: Chùa Vĩnh Nghiêm, Hòn Tháp, Bình Long, hệ thống chùa Khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử.

- Du lịch sinh thái: Gắn với núi rừng, sông, hồ, thác nước, cây ăn quả... tại một số điểm như Suối Mỡ, Khe Nậm, suối Nước Vàng, Khe Rỗ, Đồng Cao,... Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống như: sản phẩm thủ công có dệt thổ cẩm, chổi dóc; các vườn cây ăn quả.

- Du lịch cộng đồng: Bắt đầu được quan tâm định hướng phát triển phát triển tại xã Vĩnh An, huyện Sơn Động; xã Tân Sơn, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn; Bản Ven huyện Yên Thế với các hoạt động chính như: Ăn, ở tại nhà dân, tham quan bản làng, trải nghiệm các hoạt động như làm đồng, nấu ăn, tắm lá thuốc, xem nuôi ong, thưởng thức văn nghệ...

Để khai thác các sản phẩm văn hoá, du lịch theo con đường Hoàng dương Phật pháp, các huyện, đặc biệt là huyện Lục Nam đã và đang tiếp tục triển khai xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Suối Nứa; cánh đồng rau mầu lớn ở Chu Điện, Bảo Đài kết hợp với du lịch được quy hoạch cụ thể và đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi để người nông dân yên tâm sản xuất, tăng cường đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật một cách đồng bộ vào quy trình canh tác nông nghiệp. Tăng cường quảng bá và xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông, lâm nghiệp của huyện như: gà đồi, vịt trời, hạt dẻ, dê núi, tắc kè, ba kích, na dai, củ đậu, khoai sọ, khoai lang... Đặc biệt là các sản phẩm OCOP như Đông trùng hạ thảo tại xã Đông Hưng, Rượu, Dứa Bảo Sơn, HTX nông sản an toàn Lục Nam; HTX dưa leo quê Lục Nam, HTX Na dai Nghĩa Phương, HTX dịch vụ nông nghiệp Mai Suu. Huyện Sơn Động đã chỉ đạo thành lập và xây dựng 04 Hợp tác xã du lịch cộng đồng tại bản Nà Hìn (thôn Gà, xã Vân Sơn) gắn với sản phẩm du lịch trải nghiệm sinh thái Đồng Cao; Hợp tác xã du lịch cộng đồng thôn Nà Ó (xã Vĩnh An) gắn với sản phẩm du lịch rừng sinh thái Khe Rỗ; Hợp tác xã du lịch cộng đồng Thanh Chung, Hợp tác xã du lịch cộng đồng Bản Mậu (thị trấn Tây Yên Tử) gắn với sản phẩm du lịch Khu du lịch văn hóa, tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử; thác Ba Tia, Núi Mực, cây dược liệu và công viên rừng sinh thái; đồng thời chỉ đạo các xã, thị trấn trên địa bàn huyện phối hợp tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, đôn đốc Nhân dân các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng các sản phẩm OCOP phục vụ du khách, tích cực sáng tạo trong phát triển thương mại. Triển khai lập Đề án xây dựng làng văn hóa tiêu biểu gắn với du lịch cộng đồng để thực hiện trên địa bàn huyện.

2.2. Nhân lực du lịch

Năm 2011, huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn có 208 lao động ngành du lịch, trong đó hầu hết đều chưa có nhân lực được đào tạo về du lịch tâm linh, đến năm 2021 tăng lên 669 lao động.

Về chất lượng lao động ngành du lịch: Lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ khoảng 40% tổng số lao động ngành du lịch, trong đó lực lượng lao động có trình độ đại học chiếm khoảng 5%, tương đối thấp so với nhu cầu phát triển du lịch, trình độ ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế. Lực lượng lao động hiện chủ yếu làm việc trong các cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống (chiếm khoảng 80%).

Về công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch: Hằng năm, Sở VHTTDL đều mở các lớp đào tạo, tập huấn cho chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, quản lý, trưởng nhóm,... các nghiệp vụ cơ bản như: Nghiệp vụ quản lý cơ sở lưu trú, nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar; nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn viên, thuyết minh viên,...

Các huyện đã tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch tại điểm du lịch. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm du lịch cho các chủ nhà hàng, khách sạn tại các điểm du lịch; khuyến khích chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp, nông thôn sang lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý du lịch.

2.3. Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch

Hoạt động, sự kiện văn hóa, du lịch gắn với hoạt động tâm linh đã triển khai, tổ chức thành công: Lễ đón Bằng công nhận di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm; Hội thảo “Đệ nhị Tổ Thiền phái Trúc Lâm Thiền sư Pháp Loa với việc kế thừa và phát triển di sản Phật giáo Trúc Lâm” tại chùa Vĩnh Nghiêm; Lễ đón nhận chùa Bỏ Đà là di tích quốc gia đặc biệt, Lễ hội chùa Bỏ Đà là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, Bộ mộc bản kinh Phật chùa Bỏ Đà là bảo vật quốc gia; Lễ khai hội xuân Tây Yên Tử và khai mạc Tuần Văn hóa - Du lịch hằng năm; Hội nghị Xúc tiến đầu tư du lịch tâm linh; Hội thảo phát triển sản phẩm du lịch Tây Yên Tử.

Huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn cũng thường xuyên phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình Trung ương và địa phương giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch tâm linh, các khu, điểm du lịch, di tích lịch sử và các lễ hội truyền thống gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng trên TTXVN, Báo Nhân Dân, Báo Tiếng nói Việt Nam, Báo Du lịch, Tạp chí Du lịch, Trung tâm Thông tin du lịch, Báo Công Thương, Đài Truyền hình Việt Nam VTV, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh...

Các hoạt động xúc tiến, quảng bá thời gian qua bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần thu hút khách du lịch quan tâm đến du lịch tâm linh của tỉnh.

2.4. Hoạt động liên kết phát triển du lịch với các địa phương lân cận

Hình thành một số tuyến liên tỉnh như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh. Tuy nhiên, hầu hết du

khách chỉ dừng chân tại Bắc Giang để tham quan một số ngôi chùa trong thời gian rất ngắn, chưa trở thành điểm du lịch chính trên các tuyến liên tỉnh.

Các tuyến du lịch nội tỉnh kết nối đến các điểm phục vụ tham quan, đi lễ, ngắm cảnh, leo núi, dã ngoại, ngắm thác... chủ yếu thời gian trong ngày đã được xây dựng, quảng bá, như: Tuyến thành phố Bắc Giang - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Hồ Khuôn Thần - Vườn cây ăn quả Lục Ngạn - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - Hồ Suối Cây - Khu lưu niệm nhà văn Nguyên Hồng - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Cây Dã Hương - Đình, chùa Tiên Lục - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Khu an toàn khu II - Đền Y Sơn - Đình Lỗ Hạnh - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Chùa Bồ Đà - Đình Thổ Hà; Tuyến thành phố Bắc Giang - Hồ Cẩm Sơn - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Chùa Vĩnh Nghiêm - Suối Mỡ - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Chùa Vĩnh Nghiêm - Suối Mỡ - Cụm di tích Tiên Lục - Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Rừng nguyên sinh Khe Rỗ - Hồ Khuôn Thần - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Chùa Bồ Đà - Làng cổ Thổ Hà - Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - Cụm di tích Tiên Lục,... Tuy nhiên, các tuyến này cũng chưa phát huy hiệu quả, lượng khách lựa chọn đi theo tuyến rất ít, khách du lịch đến Bắc Giang chủ yếu tự tổ chức, lựa chọn điểm đi theo ý thích.

2.5. Công tác đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích và phát triển du lịch

Với chủ trương của tỉnh: Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, để khai thác tối đa tiềm năng cho phát triển du lịch, cả 4 huyện đều quan tâm, quy hoạch các điểm đầu tư du lịch, linh hoạt khai thác các nguồn lực của địa phương, cùng với sự hỗ trợ của doanh nghiệp để thu hút đầu tư, phát triển điểm đến, cụ thể:

Giai đoạn 2011-2020, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch quy mô lớn đã được phê duyệt chủ trương đầu tư như: Dự án Khu Du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử (1.486 tỷ đồng); Dự án Khu sinh thái Khe Hang Dầu, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng (497,7 tỷ đồng); Dự án Sân golf, dịch vụ Yên Dũng (1.625 tỷ đồng); Dự án sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại huyện Lục Nam (740 tỷ đồng); Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng, huyện Yên Dũng (100 tỷ đồng); Dự án Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ Bắc Hà Yên Tử tại xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động (35,9 tỷ đồng); Dự án Khu nghỉ dưỡng Sun Resort, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng (40 tỷ đồng).

Đến nay, một số dự án đã bắt đầu tư đưa vào khai thác tạo điểm nhấn cho du lịch tâm linh: Dự án đầu tư Khu Du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử hoàn thành giai đoạn 1 với các hạng mục như cáp treo, quảng trường trung tâm, chùa Hạ, chùa Thượng; Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng, huyện Yên Dũng hoàn thành chính điện... Nhờ đó, kết quả kinh doanh du lịch bước đầu ghi nhận tín hiệu khả quan, như huyện Sơn Động ghi nhận số lượt khách tham quan tăng gấp 2,5 lần so với trước khi đưa tổ hợp Khu du lịch tâm linh Tây Yên Tử vào hoạt động...

Bên cạnh đó, một số địa điểm đã hoàn thành công tác lập quy hoạch đề kêu gọi đầu tư như: Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng hồ suối Nứa huyện Lục Nam; Chùa Bát Nhã (Bình Long cổ tự) thuộc huyện Lục Nam. Đặc biệt, tại một số huyện, công tác xúc tiến đầu tư được tập trung đẩy mạnh như:

- Huyện Yên Dũng: Thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch, Đề án về phát triển du lịch của tỉnh theo “*Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử*”, bên cạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, những năm qua huyện Yên Dũng đã tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch. Từ nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, địa phương và nguồn xã hội hóa, trong 5 năm qua chùa Vĩnh Nghiêm được tu bổ, tôn tạo, xây dựng nhà lưu giữ và trưng bày mộc bản, đề án trưng bày Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, khuôn viên cây xanh, sân tổ chức lễ hội và một số hạng mục phụ trợ, tổng trị giá hơn 35 tỷ đồng. Dự án Xây dựng Nhà lưu giữ và trưng bày Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 12/2017, qua đó thu hút đông đảo du khách đến học tập, tìm hiểu, tham quan. Những năm gần đây, UBND huyện Yên Dũng tiếp tục chỉnh lý, bổ sung các nội dung trưng bày, giới thiệu trong và ngoài khuôn viên Nhà lưu giữ và trưng bày Mộc bản.

Tháng 5 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 775/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm với quy mô diện tích 40ha thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng. Đây là tiền đề quan trọng góp phần nâng tầm giá trị của di tích - danh lam cổ tự gắn với Phật giáo Trúc Lâm. Thời gian thực hiện dự án năm 2023-2025. Quy hoạch cũng định hướng không gian kiến trúc, cảnh quan thành một tổng thể di tích thống nhất giữa bên trong và bên ngoài khu nội tự; bổ sung các hạng mục công trình phụ trợ cần thiết cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích như: Tam quan, tháp Phổ Quang, nhà Tổ đệ tam, khu chế tác (phiên bản) mộc bản và in kinh sách, giảng đường Phật học, nhà Tăng, nhà Thiền, bến thuyền du lịch... Việc bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Chùa Vĩnh Nghiêm hướng đến mục tiêu trở thành nơi đào tạo và tu hành của các tăng đồ, Phật tử; nơi truyền bá và tiếp tục phát huy giá trị đặc biệt, tạo điểm nhấn khởi đầu trên con đường Hoàng dương Phật pháp. Qua đó, kết nối Chùa Vĩnh Nghiêm với các điểm di tích liên quan đến Phật giáo Trúc Lâm ở tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương và các di tích, danh lam thắng cảnh nổi tiếng khác trong tỉnh để tạo thành chuỗi sản phẩm du lịch phong phú, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của huyện.

Phát huy lợi thế địa phương, huyện Yên Dũng còn tập trung các nguồn lực, thu hút đầu tư xây dựng, tu bổ, phát triển một số điểm du lịch trọng điểm của huyện gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp như chùa Thiên Lai, đền Thanh Nhàn, chùa Kem thị trấn Nham Biền và Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng; tiếp tục đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng đã và đang triển khai như: Sân Golf dịch vụ Yên Dũng, dự án Khu du lịch sinh thái khe Hang Dầu; phát huy tiềm năng lợi thế của dự án du lịch tâm linh dãy núi Nham Biền để phát triển du lịch sinh thái, tâm linh.

Song song với đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, huyện Yên Dũng còn đặc biệt chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thực hiện các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trọng tâm là các di tích gắn với con đường Hoàng dương Phật pháp. Qua đó, góp phần thiết thực bảo vệ, gìn giữ di tích, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân, tạo cơ sở, nền tảng vững chắc để thúc đẩy phát triển loại hình du lịch tâm linh. Đồng thời, xây dựng các điểm giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn OCOP chất lượng cao tại điểm du lịch chùa Vĩnh Nghiêm và thị trấn Nham Biền. Tại các điểm khai thác hiệu quả các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của địa phương như: Gạo thơm Yên Dũng, Gốm làng Ngòi xã Tư Mại, Tương Trí Yên, mộc mỹ nghệ xã Lãng Sơn... Qua đó, xây dựng, hoàn thiện, phát triển các tour, tuyến du lịch kết nối các điểm du lịch từ chùa Vĩnh Nghiêm với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

- *Huyện Sơn Động*: Đã xây dựng Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 02/6/2021 về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/HU ngày 17/5/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Động về Phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm và du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 04/12/2019 về việc hỗ trợ tu bổ di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện, giai đoạn 2020 - 2025 và ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, tăng cường kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ và giải pháp phát triển du lịch.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm mạnh

- Vị trí thuận lợi: Giao thông kết nối thuận lợi với tuyến quốc lộ 37, quốc lộ 18, quốc lộ 279, đường tỉnh 293, đường tỉnh 291, đường sắt (tuyến Kép - Hạ Long) và đường thủy nội địa (sông Lục Nam) tạo điều kiện mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong vùng, cả nước, là tiền đề quan trọng thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, giao lưu văn hóa, đặc biệt phát triển du lịch.

- Khu vực này có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố văn hóa và tự nhiên, chứa đựng trong Khu bảo tồn thiên nhiên độc đáo rộng hơn 13.000ha đa dạng về hệ thống động thực vật được bảo tồn khá nguyên vẹn, khu văn hóa tâm linh có giá trị cao về lịch sử văn hóa Phật giáo và kiến trúc nghệ thuật được mệnh danh là “Đất tổ Phật giáo Trúc Lâm Việt Nam”.

- Có bề dày về truyền thống lịch sử - văn hóa, huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn có thể tự hào là vùng đất thiêng với hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng, phong phú. Trong đó, điểm nhấn đặc biệt quan trọng là chùa Vĩnh Nghiêm, nơi gắn liền với sự hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập, chùa được coi là chôn tổ của Thiền phái Trúc Lâm, trường Đại học Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam và là trung tâm Phật giáo nổi tiếng dưới thời Trần. Đặc biệt năm 2012, kho Mộc bản tại chùa Vĩnh Nghiêm với 3.050 bản ván khắc đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu ký ức Thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Năm 2015 Chùa Vĩnh Nghiêm được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Theo đề án “*Phục dựng con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử*”, chùa

Vĩnh Nghiêm được lựa chọn làm điểm bắt đầu của tuyến đường, từ đó khẳng định được vai trò cũng như tầm quan trọng của chùa Vĩnh Nghiêm trong việc khai thác không gian du lịch tâm linh theo con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Khu di tích danh thắng Suối Mỡ - nơi khởi đầu của tục thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn đã được xếp hạng là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là điểm nhấn quan trọng để xây dựng nét đặc trưng riêng biệt cho chương trình trải nghiệm con đường Hoàng dương Phật pháp.

2. Điểm yếu

- Hoạt động du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái trên tuyến đường Hoàng dương Phật pháp chủ yếu tự phát, chưa khai thác hết thế mạnh vốn có.

- Năng lực quản lý còn hạn chế, thiếu cán bộ chuyên trách quản lý du lịch tại Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, hầu hết còn làm việc kiêm nhiệm.

- Việc thu hút đầu tư cho du lịch của địa phương gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn huy động đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch còn thấp, thiếu những giải pháp mang tính đột phá thu hút các nhà đầu tư. So với tiềm năng sẵn có, cơ sở hạ tầng cũng như các cơ sở lưu trú trên địa bàn các huyện chủ yếu là quy mô nhỏ, trang thiết bị cũ, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước, cũng như chưa bắt kịp với xu thế phát triển. Phần lớn, khách du lịch ở ngoài tỉnh đi du lịch trong ngày, tập trung chủ yếu vào đầu xuân, số lưu trú rất ít. Hạ tầng giao thông bước đầu được quan tâm đầu tư song ở một số điểm di tích, đường xá vẫn chật, hẹp; xe ô tô khách lớn ra, vào khó khăn.

3. Cơ hội

- Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đã chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới là: “Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, truyền thống của dân tộc... góp phần tạo dựng thương hiệu nổi bật của du lịch Việt Nam”.

- Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ, Chính quyền trong các chủ trương, chính sách, nghị quyết tạo thuận lợi đầu tư, thu hút đầu tư phát triển du lịch tâm linh trong đó có việc phục dựng con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Các điểm đến du lịch sinh thái khu vực này còn nguyên sơ, ít người biết đến với nhiều khu vực có thể mạnh phát triển du lịch sinh thái như Suối Mỡ, khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử và cũng là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, có tiềm năng khai thác du lịch tâm linh: cụm di tích Đền Trần, Đền Quan Tuân, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bình Long...

- Con đường Hoàng dương Phật pháp là sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo, vừa mang tính lịch sử, lại gắn với niềm tin tâm linh của dân tộc Việt Nam. Sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu giải tỏa tâm lý, chiêm nghiệm, lễ bái của người dân, đồng thời đem lại bài học triết lý sâu sắc về nhân sinh và cuộc sống. Giáo dục con người hướng tới cái đẹp của Chân - Thiện - Mỹ theo hướng gần gũi, đơn giản, mang tính hiệu quả cao.

4. Thách thức

- Địa hình Lục Nam và Sơn Động bị chia cắt với các huyện lân cận, cùng các đồi trung du và bán bình nguyên đòi hỏi đầu tư lớn để mở đường, xây dựng cơ sở hạ tầng giúp phát triển giao thông kết nối nội tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Tài nguyên của khu vực này rất đa dạng, nhưng chưa khai thác triệt để. Hầu hết chỉ có cảnh quan núi rừng hùng vĩ, hoang sơ, chưa có điểm nhấn nổi bật so với các vùng và địa phương lân cận.

- Danh tiếng của điểm đến mờ nhạt, chưa tạo lập được thương hiệu du lịch trên thị trường du lịch trong và ngoài nước. Sản phẩm du lịch đơn điệu, thiếu hấp dẫn và chưa được định hình rõ nét.

- Cộng đồng dân cư tại khu vực này chưa nhận thức rõ về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển du lịch gắn với bảo tồn di tích lịch sử văn hoá. Còn có hiện tượng xâm lấn, phá hoại các công trình kiến trúc cổ để lấy di vật, bảo vật; ngăn cản thi công, phục dựng di tích.

- Nằm liền kề các thương hiệu du lịch mạnh như Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn, vừa là điều kiện thuận lợi để thu hút khách, vừa là thách thức trong việc cạnh tranh phát triển với các địa phương này.

Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn phát triển và dựa trên các phân tích SWOT có thể khẳng định: Không gian văn hóa – Phật giáo Trúc Lâm vùng Tây Yên Tử với những giá trị đặc sắc của khu vực trọng điểm phát triển văn hóa tâm linh. Trước hết cần khẳng định đây là con đường được hình thành bởi, hệ tư tưởng của thiền phái nổi tiếng trong lịch sử dân tộc - Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Hiện nay, chủ yếu chỉ còn lại các dấu tích được thể hiện qua các phế tích còn sót lại nằm rải rác trên các khu vực 4 huyện đã nêu trên; Các dấu tích đó đã và đang được nghiên cứu và tìm hiểu thông qua các hoạt động về khảo cổ học, về điều tra khảo sát văn hóa; các sinh hoạt văn hóa (lễ hội, truyền thuyết, văn hóa dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng....) còn tồn tại trong các làng, xã, cư dân bản địa...

Có thể khẳng định, dọc theo dãy Tây Yên Tử ở Bắc Giang từ thời Trần có một hệ thống chùa cổ thuộc Phật giáo Trúc Lâm. Đặc biệt là các di vật gắn với yếu tố vương triều (đồ gốm, vật liệu kiến trúc, kỹ thuật xây dựng...) có yếu tố tương đồng với Hoàng thành Thăng Long. Cùng với đó là sự hiện hữu nhiều hình thái hoạt động văn hóa trong đó nổi bật là các giá trị văn hóa phi vật thể như: Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, lễ hội đền Suối Mỡ, lễ hội chùa Cao, chùa Am Vãi, lễ hội của các đồng bào dân tộc thiểu số Tày, Nùng, Dao... đều gắn với các văn hóa và Phật giáo thời Trần.

Hệ thống di tích đó đã được kết nối từ trung tâm của chốn tổ Vĩnh Nghiêm đến hệ thống các ngôi chùa dọc sườn Tây Yên Tử hình thành nên không gian văn hóa – Phật giáo Trúc Lâm vùng Tây Yên Tử gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

PHẦN 4

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

- Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang và của các huyện có tiềm năng về di sản văn hóa.

- Bảo tồn di sản văn hóa Trúc Lâm Yên Tử, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo tinh thần của Chiến lược văn hóa đến năm 2030; đồng thời, tạo ra sự liên kết, gắn bó giữa hai ngành di sản và du lịch.

- Tôn vinh giá trị di sản Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và di tích, danh thắng Tây Yên Tử, góp phần bảo tồn các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, phát huy hiệu quả đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế về di sản để phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Phục dựng Con đường Hoàng Dương Phật Pháp sẽ giúp kết hợp giữa phát triển vùng động lực với vùng trung du và miền núi, hướng tới mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong tỉnh, tạo động lực để du lịch Bắc Giang phát triển đột phá trong tương lai.

- Nâng cao giá trị hoạt động bảo vệ và phát huy các di tích lịch sử - văn hoá gắn với Phật giáo phía Tây Yên Tử. Di sản văn hoá là tiền đề cho phát triển du lịch và ngược lại phát triển du lịch tạo nguồn lực vật chất dồi dào hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn các di tích lịch sử - văn hoá.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nghiên cứu phát hiện, xác định (định danh, định tính) và nhận diện giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên Con đường Hoàng dương Phật pháp phía Tây núi Yên Tử tạo cơ sở vật chất ban đầu cho việc sáng tạo ra các sản phẩm, tour, tuyến, điểm du lịch mang sắc thái riêng của tỉnh Bắc Giang.

- Xác định tình trạng bảo tồn di tích và thực trạng phát triển du lịch trên tuyến đường hành hương Tây Yên Tử. Từ đó, đưa du lịch tâm linh Tây Yên Tử phát triển cùng với không gian tâm linh Đông Yên Tử (Quảng Ninh) và Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương) để có một hệ thống các sản phẩm du lịch tâm linh mang tính tổng thể.

- Xây dựng mô hình và hệ thống các sản phẩm du lịch đặc thù dựa trên cơ sở di sản văn hóa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Nghiên cứu, phục dựng các lễ hội, các hoạt động liên quan đến thực hành tín ngưỡng Phật giáo, hoạt động tâm linh gắn với Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

- Hình thành một số sản phẩm du lịch, dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh, hạ tầng dịch vụ, du lịch ở trung tâm các huyện, thị xã và thành phố; mở ra cơ hội thu hút đầu tư du lịch, nhất là du lịch tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm mang nét đặc trưng, khác biệt để khẳng định thương hiệu du lịch Tây Yên Tử nhằm tăng

số thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu của mỗi du khách và tăng doanh thu từ du lịch, tạo động lực để du lịch Bắc Giang phát triển đột phá trong tương lai.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực (công - tư) để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng để đầu tư, phát triển du lịch, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho cư dân địa phương, bảo tồn các giá trị văn hóa, bản sắc truyền thống của địa phương, bảo vệ môi trường, rừng, cảnh quan thiên nhiên, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Cơ bản hoàn thành việc phục dựng lại các điểm chùa và các di tích gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

- Cơ bản hoàn thành các hạng mục xây dựng khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử và được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh.

- Công nhận 01 điểm du lịch tâm linh gắn liền sinh thái, cộng đồng, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp và sản phẩm nông nghiệp nông thôn.

- Hoàn thành tuyến đường Chùa Vĩnh Nghiêm - Đền Thần Nông – Chùa Hòn Tháp - Chùa Yên Mã; Chùa Bình Long.

- Thu hút đầu tư ít nhất 01 khách sạn/resort đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên.

- Chỉ tiêu khách du lịch trong và ngoài nước đạt khoảng 3,0 triệu lượt khách. Tổng thu từ du lịch đạt khoảng 3.000 tỷ đồng, tạo việc làm cho 3.000 lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch.

2.2. Đến năm 2030

- Cơ bản hoàn thành các dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất chuyên ngành để phát triển “Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử” mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế.

- Hoàn thành các điều kiện để lập hồ sơ đề nghị công nhận Tây Yên Tử là khu du lịch quốc gia.

- Công nhận 03 điểm du lịch tâm linh gắn liền sinh thái, cộng đồng, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp và sản phẩm nông nghiệp nông thôn.

- Hoàn thiện tuyến Chùa Hồ Bắc - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ; Chùa Đám Trì - Chùa Đồng Vành - Suối Nước Vàng - Thác Giót – Lái Cỏ; Khe Nậm - Đèo Gió - Chùa Thượng Tây Yên Tử.

- Thu hút đầu tư ít nhất 02 khách sạn, resort đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên.

- Chỉ tiêu khách du lịch trong và ngoài nước đạt khoảng 7,0 triệu lượt khách. Tổng thu từ du lịch đạt khoảng 4.000 tỷ đồng, tạo việc làm cho 5.000 lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1. 1. Phục dựng Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

a) Phục dựng các điểm di tích gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử có tổng chiều dài dự tính là 95,5km, đi qua 15 điểm di tích, thắng cảnh (cả bằng tuyến đường bộ hành và tuyến đường sông) bao gồm: Chùa Vĩnh Nghiêm - Chùa Hòn Tháp - Vực Rêu - Chùa Mã Yên - Chùa Bình Long - Chùa Hồ Bắc - Đền Trần - Đền Quan Tuân - Chùa Hóa - Chùa Rào - Đền Bà Chúa - Chùa Đám Trì - Chùa Hồ Lao - Đèo Bụt - Khe Nậm - Khu chùa Khu sinh thái Tâm linh Tây Yên Tử (Chùa Hạ, Thượng) - Chùa Đồng Yên Tử. Trong đó, những di tích cần phục dựng xuyên suốt trên tuyến đường bao gồm: Chùa Hòn Tháp (hiện còn lại các di vật như chân tảng lớn, nhỏ, đá chân tháp, thân tháp, đá chóp tháp gạch ngói, bát men ngọc... có niên đại thời Lý Trần); Chùa Yên Mã (ngôi chùa nằm phía trong chùa Hòn Tháp, qua núi Vua Bà); Chùa Bình Long (hiện nay đang được đầu tư xây dựng); Chùa Hồ Bắc (Chùa bị đổ nát hoàn toàn, hiện nay Nhân dân địa phương dựng tạm dấu tích của công trình cổ như vật liệu xây dựng, gạch, đá, bậc thềm); Chùa Đám Trì (đã được tu bổ, tôn tạo vào thời Lê Trung Hưng, thời Nguyễn, tuy nhiên, hiện nay đã xuống cấp).

Các chùa đều ở trên núi cao, đồi cao hoặc ở gần sông. Quy mô chùa lớn, vật liệu xây dựng có ngói, gạch, đá... đều có kích thước lớn. Trải qua nhiều năm, các ngôi chùa đã trở thành phế tích. Tuy thế, dấu tích của các ngôi chùa cổ đó mang giá trị tôn giáo, văn hóa, lịch sử, đã xác nhận rằng trong quá trình phát triển Phật giáo ở Việt Nam, tới thời Trần, tỉnh Bắc Giang là một địa bàn quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm. Bên cạnh đó, còn một số điểm di tích đền, chùa nằm trên Con đường Hoàng dương Phật pháp cần tiến hành khảo sát, điều tra, khai quật, từ đó lên kế hoạch phục dựng, tu bổ, tôn tạo như: Đền Quan Tuân, Chùa Hóa, Chùa Rào, Đền Bà Chúa; Chùa Hồ Lao, Bãi Đá Mài gươm, Đâu Đông quân.

Nguyên tắc: Khi thi công phục dựng chùa cần xem xét kết cấu cho phù hợp với công trình chùa cổ. Đặc biệt là việc quan tâm tu tạo phần mái và hình thức bên ngoài sao cho đúng không gian kiến trúc ban đầu. Cần có những phương án cụ thể, tối ưu để gìn giữ những cổ vật có giá trị tại di tích. Bảo vệ, giữ gìn tất cả những hiện vật có giá trị trong di tích: hoành phi, câu đối, bia, tượng, chuông, ván in, ... như những bằng chứng của lịch sử. Đối với tượng và đồ thờ có giá trị, tránh sơn thép lòe loẹt những màu sơn công nghiệp. Đối với hệ thống bia đá, minh chuông cần có kế hoạch in dập và biên dịch lại để tiện tra cứu, xem xét; cần làm nhà che bia, đưa vào tập trung để bảo quản được tốt hơn.

b) Bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích

Dấu tích còn lại của một số chùa cổ là di sản quý hiếm phản ánh trình độ văn minh cao của thời kỳ Lý - Trần cũng như người dân Đại Việt thời đó. Cùng với đó là các tư liệu Hán - Nôm liên quan đến Phật giáo và Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử thời Trần do đó rất cần thiết lập đề án quy hoạch khảo cổ học trên địa bàn toàn tỉnh để bảo tồn. Qua đó sẽ bổ sung tư liệu khi xây dựng các công trình mới, nhất là công trình kiến trúc tôn giáo ở từng di tích cụ thể phù hợp Luật Di sản văn hóa và Quy chế khai quật khảo cổ học.

Hệ thống di tích Tây Yên Tử trải rộng trên nhiều huyện, có giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt. Do đó, cần phải sưu tầm, tư liệu hóa (số hóa) và nghiên cứu về hệ thống di tích Tây Yên Tử; xây dựng và thực hiện các phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi, khai thác di sản cho phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương trong bảo vệ di sản, bảo đảm an ninh cho hệ thống di tích Tây Yên Tử.

Xây dựng kế hoạch cụ thể khai thác giá trị của di tích, đồng thời xây dựng thêm biển chỉ dẫn, bảng giới thiệu, gắn với đó là bảo vệ rừng cảnh quan, thu hút khách du lịch, mang lại công việc và thu nhập cho Nhân dân địa phương.

Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng các di tích, lập quy hoạch, khai quật khảo cổ học thu thập cứ liệu phục dựng các di tích, kết nối với danh thắng Yên Tử thành một quần thể thống nhất, hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho phát triển du lịch cũng như phát huy các giá trị di sản văn hóa tâm linh của địa phương

Khôi phục các giá trị di sản văn hoá phi vật thể, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc xung quanh các di tích trên con đường bộ hành của các Phật tử Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử như: lễ hội Lồng Tồng của người Tày, Nùng, văn hoá dân gian của đồng bào các dân tộc... tạo sự đa dạng về văn hóa thu hút khách đến tham quan tìm hiểu.

Nguyên tắc: Các ngôi chùa cổ ở Tây Yên Tử mang đặc trưng văn hóa kiến trúc tôn giáo, gồm: địa điểm xây dựng tương đối gần khu dân cư, tiện cho nhà tu hành; cảnh quan thanh tịnh, thiên nhiên đẹp, có lợi cho tăng ni tĩnh tâm tu hành. Nét độc đáo của kiến trúc cảnh quan là thống nhất giữa cảnh quan tôn giáo trang nghiêm và cảnh quan thiên nhiên. Bên cạnh đó, thực vật tại đây phong phú bởi gắn với cuộc sống của tăng ni, nhờ Phật giáo. Nghệ thuật sắp đặt đá và xử lý nước trong cảnh quan chùa, miếu cũng rất đặc sắc, thường có hồ, ao để tín đồ thực hành phóng sinh. Do đó, cần khai thác các giá trị này để tiếp tục bảo tồn và phát huy hệ thống di tích Tây Yên Tử.

1.2. Phát triển du lịch theo Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử

a) Quy hoạch phát triển du lịch Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử theo 08 Phân khu. Các phân khu đều được phát triển men theo dấu chân Phật Hoàng, cải tạo cảnh quan sinh thái tự nhiên, phổ cập lời Phật dạy, hướng tới nhân văn, hướng thiện. Các dịch vụ cụ thể trên tuyến đường được cụ thể hóa như sau:

Khu 1: Chùa Vĩnh Nghiêm - Bến thuyền

* *Vị trí*: Bến thuyền là điểm đầu thuộc chùa Vĩnh Nghiêm còn được gọi là chùa Đức La, là một ngôi chùa cổ tại làng Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng.

- Lý do chọn là điểm đầu của hành trình: Chùa Vĩnh Nghiêm là trung tâm hoằng pháp, cơ sở đào tạo tăng tài, nơi hội tụ quần chúng tu học giáo lý Phật thuộc hệ thống Phật giáo Trúc Lâm thời Trần, nơi đây được coi là chôn tổ của thiền phái Trúc Lâm, có vị trí đặc biệt trong lịch sử Phật giáo thời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

- Tổng chiều dài tuyến đường:

+ Đi bằng đường thủy: 9 km (tính từ bến thuyền chùa Vĩnh Nghiêm xã Trí Yên, huyện Yên Dũng đến bến thuyền qua cầu Cẩm Lý, thuộc thôn Vũ Trù Đồn, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam.

+ Đi bằng đường bộ ô tô: 12km.

- Hình thức di chuyển: Đi bằng đường thủy và đường bộ.

* *Đề xuất xây dựng*

(1) Xây dựng bến thuyền và các dịch vụ liên quan tại sông Lục Nam, tái hiện hình ảnh Vua Trần Nhân Tông lên thuyền rồng.

(2) Cổng chào điểm đầu của hành trình theo dấu chân Phật Hoàng.

(3) Khu vực đỗ xe, để xe dưới chân chùa Vĩnh Nghiêm.

(4) Khu vực dịch vụ lưu trú và nhà hàng ăn uống tại chùa Vĩnh Nghiêm.

(5) Các quầy hàng lưu niệm, quầy hàng check-in, cung cấp sản phẩm OCOP, các công cụ hỗ trợ trekking (giày, bọc đầu gối, gậy chống, nước tăng lực, thực phẩm bổ trợ,...), điểm dừng chân tại khu vực chùa Vĩnh Nghiêm.

* *Sản phẩm du lịch*

- Chùa Vĩnh Nghiêm có một vị trí quan trọng cần được đầu tư mở rộng. Vĩnh Nghiêm là nơi còn lưu giữ được kho Mộc Bản đã được UNESCO vinh danh là Di sản ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Nơi đây khách có thể tham quan, văn cảnh và tìm hiểu về kiến trúc và kho mộc bản với 3.050 bản ván khắc của Tam thể tổ và một số vị cao tăng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử (thơ, phú, nhật ký,...). Bộ mộc bản được khắc bằng chữ Hán và chữ Nôm không chỉ là tác phẩm thư pháp nghệ thuật mà còn hàm chứa nhiều giá trị tư tưởng, giáo lý sâu sắc của Phật phái Trúc Lâm, đồng thời đánh dấu quá trình phát triển của hệ thống văn tự Nôm qua các thời đại. Do đó, nơi đây cũng là địa điểm để cho khách du lịch trải nghiệm tham quan các giá trị của mộc bản theo 02 mô hình: mô hình căn bản (nguyên gốc) và mô hình phái sinh (biến thể):

+ *Mô hình căn bản*: Mô hình này là giới thiệu cho khách tham quan và tìm hiểu về các tác phẩm thư pháp nghệ thuật của kho mộc bản với 3.050 bản ván khắc của Tam thể tổ và các vị cao tăng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử.

+ *Mô hình phái sinh*: Mô hình này để khách du lịch được trải nghiệm nghiệm in bằng mộc bản, quà lưu niệm là mộc bản được làm bằng các chất liệu mới, bản in một số câu kệ, một số tác phẩm hay, ngắn, lá bùa đề tiêu bản...

- Từ đây có thể kết nối và bổ sung xây dựng các điểm dịch vụ du lịch và du lịch cộng đồng, các làng văn hoá du lịch của người dân địa phương cùng tham gia các hoạt động khai thác dịch vụ du lịch như: kết nối đến địa bàn huyện Lục Ngạn lấy chùa Am Vãi thuộc địa phận xã Nam Dương là trung tâm để mở rộng và khai thác các loại hình du lịch văn hoá, tâm linh, khám phá trải nghiệm các làng nghề truyền thống (sản xuất Mỳ Chũ) trải nghiệm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái vùng cây ăn quả... Tiếp đến địa bàn huyện Sơn Động lấy thị trấn Tây Yên Tử làm trung tâm để mở rộng vùng khai thác các sản phẩm, các điểm du lịch khai thác khu du lịch văn hoá tâm linh Tây Yên Tử, khai thác các khu vực phụ cận như thác Ba Tia, làng văn hoá du lịch cộng đồng của người Dao bản Mạ thuộc thị trấn Tây Yên Tử, mở rộng vùng kết nối các con đường sang phía Đông thuộc tỉnh Quảng Ninh...

Khu 2: Chùa Cao, chùa Minh Đức – Núi Cô Tiên

* Vị trí: Chùa Cao, chùa Minh Đức, ở núi Cô Tiên (*nằm trên địa bàn 03 xã gồm: Xã Trí Yên, xã Quỳnh Sơn huyện Yên Dũng và xã Yên Sơn, huyện Lục Nam*).

- Tổng chiều dài tuyến đường: 1,2 km.

- Hình thức di chuyển: Chùa Vĩnh Nghiêm 1,2km đi đường bộ hành --> từ Chùa Vĩnh Nghiêm.

* Đề xuất xây dựng

(1) Xây dựng Trung tâm Thiền VIPASSANA.

(2) Xây dựng sân khấu và biểu diễn thực cảnh.

(3) Khu vực đỗ xe, để xe ở chân núi Cô Tiên.

(4) Các quầy hàng lưu niệm, quầy hàng check-in, cung cấp sản phẩm OCOP, các công cụ hỗ trợ trekking (giày, bọc đầu gối, gậy chống, nước tăng lực, thực phẩm bổ trợ,...), điểm dừng chân tại khu vực núi Cô Tiên.

* Sản phẩm du lịch:

- Chùa Cao, chùa Minh Đức, ở núi Cô Tiên, nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông đã ghé lại nghỉ chân. Chùa Cao nằm cách chùa Minh Đức chừng 300m đường rừng; hiện nay, chùa Cao đã được người dân địa phương phục dựng và được công nhận là di tích cấp tỉnh với một quần thể nền móng các công trình kiến trúc đồ sộ.

- Phát triển sản phẩm du lịch chủ yếu ở đây là tham quan, nghiên cứu tìm hiểu các dấu tích về khảo cổ học và hệ thống di vật còn sót của Phật hoàng Trần Nhân Tông cùng với các vị Tổ Trúc Lâm Yên Tử trên con đường hành đạo. Đồng thời kết hợp với các dịch vụ, sản phẩm du lịch (1) Trung tâm Thiền VIPASSANA, (2) Biểu diễn thực cảnh với các nội dung liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của Phật hoàng Trần Nhân Tông, Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...

Khu 3: Đền Thần Nông - Chùa Sơn Tháp - Chùa Yên Mã .

* Vị trí: Điểm cuối của bến thuyền thuộc thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam; khu vực Chùa Sơn Tháp thuộc xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam đến chùa Yên Mã thuộc Thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam.

- Tổng chiều dài tuyến đường: 4,9 km.

- Hình thức di chuyển: Đền Thần Nông 4,9km đi đường bộ hành --> Chùa Yên Mã.

** Đề xuất xây dựng*

(1) Xây dựng bến thuyền và các dịch vụ liên quan tại sông Lục Nam, tái hiện hình ảnh Vua Trần Nhân Tông lên thuyền rồng.

(2) Cổng chào điểm thứ 2 của hành trình theo dấu chân Phật Hoàng đi trên đường sông.

(3) Khu vực đỗ xe, để xe cạnh bến thuyền thuộc thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam.

(4) Các quầy hàng lưu niệm, quầy hàng check-in, cung cấp sản phẩm OCOP, các công cụ hỗ trợ trekking (giày, bọc đầu gối, gậy chống, nước tăng lực, thực phẩm bổ trợ,...), điểm dừng chân tại khu vực ngoài Đền Thần Nông.

** Sản phẩm du lịch :*

- Chùa Sơn Tháp nằm ở hạ nguồn Vực Rêu thuộc dãy Huyền Đinh - Yên Tử, người dân nơi đây vẫn thường gọi là Hòn Thập tự. Trên đường đi, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã ghé lại nghỉ chân ở chùa Sơn Tháp (trong tài liệu chép là Hòn Thập Tự). Chùa Sơn Tháp còn giữ được khối đá, thân tháp có ghi bài vị của sư chùa này. Nội dung bài vị như sau: “Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân Hòa Thượng Vị” (nghĩa là: Bài vị vị hòa thượng có hiệu đạo là Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân). Chùa Yên Mã nằm cách chùa Hòn Thập tự chừng 1km đường rừng, thuộc xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam; hiện nay, ngôi chùa chỉ còn lại vết tích của một quần thể nền móng các công trình kiến trúc đồ sộ: Tam bảo, giếng nước cổ, nhà khách, nhà bếp, dấu chân Phật... Cùng với Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, chùa Yên Mã là công trình kiến trúc chùa tháp có quy mô lớn, bề thế do nhà sư Pháp Loa Đồng Kiên Cương, vị Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm xây dựng, trong sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam ghi là chùa An Mã. Đặc biệt, tương truyền, nơi đây còn lưu dấu chân vị Tổ Bồ Đề Đạt Ma trên một tảng đá lớn cạnh chiếc giếng cổ, nhỏ nhưng luôn đầy ắp nước.

- Phát triển sản phẩm du lịch chủ yếu ở đây là tham quan, nghiên cứu tìm hiểu các dấu tích về khảo cổ học và hệ thống di vật còn sót của Phật hoàng Trần Nhân Tông cùng với các vị Tổ Trúc Lâm Yên tử trên con đường hành đạo. Đồng thời kết hợp với các dịch vụ, sản phẩm du lịch của thắng cảnh Vực Rêu – nơi đây chứa đựng những tiềm năng lớn về phát triển du lịch, một địa điểm du lịch có thể tạo dựng được những giá trị và thương hiệu đối với các du khách. Đến với Vực Rêu du khách có dịp khám phá, chinh phục đèo cao, vực thẳm, vượt thác, leo ghềnh, phải lội suối bám cây mà đi, nhưng đổi lại du khách được trải nghiệm những giây phút đắm mình với thiên nhiên hùng vĩ, thả hồn trong tiếng nước suối chảy róc rách, được lắng nghe tiếng gió vi vu hoà lẫn tiếng thông reo, tiếng

trúc kêu xào xạc, tiếng hót gọi bầy của các loài chim như tấu lên một khúc nhạc rừng giữa non thiêng Yên Tử. Nơi đây còn bảo tồn được nhiều loài động vật quý như: Cáo, sóc, cây hương, hoẵng... cùng các loài bò sát và nhiều loài chim lạ và thường thức thưởng thức âm thực của khu vực này như: Món cá suối nướng hay món ốc suối luộc mang nhiều đặc trưng của núi rừng Yên Tử.

Khu 4: Chùa Bình Long (Bát Nhã)

* Vị trí: Chùa Bình Long (Bát Nhã) thuộc xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam.

- Tổng chiều dài tuyến đường: 6,5 km

- Hình thức di chuyển: Từ Chùa Yên Mã đi đường bộ 6,5km ---> Chùa Bình Long (Bát Nhã).

* *Đề xuất xây dựng*

(1) Khu vực đỗ xe dưới chân chùa Bình Long.

(2) Vườn Phật, gồm 1 tượng Phật Hoàng + 2 tháp bảo lưu giữ lời răn dạy của đức Phật, cùng cảnh quan xung quanh: Đài phun nước, vườn cây.

(3) Thư viện lưu trữ tài liệu về Phật Hoàng Trần Nhân Tông

(4) Khu vực dịch vụ lưu trú, nhà hàng, điểm dừng chân tại chùa Bình Long.

(5) Xây dựng khu nội tự, sinh hoạt tăng ni, hệ thống giao thông, hệ thống kỹ thuật liên quan.

(6) Xây dựng khu nhà ở Phật tử, nhà đón tiếp khách, các hạng mục phụ trợ.

* *Sản phẩm du lịch :*

- Di tích chùa Bình Long (Bát Nhã) được dân gian truyền tụng là một trung tâm Phật giáo, là danh lam cổ tự lớn dưới thời Lý - Trần, có quan hệ mật thiết với chùa Vĩnh Nghiêm và thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Chùa Bình Long được phát triển mạnh vào thời Trần với quy mô to lớn, rộng khắp cả sườn núi Bát Nhã. Đầu thế kỷ XX, chùa Bình Long đã được Nhân dân địa phương trùng tu, tôn tạo lại ở vị trí trung tâm làng Chùa (xã Huyền Sơn).

- Sản phẩm du lịch của nơi này chủ yếu là tham quan, tìm hiểu về kiến trúc, di vật có giá trị của chùa Bình Long qua các thời kỳ, đặc biệt là dấu tích thời Trần. Khai thác tuyến du lịch từ trung tâm chùa Vĩnh Nghiêm đi chùa Bình Long, Yên Mã, Hòn Tháp. Sau đó đi tiếp chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc, chùa Thanh Mai, Ngũ Đài Sơn; sau đó đi tiếp đến trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm, đền An Sinh, chùa/Am Ngọa Vân, Hồ Thiên, đi tiếp xuống cụm di tích chùa Am Vãi - Khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử sau đó đi tiếp lên chùa Đồng, xuống Bảo Sứ, Một Mái, Chùa Tiên, Hoa Yên, Giải Oan (Quảng Ninh) và kết thúc.

- Bên cạnh đó, phát triển một số sản phẩm du lịch bổ sung như: Du lịch nông nghiệp (tham quan, trải nghiệm các vườn vải thiều, cam đường canh, na dai, hạt dẻ, dứa...) để phát huy thế mạnh của địa phương về nông nghiệp; đồng thời khai thác vốn văn hoá truyền thống Hoa, Tày, Nùng, Thái... nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính dân tộc; khôi phục các lễ hội của đồng bào dân

tộc và làng nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, làm giấy dó..., tạo ra các sản phẩm phục vụ đặc trưng thu hút khách du lịch.

Khu 5: Chùa Hồ Bắc - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (Đền Quan Tuần, Chùa Hóa, Chùa Rào, Đền Trần, Bãi Đá mài gươm, Đấu Đông Quân)

* *Vị trí:* Chùa Hồ Bắc thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam; Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam trên đường 173 từ Lục Nam đi Mai Sơn, cách thành phố Bắc Giang gần 30km về phía Đông; Đền Quan Tuần thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam; Chùa Hóa thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam; Chùa Rào thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam.

- Tổng chiều dài tuyến đường: chiều dài 28,3 km

- Hình thức di chuyển: Từ Chùa Bình Long (Bát Nhã) 2,1 km đi đường bộ --> Chùa Hồ Bắc 2,7 km đi đường bộ --> Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ 3 km đi đường bộ --> Đền Quan Tuần 2,4 km đi đường bộ --> Chùa Hóa 3,4 km đi đường bộ --> Chùa Rào 5,4 km đi đường bộ hoặc ô tô --> Đền Bà Chúa 9,3 km đi đường bộ --> Chùa Đám Trì.

* *Đề xuất xây dựng:*

(1) Khu vực đỗ xe Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ.

(2) Khu vực dịch vụ lưu trú và nhà hàng, điểm dừng chân tại Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ.

(3) Các cửa hàng lưu niệm, bán đồ trekking tại khu vực đền Quan Tuần, chùa Hóa.

* *Sản phẩm du lịch :*

- Trong quần thể khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, giữa núi rừng bạt ngàn, cảnh quan chốn thiên đẹp như một bức tranh còn có những di tích mang đậm dấu ấn Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử như: chùa Hồ Bắc, đền Quan Tuần, chùa Hóa, chùa Rào và những di tích lịch sử về một thời hào hùng của dân tộc như: Bãi Quân Ngựa, khu Ba Dinh Bảy Nền thời nhà Trần... tạo ra quần thể du lịch văn hóa tâm linh Suối Mỡ. Bên cạnh đó, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ còn nằm trên tuyến đường tâm linh từ thành phố Bắc Giang đến thị trấn Thanh Sơn (Sơn Động); có thể kết nối với nhiều khu, điểm du lịch hấp dẫn như: chùa Vĩnh Nghiêm (Yên Dũng); khu du lịch tâm linh – sinh thái Tây Yên Tử, Khe Rỗ (Sơn Động); đồng thời, tiếp giáp với hai tỉnh Quảng Ninh và Hải Dương trở thành điểm du lịch cầu nối, trung chuyển với các điểm du lịch trong quần thể di tích, danh thắng phía Đông và Tây Yên Tử. cùng di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc và các điểm du lịch khác của 3 tỉnh.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ở Suối Mỡ trên cơ sở khai thác hệ thống rừng nguyên sinh cùng với hệ thống thác Suối Mỡ và thác Thùm Thùm như: tắm onsen, vật lý trị liệu, chữa bệnh... Cùng với đó là phát triển các loại hình du lịch như: Dã ngoại cắm trại, câu cá, boi thuyền trên cơ sở khai thác hồ chứa nước Suối Mỡ với tổng diện tích mặt nước hơn 30ha, quanh hồ là những bãi cỏ xanh bằng phẳng...

Khu 6: Chùa Đám Trì - Chùa Đồng Vành - Suối Nước Vàng - Thác Giót - Lái Cỏ

* *Vị trí:* Chùa Đám Trì thuộc Thôn Đám Trì, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam; chùa Đồng Vành: Thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam; suối Nước Vàng thuộc thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam; thác Giót thuộc thôn Đồng Vành, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam; Lái Cỏ (Dấu chân Phật) thuộc thôn Đồng Vành, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam.

- Tổng chiều dài tuyến đường: chiều dài 16,8 km

- Hình thức di chuyển: Từ chùa Đám Trì 1,8 km đi đường bộ --> Chùa Đồng Vành 1,5 km đi đường bộ hoặc ô tô --> Suối Nước Vàng 6 km đi đường bộ hoặc ô tô ---> Thác Giót 1km đi đường bộ --> Lái Cỏ 5,5km đi đường bộ --> Khe Nậm.

* *Đề xuất xây dựng:*

(1) Tuyến đường bộ hành nối các điểm Thác 1 - Thác 2 - Dấu chân Phật - Lái Cỏ, Đá Rạn - Cột Mốc.

(2) Quy hoạch, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư phát triển homestay, villa nghỉ dưỡng tại Lái Cỏ.

(3) Phục dựng, khảo cổ để tìm lại các vết tích của chùa Đám Trì, chùa Đồng Vành.

(4) Xây dựng điểm dừng chân và bán đồ lưu niệm.

* *Sản phẩm du lịch:*

- Sản phẩm chủ yếu của khu vực này là tham quan, tìm hiểu các giá trị văn hóa, lịch sử với nhiều loại hình hiện vật minh chứng của các di tích có niên đại từ thời Trần và được tu bổ, tôn tạo vào thời Lê Trung Hưng, thời Nguyễn.

- Xây dựng tour du lịch đi bộ từ chùa Đám Trì đến suối Nước Vàng – thác Giót – leo ngược lên núi Phật Sơn, đi qua “Dấu chân Phật” rồi tới Lái Cỏ. Lái Cỏ có độ cao 680m so với mặt nước biển, là một khu vực khá rộng, có phong cảnh giống như cao nguyên Đồng Cao thuộc xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động. Lái Cỏ nằm gần cạnh đỉnh núi Phật Sơn, gồm nhiều tảng đá to có hình thù kỳ quái, xếp chồng lên nhau, có tảng đá rất to hình con Quy. Phong cảnh nơi đây thoáng mát, nhiều mây mù. Tại đây du khách được chiêm bái chùa Đám Trì, thăm quan, văn cảnh thiên nhiên hùng vĩ với thác nước cao và xem bàn chân Phật... sau đó di chuyển đến khu du lịch sinh thái Tây Yên Tử.

- Khu vực này có nhiều cây thuốc quý, cây làm dược liệu như: Tràu tiên, lạc tiên, sim... cho nên có thể phát triển thêm các sản phẩm du lịch chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, tắm lá thuốc...

Khu 7: Khe Nậm - Đèo Gió - Chùa Thượng Tây Yên Tử

* *Vị trí:* Thuộc thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động

- Tổng chiều dài tuyến đường: 6,8 km

- Hình thức di chuyển: Từ Khe Nậm 3,2 km đi đường bộ --> Đèo Gió 3,6 km đi đường bộ hành ---> Chùa Thượng Tây Yên Tử.

** Đề xuất xây dựng:*

(1) Tuyến đường bộ hành từ Khe Nậm đi chùa Thượng Tây Yên Tử, chùa Đồng - Yên Tử.

(2) Xây dựng điểm du lịch với diện tích khoảng 10ha với các hạng mục đầu tư cơ bản như: Xây dựng khách sạn, khu vui chơi giải trí, công viên... tại Khe Nậm thuộc thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động là điểm kết nối, trung gian đi đường bộ lên chùa Đồng.

(2) Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch cao cấp, du lịch nghỉ dưỡng (retreat) kết hợp du lịch tâm linh.

** Sản phẩm du lịch :*

- Từ Đèo Bụt đi (Khe Sanh, Khe Nậm, Đèo Gió), 3 điểm này là một quần thể gần nhau có độ cao so với mặt nước biển là 600m. Khe Nậm có không gian mặt bằng rộng, đẹp. Khe Nậm có thể quy hoạch xây dựng thành điểm du lịch trung gian của thôn Mậu đi chùa Thượng khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử.

- Khu vực này có thể phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng của người Tày, người Dao, cùng với các hoạt động tham quan, trải nghiệm các Lễ hội Lồng Tồng của người Tày, Lễ hội Bơi Chải An Châu (Sơn Động)... và phát triển các sản phẩm tắm lá thuốc của người Dao... cùng các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp khác.

Khu 8: Khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử - Chùa Đồng

** Vị trí:* Chùa Thượng Tây Yên Tử thuộc huyện Sơn Động; chùa Đồng Yên Tử: Ưông Bí - Quảng Ninh ngôi chùa tọa lạc ở đỉnh cao nhất dãy Yên Tử (1.068m).

- Tổng chiều dài tuyến đường: 1,2 km

- Hình thức di chuyển: đi bằng đường bộ và đường cáp treo.

** Đề xuất xây dựng:*

Cơ sở vật chất phục vụ du khách tham quan, check-in: Thực cảnh, cổng chào điểm cuối, vườn Phật, ngai vàng và tượng Phật Hoàng để du khách chiêm bái, “con đường Phật pháp”, điểm làm lễ công nhận và cấp giấy hoàn thành chương trình trải nghiệm tại tuyến đường Hoàng dương Phật pháp theo dấu chân Phật Hoàng. Tổng kết lại 108 lời răn dạy của Phật Hoàng,...

** Sản phẩm du lịch :*

- Tham quan và tìm hiểu về 10 tượng đá kể về 10 giai đoạn cuộc đời của Phật hoàng Trần Nhân Tông

- Tham quan chùa Đồng (Quảng Ninh) bằng tuyến cáp treo với chiều dài hơn 2km nối từ Tây Yên Tử sang chùa Đồng.

- Tham quan chùa Thượng (là điểm đến cuối cùng của núi Yên Tử) bằng đường cáp treo. Đây là nơi thiền lý tưởng nhất của các phật tử. Trải nghiệm,

thực hành pháp Phật là sản phẩm để du khách được thực hành pháp Phật, trải nghiệm cuộc sống của người tu hành (Tu sĩ) theo nghi lễ tu hành của tu sĩ, chương trình du lịch “Một ngày làm tu sĩ”.

- Tham dự Lễ khai hội Xuân Yên Tử và các hoạt động văn hóa đặc sắc được tổ chức trong dịp khai xuân đầu năm.

b) Xây dựng hệ thống bản đồ du lịch trên tuyến đường Hoằng dương Phật pháp, bản vẽ kiến trúc và hình ảnh 3D Con đường Hoằng dương Phật pháp giai đoạn 2023- 2030

(Có bản đồ/bản vẽ chi tiết kèm theo)

c) Phát triển không gian du lịch con đường Hoằng dương Phật pháp

Định hướng các không gian khu vực, gồm:

- Từ chùa Hòn Tháp - Yên Mã: Khai thác, phát triển du lịch kết hợp với khai thác cảnh quan thắng cảnh Vực Rêu.

- Từ chùa Bát Nhã (Bình Long) - Yên Mã: Khai thác, phát triển du lịch kết hợp với hệ sinh thái rừng đặc dụng, các suối nước đẹp, có thể liên kết với chùa Thanh Mai (Chí Linh, Hải Dương).

- Khu vực chùa Hồ Bắc - Đền Trần - Đền Quan Tuàn: Khai thác, phát triển du lịch kết hợp với cảnh quan giếng cổ, đấu đông quân, khu du lịch sinh thái Suối Mỡ - Chùa Hóa - Chùa Rào

- Khu vực chùa Đám Trì - Chùa Đồng Vành - Thác Giót - Suối Nước Vàng-Lái Cỏ: Khai thác, phát triển du lịch kết hợp với cảnh quan Suối Nước Vàng.

- Khu vực Đèo Bụt - Khe Xanh - Đèo Gió - Chùa Hạ Tây Yên Tử - Chùa Thượng Tây Yên Tử: Khai thác, phát triển du lịch kết hợp với cảnh quan, khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử.

Ngoài việc du lịch văn hóa - tâm linh hiện có đang là thế mạnh, nổi bật nhất của huyện Yên Dũng, Lục Nam và Sơn Động, Lục Ngạn hiện nay, được nhiều du khách biết đến, thu hút đông du khách vào dịp đầu năm, ngày lễ hội gắn với các điểm du lịch: chùa Vĩnh Nghiêm, Hòn Tháp, Bình Long, Am Vãi, hệ thống chùa Khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử, còn nhiều sản phẩm phụ trợ như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, dã ngoại, vùng cây ăn quả; Du lịch sinh thái gắn với núi rừng, sông, hồ, thác nước, cây ăn quả... tại một số điểm như Suối Mỡ, Khe Xanh, Khe Nậm, suối Nước Vàng, Đồng Cao...; du lịch cộng đồng được quan tâm định hướng phát triển với các hoạt động chính như: Ăn, ở tại nhà dân, tham quan bản làng, trải nghiệm các hoạt động như làm đồng, nấu ăn, tắm lá thuốc, xem nuôi ong, thưởng thức văn nghệ...

d) Phát triển các tuyến du lịch

- Tuyến bộ hành (dùng đá tại địa phương để tạo bậc, chiều rộng khoảng 1,5-2m, tận dụng tối đa vật liệu và cảnh quan tự nhiên): Tuyến này có độ cao từ 270m-680m so với mặt nước biển, có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hoang sơ. Khoảng cách giữa các điểm tương đối phù hợp. Sản phẩm du lịch chính là du

lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái; kết nối với Chí Linh, tỉnh Hải Dương và Đông Yên Tử, Hạ Long tỉnh Quảng Ninh. Khai thác các điểm chùa tại 03 khu vực như sau:

+ Từ Chùa Yên Mã - Chùa Bình Long - Chùa Hồ Bắc - Đền Trần - Đền Quan Tuần - Chùa Hóa - Chùa Rào.

+ Từ Chùa Đám Trì - Chùa Đồng Vành - Suối Nước Vàng - Thác Giót, Lái Cỏ (dấu chân Phật).

+ Từ Khe Xanh - Khe Nậm - Đèo Gió - Chùa Hạ - Chùa Thượng - Chùa Đồng Yên Tử.

- Tuyến thủy hành: Khai thác điểm đầu bến thuyền sát chùa Vĩnh Nghiêm, thôn Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng kết nối dọc sông Lục Nam đến điểm qua cầu Cẩm Lý, bến thuyền tại thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam.

- Tuyến du lịch liên tỉnh:

+ Tuyến du lịch tâm linh kết nối với Yên Tử, Quảng Ninh. Theo tuyến Quốc lộ 1A, đường tỉnh 293. Điểm tham quan chính: Khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử - Yên Tử, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sản phẩm du lịch chính là du lịch tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng. Điểm dừng chân và lưu trú tại khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử.

+ Tuyến du lịch kết nối các di tích gắn với thời nhà Trần: Côn Sơn - Kiếp Bạc, chùa Vĩnh Nghiêm, khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử - Yên Tử, Quảng Ninh. Sản phẩm du lịch chính là du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng và mua sắm.

+ Tuyến du lịch kết nối các di tích Chùa Phật Tích (Bắc Ninh) - Tây Yên Tử (Bắc Giang). Sản phẩm du lịch chính là du lịch tâm linh và nghỉ dưỡng.

+ Tuyến du lịch kết nối các điểm du lịch theo tuyến Quốc lộ 37, QL 18, các điểm du lịch chính: Chùa Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Hạ Long. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, mua sắm, du lịch biển.

e) Hình thành các chương trình (tour) du lịch trải nghiệm

** Các tour nội tỉnh:*

Tour 1: Chùa Vĩnh Nghiêm – Chùa Cao, Chùa Minh Đức (Núi Cô Tiên) - Đền Thần Nông - Chùa Hòn Tháp - Chùa Yên Mã.

Tour 2: Chùa Bình Long.

Tour 3: Chùa Hồ Bắc - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ.

Tour 4: Chùa Hồ Lao - Đám Trì - Đồng Vành - Suối Nước Vàng - Thác Giót - Dấu chân Phật.

Tour 5: Tây Yên Tử - Chùa Đồng - Đèo Gió.

** Các tour liên tỉnh:*

Tour 6: Hà Nội - Khu danh thắng Tây Yên Tử (Bắc Giang) - Chùa Đồng - Đông Yên Tử (Quảng Ninh) - Chùa Hoa Yên, Chùa Suối Tắm, Chùa Giải Oan... - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử;

Tour 7: Hà Nội - Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương)- Chùa Vĩnh Nghiêm - Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng - Khu danh thắng Tây Yên Tử;

Tour 8: Hoàng Thành Thăng Long (Hà Nội) - Khu danh thắng Tây Yên Tử - Chùa Vĩnh Nghiêm - Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng - Am Ngọa Vân.

(Các tour du lịch chi tiết tại Phụ lục 2)

1.3. Nghiên cứu, phát triển, định hướng thị trường

a) Thị trường khách nội địa

Thị trường khách du lịch nội địa vẫn là thị trường chính và có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây, đặc biệt dịp cuối tuần, các dịp nghỉ lễ. Tập trung vào phân khúc thị trường khách du lịch cuối tuần, du lịch tìm hiểu văn hóa, du lịch tâm linh, tham quan nghỉ dưỡng, kết hợp với chăm sóc sức khỏe. Thị trường khách nội địa được phân theo các nhóm chính như sau:

- Khách du lịch cuối tuần, nghỉ dưỡng: Hiện nay nhu cầu loại hình du lịch này đang phát triển rất nhanh, nhất là ở các thành phố lớn. Phân khúc thị trường này có đặc điểm là những đoàn khách nhỏ, đi theo gia đình và tự tổ chức chuyến đi. Đối tượng khách du lịch thuộc nhiều lứa tuổi, đặc biệt thu hút đối với giới trẻ.

- Nhóm học sinh sinh viên trong chương trình trải nghiệm, du lịch với các chủ đề nghiên cứu và tìm hiểu các kiến thức chuyên môn sâu về du lịch văn hóa thời gian gần đây cũng đang có nhu cầu cao.

b) Thị trường Khách du lịch quốc tế

- *Thị trường Đông Bắc Á:* Thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan: Là một trong những thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam. Sản phẩm du lịch ưa thích của thị trường này là du lịch ẩm thực, văn hóa, tâm linh. Để khai thác thị trường này, cần xây dựng các sản phẩm du lịch mới phù hợp với thị trường này như: sản phẩm và dịch vụ hướng tới đối tượng khách nữ, trung tuổi.

- *Thị trường Đông Nam Á:* Thị trường Thái Lan, Singapore...: Những năm gần đây, du lịch các nước Đông Nam Á luôn giữ vai trò quan trọng trong khu vực Đông Á- Thái Bình Dương. Sản phẩm du lịch ưa thích của thị trường này là tham quan các di sản văn hóa, du lịch tâm linh, sinh thái, mạo hiểm... Để thu hút thị trường khách du lịch này và kích thích sức mua của du khách, đồng thời kéo dài thời gian lưu trú của khách cần tạo ra những sản phẩm du lịch liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, truyền thống; di sản và văn hóa lịch sử, đền chùa và bảo tàng...

- *Thị trường Nam Á (Ấn Độ):* Ấn Độ được coi là một trong những thị trường trao đổi khách tiềm năng của Việt Nam và là một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Lượng khách Ấn Độ tới Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2019, tăng từ 85 nghìn lượt khách đến 169 nghìn lượt khách.

Thị trường khách Ấn Độ vươn lên top 16 thị trường có khách quốc tế đến Việt Nam cao nhất năm 2019. Với dân số 1,4 tỷ người, Ấn Độ là thị trường rất lớn với lượng du khách có khả năng chi tiêu cao khi đi du lịch nước ngoài ngày càng gia tăng. Sau khi phục hồi ngành du lịch Việt Nam sau đại dịch COVID-19, thị trường Ấn Độ vẫn nằm trong top những thị trường khách quốc tế lớn nhất đến Việt Nam (năm 2022: đạt trên 137 nghìn lượt; 9 tháng đầu năm 2023 đạt trên 340 nghìn lượt). Phần lớn người dân Ấn Độ ăn chay nên để thu hút lượng khách này cần tập trung vào các sản phẩm ẩm thực chay, thiền, trải nghiệm văn hóa tâm linh, sinh thái nghỉ dưỡng...

1.4. Nghiên cứu xây dựng sổ tay hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm tại Con đường Hoàng dương Phật pháp

a) Xây dựng các câu chuyện ý nghĩa về Phật Hoàng Trần Nhân Tông

- Câu chuyện về cuộc đời làm Vua của Trần Nhân Tông.
- Câu chuyện Vua Trần Nhân Tông trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.
- Câu chuyện về hành trình từ bỏ ngôi Vua về với Phật.
- Các câu chuyện về quá trình tu luyện để trở thành Phật Hoàng và sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam.

(câu chuyện chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Xây dựng sổ tay hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm tại con đường

- Giới thiệu về các địa điểm, di tích trên con đường Hoàng dương Phật pháp.
- 100 lời dạy của Phật để răn dạy, giáo dục con người.
- Một số chương trình cho khách trải nghiệm du lịch con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Cách thức trải nghiệm: (1) Phật tử/khách du lịch muốn theo dấu chân Phật Hoàng sẽ thành chính quả theo đợt (chương trình du lịch đề xuất phía dưới) hoặc theo một đợt dài ngày; (2) Mỗi đợt, Phật tử/ khách du lịch sẽ trải nghiệm cảnh quan, các dịch vụ tại điểm và thu thập lời Phật dạy trên tuyến đường để tự tu và tự điền vào giấy chứng nhận. Cho đến Tây Yên Tử, Phật tử/ khách du lịch thu thập đủ 100 lời Phật dạy trong giấy chứng nhận theo dấu chân Phật Hoàng sẽ được nhà sư tại Tây Yên Tử làm lễ công nhận và cấp giấy hoàn thành chính quả tại tuyến đường Hoàng dương Phật pháp theo dấu chân Phật Hoàng.

1.5. Tập trung xây dựng và áp dụng nền tảng du lịch thông minh và số hóa sổ tay hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm con đường Hoàng dương Phật pháp

Xây dựng APP SMART TRAVEL (ứng dụng du lịch thông minh) cho khách du lịch trải nghiệm Con đường Hoàng dương Phật pháp trên cơ sở các nội dung sổ tay hướng dẫn khách du lịch và các dịch vụ khác, nội dung triển khai cụ thể như sau:

a) Mục đích

- Số hóa sổ tay hướng dẫn khách du lịch để xây dựng 1 nền tảng ứng dụng hỗ trợ khách du lịch trải nghiệm Con đường Hoàng dương Phật pháp với quy mô tổng thể phục vụ du lịch (trước, trong và sau chuyến đi).

- Tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch Bắc Giang nói chung và Con đường Hoàng dương Phật pháp nói riêng. Góp phần tiết kiệm thời gian và tăng chất lượng trải nghiệm các dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Sử dụng QR code để tạo đường chỉ dẫn/bản đồ/dịch vụ cho khách khi trải nghiệm tại tuyến đường bộ hành, cộng điểm chân tu cho khách qua các đợt tham quan/trải nghiệm tại tuyến đường.

b) Yêu cầu

- Có nội dung chuyên môn chuyên nghiệp, hiệu quả, cập nhật, hữu dụng với đối tượng khách hàng truy cập (Tìm địa điểm du lịch, chỉ dẫn thông tin điểm du lịch, hỗ trợ tham quan điểm đến du lịch, Hỗ trợ điểm cung cấp dịch vụ...)

- Tiết kiệm thời gian.

- Hạ tầng, kỹ thuật đạt chất lượng về thẩm mỹ, công nghệ, tiện dụng, tốc độ.

c) Nội dung của App (ứng dụng du lịch thông minh)

- Giới thiệu, quảng bá và bán các sản phẩm dịch vụ du lịch: Quảng bá, giới thiệu và xây dựng các sản phẩm trải nghiệm cụ thể như: bản đồ, văn hoá, điểm đến, lưu trú, ẩm thực, vận chuyển, vui chơi giải trí, sản phẩm lưu niệm, làng nghề (nghề thêu, nghề làm thuốc), dịch vụ chăm sóc sức khỏe (tắm thuốc người Dao..., điểm chân tu. Tất cả các sản phẩm dịch vụ được triển khai thông qua các câu chuyện, các bài giới thiệu gắn với văn hóa, các địa chỉ uy tín giúp cho khách du lịch trải nghiệm các giá trị thật của sản phẩm...

- Xây dựng các nội dung thông qua công nghệ thực tế ảo: Về điểm đến, sản phẩm du lịch (ăn, ngủ, nghỉ, giải trí, chăm sóc sức khỏe...), chương trình du lịch thông qua công nghệ thực tế ảo, 360⁰ để cho khách du lịch trên nền tảng APP SMART TRAVEL phục vụ việc tham khảo trước chuyến đi.

- Khai thác về các giá trị nhân văn: Chế biến các món ăn chay (các món ăn thể hiện đặc trưng nhất của vùng đất Phật). Hình thành các chương trình du lịch (food tour) để khách trải nghiệm và sử dụng các sản phẩm ẩm thực chay của Trúc Lâm Thiền Viện và dùng công nghệ AI để hướng dẫn khách từ lúc tham gia trải nghiệm làm các món chay đến lúc Thọ trai (thưởng thức các món ăn chay).

- Khai thác các giá trị văn hóa (trang phục dân tộc, hát dân ca, các trò chơi dân gian, nghi lễ tín ngưỡng...) của các Lễ hội Lồng Tồng của người Tày - Nùng, Lễ hội Bơi Chải An Châu (Sơn Đông); Lễ hội đền Suối Mỡ (Lục Nam)... phục vụ cho khách lựa chọn điểm đến và tham gia vào các hoạt động trải nghiệm.

d) Tổ chức thực hiện

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang phối hợp với 01 đơn vị truyền thông và 01 đơn vị công nghệ theo cơ chế hợp tác Công - Tư để hợp tác xây dựng, vận hành và triển khai APP SMART TRAVEL.

đ) Tiến độ triển khai: Có thể phân chia theo 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Toàn bộ các điểm du lịch, tuyến du lịch và một số các giá trị văn hóa nhân văn gắn với đồng bào dân tộc thiểu số trên con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Giai đoạn 2: Lựa chọn 1 số sản phẩm du lịch tâm linh của các địa phương lân cận để kết nối như (Quảng Ninh, Hải Dương) đang thu hút đông đảo khách du lịch để triển khai thực hiện.

2. Giải pháp

2.1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Cơ chế chính sách chung

- Rà soát, điều chỉnh và ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi và tạo thuận lợi nhất về giải phóng mặt bằng, tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi dài hạn,... để thu hút đầu tư phát triển du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch đặc thù về du lịch tâm linh.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên và hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương tự đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch ở quy mô nhỏ và trung bình theo quy hoạch và định hướng chung của tỉnh để phát triển khu vực Tây Yên Tử nói chung và Con đường Hoàng dương Phật pháp nói riêng.

- Thực hiện các chính sách du lịch có trách nhiệm hướng tới hỗ trợ cộng đồng dân cư tăng cường năng lực tham gia phục vụ du lịch tại khu, điểm du lịch tâm linh; có cơ chế điều tiết, tái đầu tư vào quản lý điểm đến du lịch tâm linh bằng nguồn tài trợ, công đức, đóng góp tự nguyện của du khách.

b) Cơ chế chính sách đặc thù

- Chính sách thu hút đầu tư: Xây dựng chính sách cụ thể ưu tiên đầu tư cho phát triển du lịch. Quan tâm, chú trọng việc lồng ghép các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn các di tích, di sản văn hóa để phát triển du lịch. Có những quy định rõ ràng để đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp triển khai các dự án nhằm thu hút đầu tư phục dựng các di tích dọc tuyến đường Hoàng dương Phật pháp.

- Chính sách ưu đãi: Xây dựng nhà vệ sinh công cộng, trạm dừng nghỉ, trạm thông tin tại các tuyến, điểm du lịch dọc tuyến đường; tiếp tục giải quyết linh hoạt và kịp thời chính sách ưu đãi đầu tư và nâng cao vai trò của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch.

- Tạo điều kiện cho các chủ đầu tư khu du lịch trong việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng, cấp phép xây dựng các công trình phục vụ phát triển du lịch theo đúng quy định của pháp luật: Diêm dừng chân, khu dịch vụ...

2.2. Nhóm giải pháp về phục hồi, bảo tồn Con đường Hoàng dương Phật pháp và phát huy giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể

- Tiếp tục điều tra khai thác hệ thống di tích gắn với con đường bộ hành của các Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử bên sườn Tây Yên Tử để tìm ra dấu tích con đường gạch hoa 84 viên biểu trưng 84.000 con đường đến đất Phật.

- Tiếp tục tổ chức các đợt khai quật khảo cổ học tại các phế tích chùa, tháp bên sườn Tây Yên Tử để làm sáng tỏ giá trị lịch sử văn hoá, giá trị Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Trên cơ sở kết quả khai quật khảo cổ, quan tâm phục dựng các di tích trọng điểm trên Con đường Hoàng dương Phật pháp của các Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

- Chú trọng nghiên cứu, xây dựng các con đường bộ hành trên núi để kết nối các điểm di tích thuộc Phật giáo Trúc Lâm theo con đường bộ hành của các Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử như: chùa Hòn Tháp tới chùa Yên Mã, chùa Bình Long tới chùa Hồ Bắc, chùa Yên Mã tới chùa Bình Long...

- Khoanh vùng, bảo vệ các di tích, địa điểm khảo cổ học, dấu tích vật chất, hiện vật gốc còn sót lại tại các điểm di tích và dọc tuyến đường liên quan đến di sản đặc biệt là con đường bộ hành của các Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử bên sườn Tây Yên Tử.

- Khôi phục các giá trị di sản văn hoá phi vật thể, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc xung quanh các di tích trên con đường bộ hành của các Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử như: Lễ hội Lồng Tồng của người Tày, Nùng, văn hoá dân gian của đồng bào các dân tộc... tạo sự đa dạng về văn hóa thu hút khách đến tham quan tìm hiểu.

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di tích này cần đề ra phương án tốt nhất trong biện pháp bảo vệ, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị, quan tâm việc tổng kiểm tra, đánh giá thực trạng của từng di tích. Đối với các phế tích, trước mắt khi chưa thể khôi phục được chùa phải khoanh vùng, cắm mốc giới bảo vệ, có phương án bảo vệ. Giá trị của các ngôi chùa cổ thời Trần... giữ nguyên hiện trạng, tránh để phế tích tiếp tục bị xâm hại. Đồng thời, làm đường giao thông tới các phế tích để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phục dựng, phát huy giá trị di tích phát triển du lịch.

2.3. Nhóm giải pháp về môi trường, cảnh quan, an toàn du lịch, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa truyền thống.

- Nâng cao vai trò của quản lý nhà nước, giám sát việc tổ chức, khai thác các công trình xây dựng tại các khu, điểm có tiềm năng du lịch, đặc biệt khu vực có các di tích, di sản văn hóa.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch và môi trường; đặc biệt trong vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm, an ninh trật tự.

- Xây dựng phương án bảo vệ cảnh quan sinh thái môi trường tự nhiên tại các điểm di tích trên con đường bộ hành của các vị Phật Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

- Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tại các làng bản du lịch cộng đồng. Đảm bảo các tiêu chuẩn về mật độ xây dựng, chiều cao công trình, kiểu dáng kiến trúc, vật liệu xây dựng, quy mô công trình và số phòng...

- Khuyến khích ưu tiên các công trình sử dụng các công nghệ năng lượng, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường và đảm bảo có hệ thống xử lý chất thải nội bộ theo đúng tiêu chuẩn. Kiên quyết xử lý các công trình vi phạm các quy định về quản lý xây dựng, trái với quy hoạch phát triển du lịch và đô thị của địa phương.

- Quy hoạch rừng tạo cảnh quan, môi trường phục vụ cho phát triển du lịch ở các điểm triển khai đề án.

- Mở các chuyên đề tìm hiểu, giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường; mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về tài nguyên, môi trường du lịch cho các thành viên tham gia hoạt động tại các khu, điểm du lịch; tổ chức cho các em học sinh, các đoàn viên thanh niên tham gia các chiến dịch làm xanh - sạch môi trường tại các khu, điểm du lịch...

- Tổ chức các đợt tuyên truyền về du lịch cộng đồng cho đối tượng là: những người quản lý và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ; chính quyền và bà con các dân tộc nơi diễn ra các hoạt động du lịch; du khách trong và ngoài nước... nhằm nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng.

- Xây dựng các diễn đàn du lịch trên các website nổi tiếng về du lịch để trao đổi kinh nghiệm làm du lịch cộng đồng, học tập nâng cao nhận thức và kỹ năng trong lĩnh vực du lịch cộng đồng.

- Tăng cường quản lý công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng mua bán hàng rong, chèo kéo du khách tại các điểm tham quan du lịch cộng đồng đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và hiệu quả quản lý phục dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, phát triển kinh tế trong không gian Con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về việc gắn kết di sản văn hóa với phát triển du lịch ở các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân, nhất là cộng đồng cư dân sườn Tây Yên Tử.

- Rà soát, củng cố bộ máy và hoạt động của các Ban Quản lý di tích theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả nhằm đảm bảo là cầu nối giữa doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế về quản lý hoạt động du lịch tại các khu du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh; tăng cường hoạt động thanh

tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong kinh doanh du lịch, đặc biệt là du lịch tâm linh; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về quản lý chất lượng sản phẩm du lịch, dịch vụ, thành lập bộ phận chuyên trách quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch của tỉnh nói chung và các sản phẩm dịch vụ theo Con đường Hoàng dương Phật pháp nói riêng.

- Thiết lập, công khai các kênh thông tin để du khách có thể phản ánh về chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm du lịch khi đến tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh. Thông qua đó kịp thời giải quyết, xử lý đảm bảo quyền lợi cho du khách và chấn chỉnh chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch liên quan trên địa bàn tỉnh.

2.5. Nhóm giải pháp về phát triển du lịch trong không gian Con đường Hoàng dương Phật pháp

a) Giải pháp về nghiên cứu thị trường du lịch nội địa và quốc tế

- Tiến hành điều tra thị trường, nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu, nhu cầu của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử, tâm linh, Phật pháp.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu về thị trường du lịch để phục vụ công tác nghiên cứu, dự báo, quảng bá xúc tiến du lịch. Xây dựng báo cáo đánh giá, dự báo thị trường hàng năm đối với các thị trường mục tiêu.

b) Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch

- Phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch trong việc kết nối các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các nhà đầu tư tăng cường tổ chức khảo sát, giới thiệu điểm đến, hình thành và khai thác tour liên kết, hình thành các sản phẩm du lịch liên tỉnh, liên vùng.

- Tổ chức cho các công ty lữ hành nghiên cứu, khảo sát, tìm ra tài nguyên, mời gọi đầu tư sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn và giàu văn hoá truyền thống. Dựa trên thế mạnh của từng vùng để xác định các khu, điểm du lịch trọng điểm từ đó sẽ phối hợp các loại hình du lịch trên các tuyến để tạo ra sản phẩm đặc trưng thu hút khách, xây dựng thành sản phẩm chung, nhằm tạo sự độc đáo, hấp dẫn của các tour du lịch trong mối liên kết.

- Kết nối với các đơn vị lữ hành để khai thác các sản phẩm du lịch quy mô nhỏ của từng địa phương trong khu vực, tạo thành những sản phẩm có quy mô, khai thác được những tour du lịch dài ngày hơn với nhiều loại hình du lịch đa dạng. Xây dựng lộ trình du lịch kết hợp nhiều điểm du lịch, đảm bảo điều kiện giao thông thuận lợi giữa các điểm du lịch, đảm bảo các điều kiện dịch vụ dọc tuyến du lịch.

- Tăng cường hợp tác trong tuyên truyền quảng bá, cung cấp thông tin đầy đủ cho thị trường và khách du lịch trong và ngoài nước thông qua các phương tiện tuyên truyền, quảng bá. Tổ chức các sự kiện du lịch để giới thiệu, quảng bá

về hình ảnh, con người, văn hoá nơi đây, thông qua đó tạo sự hợp tác, thu hút đầu tư phát triển du lịch.

- Liên kết với các vùng, địa phương để gắn kết sản phẩm, hàng hoá đặc trưng, bản sắc văn hoá trên tuyến du lịch cộng đồng, thu hút khách du lịch, kích thích nhu cầu mua sắm, chi tiêu và giữ chân khách. Hơn nữa, cần quan tâm đầu tư ngay các dịch vụ bổ sung như khu vui chơi, giải trí, nhà trưng bày,... để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nội địa.

c) Giải pháp về sức chứa của điểm đến

- Phát huy tối đa vai trò và sự phối hợp của các cơ quan liên quan, làm rõ trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan đối với vấn đề quản lý sức chứa nói riêng, bảo vệ môi trường du lịch nói chung để đề ra những chính sách quản lý môi trường phù hợp trong không gian Con đường Hoàng dương Phật pháp. Tăng cường thực hiện việc đánh giá tác động môi trường, đánh giá sức chịu tải môi trường du lịch, hướng dẫn cách thức sử dụng tài nguyên, xử lý rác thải, đề ra các quy định giáo dục người dân và tuyên truyền với du khách ý thức giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường ở các di tích, điểm du lịch của Con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Cơ quan quản lý du lịch cần xây dựng chiến lược, chương trình hành động thực hiện đánh giá hàng năm về công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch tại các điểm du lịch của Con đường Hoàng dương Phật pháp.

- Trên cơ sở kết quả tính toán sức chứa tại từng điểm du lịch, cơ quan quản lý du lịch cần xây dựng kế hoạch, phương án quản lý sức chứa và biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan tại mỗi điểm du lịch. Xác định không gian, thời gian, tính chất hoạt động và số lượng khách du lịch tới hạn bảo đảm không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch tại mỗi điểm đến. Sức chứa là cơ sở để chọn ra những chiến lược và phương pháp quản lý phù hợp, phát triển các kế hoạch hành động, thực hiện và giám sát chúng đảm bảo phát triển bền vững.

d) Giải pháp về xúc tiến quảng bá

- Tăng cường nguồn kinh phí cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Đồng thời kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa, phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong công tác xúc tiến, quảng bá.

- Phát huy sức mạnh công nghệ thông tin, du lịch thông minh và mạng xã hội trong tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, thế mạnh và sản phẩm du lịch bảo đảm chuyên nghiệp, tạo hiệu ứng, lan tỏa sâu rộng.

- Tăng cường quảng bá hình ảnh tuyến, điểm du lịch; các sản phẩm đặc trưng dân tộc, các dịch vụ phục vụ nhu cầu của du khách trên các phương tiện thông tin đại chúng; qua các chuyến tour thử nghiệm; các hội chợ, triển lãm du lịch... đồng thời, khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thông tin điện tử của tỉnh và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tăng cường sự hợp tác trao đổi học tập kinh nghiệm thông qua các đợt khảo sát, học hỏi mô hình du lịch của các địa phương khác; Tổ chức đón các đoàn Famtrips trong thời gian đầu triển khai, xây dựng sản phẩm để xin ý kiến tư vấn. Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, chuyển khảo cứu, diễn đàn về phát triển du lịch cộng đồng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cũng như năng lực công tác.

- Điện ảnh hóa các câu chuyện, tài liệu giới thiệu, quảng bá; cung cấp sổ tay, thông tin giới thiệu đa ngôn ngữ để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

- Đề xuất tổ chức sự kiện thường niên mang tính chất quốc tế, hoặc quốc gia nhằm quảng bá xúc tiến thu hút khách gắn với con đường Hoàng dương Phật pháp.

2.6. Nhóm giải pháp về nhân lực

- Tiến hành điều tra, thống kê, phân tích lao động trong ngành du lịch để xác định nhu cầu đào tạo, chú trọng nguồn nhân lực trực tiếp nhằm chuyển đổi mạnh mẽ lao động từ nông nghiệp, nông thôn sang lĩnh vực du lịch.

- Rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực du lịch và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng các kế hoạch đào tạo chi tiết theo nhu cầu của khách và nhu cầu phát triển.

- Tổ chức nhiều đợt tập huấn, cũng như tăng cường đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức về du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong ngành du lịch.

- Bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về du lịch văn hóa (kỹ năng đón tiếp, hướng dẫn tại chỗ và phục vụ ăn, nghỉ, vận chuyển, kỹ năng trình diễn và giới thiệu tài nguyên, sản phẩm du lịch bản địa, các hoạt động biểu diễn văn hóa - nghệ thuật, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử...) cho cộng đồng dân cư trên địa các toàn tỉnh cũng như tại các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động.

- Các điểm di tích trên dọc tuyến đường cần tích cực thực hiện và phối hợp các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu di sản văn hóa. Mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu chuyên môn trao đổi tọa đàm góp ý, bổ sung kiến thức, đặc biệt là các kiến thức về đời sống thực tiễn của Thiền tông trong xã hội Việt Nam hiện nay thể hiện qua các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và các vấn đề xã hội.

- Liên kết với các cơ sở đào tạo về du lịch các tỉnh, thành phố tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn về du lịch cho đội ngũ lao động tham gia phục vụ trực tiếp tại các điểm du lịch.

- Huy động, khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ đào tạo nhân lực cho lĩnh vực du lịch, nhất là nguồn lực xã hội hóa và hỗ trợ từ các dự án nước ngoài.

- Thu hút mạnh mẽ lao động chất lượng cao về du lịch trên cơ sở chuẩn bị tốt hạ tầng, các chính sách để phát triển du lịch.

2.7. Giải pháp về tổ chức, quản lý, vận hành và giám sát mô hình du lịch trên Con đường Hoàng dương Phật pháp

Hoạt động tổ chức, quản lý, vận hành và giám sát mô hình du lịch trên Con đường Hoàng dương Phật pháp đặt dưới sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương (UBND cấp huyện, cấp xã), hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện). Công tác quản lý thông qua các công cụ quản lý và chính sách quản lý theo nguyên tắc hài hòa các mối quan hệ giữa các bên tham gia trong đó chú trọng mối quan hệ lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, cộng đồng và nhà nước, giữa địa phương thôn, xã với chính quyền cấp trên.

a) *Về tổ chức*: Thành lập mô hình quản lý du lịch tại các xã nhằm hình thành được bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động du lịch và dịch vụ tại địa phương một cách hiệu quả, bền vững. Cơ cấu, thành phần tham gia Ban quản lý với sự tham gia của chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng.

b) *Về quản lý*:

- Xây dựng các nội dung quản lý phù hợp: Quản lý khách du lịch, quản lý nguồn thu, quản lý an ninh trật tự, quản lý kinh doanh lễ hành, quản lý cơ sở lưu trú, quản lý dịch vụ ăn uống, bán hàng lưu niệm, dịch vụ văn hóa, tâm linh,...

- Ban hành cơ chế quản lý phù hợp với hoạt động du lịch tại địa phương như: Người dân địa phương vừa đóng vai trò người làm du lịch vừa là người quản lý điều hành về hoạt động du lịch. Nhà nước xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển du lịch. Tăng cường đầu tư trong việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể, các cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ tư vấn về quản lý, chuyên môn cho việc kiện toàn Ban Quản lý di tích tại các điểm du lịch tâm linh.

- Xây dựng Quy chế và nội quy hoạt động du lịch tại các xã trong đó quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan (doanh nghiệp du lịch, cơ quan quản lý, cộng đồng địa phương và du khách) khi tham gia vào các hoạt động du lịch tâm linh tại địa phương.

c) *Về vận hành và giám sát mô hình*:

- Xây dựng được hệ thống và bộ máy quản lý của Ban Quản lý du lịch tại các xã để quản lý hoạt động du lịch và có sự giám sát của cộng đồng cũng như chính quyền địa phương, khách du lịch, các tổ chức, cá nhân và nhà tài trợ, các doanh nghiệp lễ hành, các cơ quan quản lý du lịch tại địa phương.

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng năng lực cho các đối tượng tham gia hoạt động du lịch. Đây là một yếu tố quan trọng quyết định sự bền vững của mô hình này.

- Tìm kiếm các nguồn tài trợ khác nhau từ chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp và nội lực của cộng đồng... để có thể có được một số cơ sở vật chất cơ bản tối thiểu ban đầu cho hoạt động du lịch.

- Có được sự giúp đỡ, định hướng lâu dài của chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý du lịch tại cộng đồng. Trợ giúp từ các tổ chức khác trong việc phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng và tìm kiếm nguồn khách ban đầu. Có

được sự hợp tác có trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh du lịch và hướng tới cộng đồng theo hướng bình đẳng, 2 bên cùng có lợi.

- Các thành phần trên đều được phát triển trên cơ sở có sự tham gia tích cực của cộng đồng vào các hoạt động thực hiện.

2.8. Nhóm giải pháp về kêu gọi đầu tư, phục dựng các di tích dọc tuyến đường và các điểm ưu tiên đầu tư

a) Các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông kết nối các khu, điểm du lịch; nâng cấp, xây dựng hệ thống công trình phụ trợ (nhà vệ sinh công cộng, các điểm dừng nghỉ, bãi đỗ xe, nhà trưng bày...) phục vụ du lịch.

- Ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng có quy mô lớn (bể bơi, tắm lá thuốc, khách sạn đạt tiêu chuẩn 3-5 sao, khu vui chơi giải trí, thể thao leo núi...) phục vụ khách du lịch phù hợp với thời tiết, khí hậu bản địa.

- Ưu tiên các dự án liên quan đến bảo tồn không gian kiến trúc nhà ở, sân vườn, nét sinh hoạt văn hóa của các đồng bào dân tộc... để phát triển du lịch cộng đồng trong tương lai.

b) Các dự án ưu tiên thu hút đầu tư: Tổ chức hội nghị, hội thảo trực tiếp, trực tuyến để giới thiệu với các nhà đầu tư tiềm năng phát triển du lịch thông qua khai thác Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Phật tổ Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, các dự án ưu tiên thu hút đầu tư (*chi tiết tại Phụ lục 08*).

c) Các tuyến đường ưu tiên và thu hút đầu tư (chi tiết tại Phụ lục 03)

2.9. Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ số trong phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị Con đường Hoàng dương Phật pháp

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ nền tảng như công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), công nghệ in 3D, công nghệ 360o, công nghệ vạn vật kết nối (IoT), công nghệ robot,... trong các lĩnh vực như: dò tìm, phân vùng, phục dựng, quy hoạch, quản lý tài nguyên du lịch của Con đường Hoàng dương Phật Pháp; đánh giá, phân loại tài nguyên và thống kê du lịch.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong du lịch; thực hiện số hóa toàn diện tài nguyên du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch, số hóa điểm đến du lịch, số hóa hiện vật và hệ thống tài liệu lưu trữ chuyên ngành. Xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch của Bắc Giang.

- Phát triển các phần mềm, ứng dụng, tiện ích du lịch thông minh phục vụ công tác quản lý, kinh doanh du lịch, hỗ trợ khách du lịch.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sử dụng vé điện tử, hệ thống cảm biến, nhận dạng, hệ thống định vị hỗ trợ trong việc kiểm soát và quản lý khách du lịch tại điểm du lịch.

- Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng công nghệ xanh, công nghệ sạch, sử dụng vật liệu mới, năng lượng tái tạo, nhiên liệu sinh học trong kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch của Con đường Hoàng dương Phật pháp.

PHẦN 5 KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. TỔNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí: 1.186 tỷ đồng (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm tám mươi sáu tỷ đồng*). Trong đó:

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 286 tỷ đồng, chiếm 24,1% tổng kinh phí triển khai Đề án;
- Nguồn vốn thu hút đầu tư của các doanh nghiệp: 827 tỷ đồng, chiếm 69,7% tổng kinh phí triển khai Đề án;
- Nguồn vốn của các tổ chức phi Chính phủ: 10 tỷ đồng, chiếm 0,8% tổng kinh phí triển khai Đề án;
- Nguồn vốn Nhân dân đóng góp: 63 tỷ đồng, chiếm 5,3% tổng kinh phí triển khai Đề án;

2. Phân bổ kinh phí giai đoạn 2023 - 2030:

- Giai đoạn 2023 - 2026: 735 tỷ đồng;
- Giai đoạn 2026 - 2030: 451 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 5, 6)

II. NHU CẦU KINH PHÍ CHO CÁC NỘI DUNG

1. Nhóm dự án đầu tư xây dựng cơ bản: 1.025 tỷ đồng

- Tuyến đường từ Quốc lộ 37 đến chùa Sơn Tháp tổng chiều dài 1,5km.
- Xây dựng mới đường bộ hành kết nối chùa Vĩnh Nghiêm với các điểm của di tích chùa Sơn Tháp - Vực Rêu - Chùa Yên Mã - Chùa Bình Long - Chùa Hồ Bắc - Đền Trần - Đền Quan Tuần - Chùa Hóa - Đền Bà Chúa - Chùa Đám Trì - Đèo Bụt - Khe Nậm với tổng chiều dài 95,5km.
- Bảo tồn, tôn tạo, phục dựng các chùa, điểm du lịch.
- Xây dựng các bãi đỗ xe, biển báo chỉ dẫn, nhà vệ sinh tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.
- Thu hút đầu tư xây dựng khách sạn, resort đạt tiêu chuẩn từ 3-4 sao.
- Xây dựng mới các trạm thông tin, quầy trưng bày, giới thiệu sản phẩm địa phương, quà lưu niệm địa phương.

2. Nhóm dự án đầu tư phát triển, xây dựng sản phẩm du lịch: 161 tỷ đồng

a) Đầu tư xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch: Hỗ trợ các xã, thôn xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng (sản vật địa phương; quà tặng lưu niệm; ẩm thực tiêu biểu gắn với các di tích, điểm chùa trên Con đường Hoàng dương Phật pháp.

b) Xúc tiến, quảng bá du lịch

- Tham gia các Hội chợ du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình giới thiệu điểm đến gắn với các chương trình quảng bá du lịch Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình truyền thông, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, một số báo trong nước...

- Xây dựng và hình thành logo và slogan “nhánh” để định vị thương hiệu du lịch Con đường Hoàng dương Phật pháp trong mối quan hệ với du lịch Bắc Giang cũng như du lịch tâm linh của Việt Nam.

- Hợp tác với đơn vị tư vấn và các đối tác truyền thông lớn (Facebook, Google, TikTok...) để xây dựng các chương trình, kế hoạch truyền thông quảng bá thương hiệu bài bản trên môi trường số.

c) Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hoạt động nâng cao nhận thức về du lịch và phát triển du lịch cho các cán bộ làm du lịch, các hướng dẫn viên, thuyết minh viên, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Tổ chức các đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm ở các địa phương khác.

- Tổ chức các đoàn famtrip, presstrip khảo sát các điểm du lịch.

d) Chuyển đổi số, số hóa điểm đến

- Xây dựng app (ứng dụng du lịch thông minh) về điểm đến trên Con đường Hoàng Dương Phật pháp.

- Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường để số hóa các di tích, chùa, điểm du lịch nhằm gia tăng trải nghiệm của du khách khi đến tham quan các chùa, di tích.

PHẦN 6

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tổ chức công bố Đề án sau khi được phê duyệt; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo từng năm, kiến nghị cấp có thẩm quyền những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện: Lục Nam, Sơn Động, Yên Dũng, Lục Ngạn tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch “Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử”, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời, tranh thủ nguồn vốn Trung ương đầu tư cho phát triển du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và trình duyệt quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch tâm linh dọc tuyến đường tại các huyện: Lục Nam, Sơn Động, Yên Dũng gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, thu hút đầu tư và khai thác tài nguyên phát triển du lịch bền vững.

- Căn cứ nội dung Đề án này và nhiệm vụ phát triển du lịch chung của tỉnh, thực hiện các giải pháp đã xác định và các chương trình, nhiệm vụ: Nghiên cứu thị trường; thực hiện công tác xúc tiến quảng bá và kích cầu du lịch; phát triển sản phẩm; phát triển nguồn nhân lực du lịch; chuyển đổi số... để đảm bảo phát triển đúng tầm nhìn và định hướng thương hiệu đã được xác định.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với Ban quản lý các di tích, các cơ quan chuyên môn thực hiện hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động thông tin, quảng bá xúc tiến các điểm đến du lịch tại địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đề án, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện hàng năm. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2023 - 2030, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý tổ chức tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng, góp phần tích cực trong hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng; thực hiện lồng ghép triển khai các Chương trình, Dự án, Kế hoạch liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và Nông thôn gắn với phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình, đề án, dự án bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP, các mô hình du lịch sinh thái gắn với các điểm du lịch, chùa, di tích gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp; tuyên truyền, vận động chủ thể OCOP đưa hình ảnh nhận diện thương hiệu du lịch tâm linh trên mẫu bao bì các mặt hàng, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản vật đặc sản của tỉnh phục vụ nhu cầu mua sắm, quà lưu niệm của khách du lịch.

- Khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn 04 huyện nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch; hỗ trợ địa phương trong việc quảng bá, giới thiệu và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản, đặc sản của địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin, tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho các chủ đầu tư có tiềm lực tài chính, có kinh nghiệm quản lý về du lịch, có thương hiệu, đầu tư cơ sở dịch vụ du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng có chất lượng cao, có sức cạnh tranh tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng nhằm tạo sự đột phá về hạ tầng dịch vụ du lịch, tạo sức hút nổi trội của du lịch tỉnh, tạo cú hích để du lịch tăng trưởng nhanh, đột phá và bền vững, lựa chọn địa điểm thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh du lịch hiệu quả

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư trung hạn để phát triển hạ tầng giao thông đến các chùa, di tích, điểm du lịch để tạo lợi thế cạnh tranh thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch và hấp dẫn du khách; nâng cao khả năng kết nối giao thông đến các điểm du lịch lân cận cũng như ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho các hoạt

động du lịch, nhất là hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tại các xã thuộc huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi các dự án đầu tư phát triển du lịch tại Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng; kêu gọi, vận động các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ phát triển loại hình du lịch tâm linh, du lịch sinh thái.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư kinh phí triển khai các Dự án, Chương trình, Kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn các xã thuộc các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm mở rộng, nâng cao hiệu quả loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, thẩm định dự toán chi thường xuyên để trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

5. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, nâng cấp các công trình giao thông (đường, biển báo,...) để nhằm tạo điều kiện thuận lợi kết nối các điểm trên Con đường Hoàng dương Phật pháp.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng; tuyên truyền vận động người dân, du khách bảo vệ môi trường nước, không khí, chất thải, khí thải... tại các khu, điểm du lịch.

7. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, kiểm tra công tác triển khai thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý, đảm bảo phù hợp với cảnh quan, môi trường sinh thái trong khu vực thực hiện Đề án. Thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng theo phân cấp

8. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tổ chức tuyên truyền và truyền thông trên báo viết, báo điện tử, trên sóng phát thanh truyền hình, trang thông tin điện tử và trên các trang fanpage, góp phần để du khách hiểu hơn về Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

9. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện lồng ghép phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh trên địa bàn huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn

Động, Yên Dũng với các Quy hoạch, Chiến lược, Kế hoạch phát triển của ngành mình; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động có liên quan đến phát triển du lịch tâm linh.

10. UBND các huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động

- Căn cứ nội dung của Đề án xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; trong đó, cần chú trọng khai thác tối đa lợi thế tài nguyên du lịch của địa phương, nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, đủ khả năng cạnh tranh trong vùng và khu vực.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành, liên quan trong việc xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện dự án đầu tư phát triển du lịch tại các xã, thôn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong hoạt động du lịch; thường xuyên tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Chủ trì xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường tại các điểm đến du lịch trên địa bàn huyện. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khi tham gia khai thác du lịch tâm linh và đi kèm với đó là các chế tài xử phạt.

- Ưu tiên đầu tư các lĩnh vực về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông và nước sinh hoạt, xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất phục vụ du lịch trên địa bàn các xã, thôn có khả năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, hoàn chỉnh một số hạng mục công trình: Hệ thống đường bê tông nối liền với các hộ gia đình; nước sạch; hệ thống rãnh thoát nước có nắp; công trình vệ sinh khép kín.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước thông qua việc xây dựng các chính sách bảo tồn và quản lý tài nguyên du lịch, xây dựng quy chế và nội quy đối với du khách và người dân địa phương, xây dựng chiến lược quảng bá hình ảnh và thương hiệu du lịch tâm linh gắn với Con đường Hoàng dương Phật pháp. Tạo điều kiện cho người dân mở rộng các loại hình dịch vụ du lịch, thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp Ban quản lý di tích và các cơ quan chuyên môn thực hiện hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động thông tin, quảng bá xúc tiến các điểm đến du lịch tại địa phương.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, bổ trợ kiến thức về du lịch văn hóa, du lịch tâm linh cũng như các loại hình du lịch khác cho người dân; về cách giao tiếp, ứng xử với khách du lịch, lớp học ngoại ngữ... Đối với cán bộ quản lý du lịch cũng cần có các lớp đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch thông qua các chính sách hỗ trợ về vốn và chuyên gia.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của du lịch nói chung, du lịch tâm linh, du lịch văn hóa nói riêng. Du lịch góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của chính họ; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc. Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn đảm bảo chất lượng các dịch vụ phục vụ khách du lịch; đảm bảo an

ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định khác của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để xem xét, giải quyết./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Hồ sơ Di tích quốc gia đặc biệt Chùa Vĩnh Nghiêm*.
2. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Các hồ sơ di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia thuộc di tích và danh thắng Tây Yên Tử*.
3. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (2018), *Di tích và danh thắng Tây Yên Tử*, Nxb Văn hóa dân tộc.
4. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*.
6. Tổng cục Du lịch (2013), *Kỷ yếu Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững*, Ninh Bình.
7. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (2020, 2021, 2022) của Viện Nghiên cứu tôn giáo - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2020), *Phương án phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Chùa Ba Vàng) (2019), *Thuyết minh Đề án đầu tư phục dựng các di tích theo Con đường Hoàng dương Phật pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông tại huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang*.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2008), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông - Cuộc đời và sự nghiệp (Nhân 700 năm ngày nhập niết bàn 1308-2008), ngày 26 tháng 11 năm 2008*.
11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang (2022), *Kỷ yếu Hội thảo Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng vùng “Di tích Danh thắng Tây Yên Tử”*.
12. Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng (2021), *Tiềm năng kinh tế huyện Yên Dũng*, <https://yendung.bacgiang.gov.vn/tiem-nang-kinh-te>.
13. Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022*.
14. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động (2020), *Tổng quan về Sơn Động*, <https://sondong.bacgiang.gov.vn/gioi-thieu>.
15. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động (2021), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022*.
16. Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam (2022), *Lục Nam thu hút đầu tư để phát triển du lịch*.
17. Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam (2021), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022*.

18. Huyền Cương (2006), *“Về bối cảnh ra đời của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử”*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, tr.31-39.
19. Dương Ngô Ninh (2020), *Luận án tiến sĩ “Giá trị của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang”*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC LIÊN QUAN

Phụ lục	Nội dung
1	Chương trình du lịch trải nghiệm Con đường Hoàng dương Phật pháp
2	Các dự án cải tạo, xây mới hệ thống cơ sở hạ tầng đường giao thông và các tuyến đường ưu tiên đầu tư
3	Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án các năm
4	Nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2023 - 2030
5	Đánh giá thực trạng về các nguồn lực phục vụ phát triển du lịch của 4 huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động
6	Kết quả khảo sát địa hình và khả năng khai thác du lịch của các điểm di tích trên Con đường Hoàng dương Phật pháp
7	Danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư
8	Phân công thực hiện Đề án giai đoạn 2023 - 2030

Phụ lục 01
CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM
CON ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP

Chương trình 1: Chùa Vĩnh Nghiêm – Chùa Cao, Chùa Minh Đức (Núi Cô Tiên) - Đền Thần Nông (Hòn Tháp) - Vực Rêu - Chùa Mã Yên

- Thời gian dự kiến: 2 ngày 1 đêm.

- Phương tiện di chuyển chủ yếu: Đường thủy men theo sông Lục Nam và đường bộ. Đi thuyền trên sông + đi đường bộ hành trên núi.

- Ăn: các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.

- Nghỉ: trải nghiệm nghỉ tại chùa.

- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Chùa Vĩnh Nghiêm, du khách sẽ bắt đầu bước vào hành trình theo dấu chân Phật Hoàng (xây dựng cổng chào khu vực bắt đầu vào, hai bên đường là tượng Phật Hoàng với lời răn của Phật).

+ Du khách được khoác Hoàng bào, nhận thẻ thông quan (một hình thức xác nhận sẽ tham gia tu hành theo tuyến) và lên thuyền rồng di chuyển tới đền Thần Nông.

+ Tới đền Thần Nông, du khách nghỉ chân, tham quan, thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng và ghi chép vào thẻ thông hành. Đây sẽ là căn cứ được nhận chứng nhận khi hoàn thành tour. Tại đền Thần Nông có các quầy bán hàng lưu niệm, sản phẩm OCOP, công cụ trekking, du khách có thể mua quà kỷ niệm.

+ Ăn trưa tại đền Thần Nông, nghỉ trưa.

+ Chiều: Du khách tiếp tục men theo đường bộ hành tới chùa Mã Yên, ghi chép, thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng trên các phiến đá, tượng Phật.

+ Buổi tối: Ăn chay, tự do khám phá không gian trong lành, tĩnh mịch quanh chùa và lưu trú tại chùa.

Ngày 2:

+ Quý khách dậy sớm, trải nghiệm lớp học thiền và yoga.

+ Quý khách ghé tham quan Vực Rêu, chụp ảnh check-in, trải nghiệm không gian du lịch sinh thái, có thể đăng ký cắm trại, ăn uống.

+ Di chuyển về chùa Vĩnh Nghiêm. Nếu không cắm trại ăn trưa, quý khách ăn trưa tại chùa Vĩnh Nghiêm.

+ Trước khi về, được kiểm tra thẻ thông hành, hoàn thiện các câu ghi chép, răn dạy của Phật Hoàng và được cấp chứng nhận hoàn thành tuyến 1 - khoá tu theo dấu chân Phật Hoàng. Nhận ưu đãi giảm giá chi phí tham quan tuyến sau.

Chương trình 2: Chùa Bình Long - Chùa Hồ Bắc - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (điểm chính)

- Thời gian dự kiến: 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm.
- Phương tiện di chuyển chủ yếu: Ô tô - đi bộ, theo đường bộ hành.
- Ăn: Các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.
- Nghỉ: trải nghiệm nghỉ tại chùa.
- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Quý khách di chuyển bằng xe ô tô tới chân núi, leo bộ lên chùa Bình Long theo tuyến đường bộ hành.

+ Tới chùa Bình Long, quý khách được nhận thẻ thông hành tuyến 2 và trang phục (áo xám tu hành theo tích Phật Hoàng cỡi áo bào, khoác áo tu). Đồng thời tham quan vườn Phật, thư viện Phật, chiêm bái, thu thập lời răn của Phật Hoàng và ghi chép vào thẻ thông hành. Sau đó, khách tham gia lớp giảng kinh, học pháp, chép kinh và làm công quả tại Chùa.

+ Trưa: Quý khách dùng cơm chay và nghỉ trưa tại Chùa.

+ Chiều: Khách di chuyển tới chùa Hồ Bắc tham quan, chiêm bái. Thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng.

+ Sau khi tham quan chùa Hồ Bắc, quý khách di chuyển theo đường bộ hành tới điểm trung chuyển, lên xe và di chuyển tới khu du lịch sinh thái Suối Mỡ. Trên đường đi qua đền Trần, đền Thượng, đền Trung, tham quan, thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng và mua sắm các sản phẩm lưu niệm, OCOP.

+ Quý khách tới khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, nhận phòng và ăn tối. Tham gia các hoạt động vui chơi giải trí tại khu du lịch: cắm trại đêm...

Ngày 2:

+ Quý khách dậy sớm tập yoga, đón bình minh, ăn sáng, trả phòng.

+ Quý khách tham gia các hoạt động vui chơi giải trí ban ngày của khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (tắm thác, trekking leo núi, check-in, tham gia khu vui chơi giải trí Suối Mỡ với nhiều trò chơi hấp dẫn).

+ Quý khách xuống đền Hạ, tiếp tục tham quan chiêm bái, thực hành chép kinh, thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng, hoàn thiện thẻ thông hành. Trả thẻ thông hành và nhận giấy chứng nhận hoàn thành lộ trình tuyến 2, nhận ưu đãi giảm giá cho tuyến sau.

Ngày 3: (lịch trình bổ sung)

+ Nếu tham quan ngày thứ 3, quý khách tham quan thêm các điểm di tích nhà Trần xung quanh như: Đền Quan tuân, Bãi đá mài gươm, Giếng cổ, Miếu cổ.

+ Tham quan, chiêm bái, thu thập lời răn dạy của Phật Hoàng tại chùa Hoá, chùa Rào và đền Bà Chúa. Chủ yếu trekking trên đường bộ hành trên núi.

Chương trình 3: Chùa Hồ Lao - Đám Trì - Đồng Vành - Suối Nước Vàng - Thác Giót - Dấu chân Phật

- Thời gian dự kiến: 3 ngày 2 đêm.
- Di chuyển bằng xe máy, xe đạp và đi bộ theo đường bộ hành trên núi.
- Ăn: Ăn chay tại chùa.
- Nghỉ: Trải nghiệm lưu trú tại chùa.
- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

Quý khách di chuyển bằng xe máy/đạp tới chân chùa Đồng Vành, trên đường ghé tham quan, chiêm bái chùa Hồ Lao và chùa Đám Trì. Sau đó, theo đường bộ hành, tham quan chùa Đồng Vành và tham gia khoá tu Phật pháp 01 ngày, mặc áo xám tu hành, tham gia vào các hoạt động của nhà chùa (cúng cơm chay, tụng kinh, nghe giảng kinh, trồng rau, ...)

Ngày 2:

- + Quý khách dậy sớm tham gia lớp học thiền của sư thầy tại chùa.
- + Sau đó, tham gia bài kiểm tra kết thúc khoá tu 1 ngày. Nhận giấy chứng nhận hoàn thành khoá tu.
- + Quý khách di chuyển tới Suối Nước Vàng, tham quan, cắm trại, ăn trưa.
- + Chiều: Quý khách theo đường bộ hành tới thác Giót và di tích Dấu chân Phật. Quý khách nhận phòng tại homestay ở Lái Cỏ, Đá Rạn.
- + Tối dùng bữa và lưu trú tại homestay.

Ngày 3:

- + Sáng: Quý khách dậy sớm, tập thiền, ăn sáng, trả phòng, trekking săn bình minh, săn mây tại Thác 1, Thác 2 và Thác Giót.
- + Quý khách di chuyển theo đường bộ hành tham quan Cột Mốc, check in Cột Mốc ranh giới 2 tỉnh Bắc Giang - Quảng Ninh.
- + Quý khách di chuyển theo đường bộ hành tới Đèo Bụt. Tại đây có xe đón kết thúc hành trình.

Chương trình 4: Tây Yên Tử - Chùa Đồng - Đèo Gió (điểm chính)

- Thời gian dự kiến: 2 ngày 1 đêm.
- Phương tiện di chuyển: Xe ô tô, đi bộ theo đường bộ hành.
- Ăn: Các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.
- Nghỉ: Trải nghiệm nghỉ tại chùa.
- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Đây là điểm cuối của hành trình, quý khách sẽ được phát thẻ thông hành cuối cùng. Quý khách dùng bữa trưa, sau đó sửa soạn, thay đồ (áo xám, đi giày, cầm gậy trekking) bắt đầu tuyến đường leo lên đỉnh chùa Đồng Yên Tử bằng đường bộ.

+ Mất khoảng 3 tiếng rưỡi để trekking tới đỉnh chùa Đồng, quý khách chiêm bái, làm lễ và trở về chùa Thượng Tây Yên Tử. Trên đường trekking, quý khách sẽ ghi nhớ, tích lũy những lời răn dạy của Phật Hoàng.

+ Tại chùa Thượng, quý khách sẽ nộp lại 4 thẻ thông hành đã nhận được tại 3 tuyến trên và trải qua hình thức kiểm tra, ôn lại lời dạy của Phật Hoàng. Sau khi vượt qua bài kiểm tra, quý khách sẽ được các nhà sư làm lễ “tốt nghiệp”, tức là đã hoàn thành khóa tu hành theo “*Con đường Hoằng dương Phật Pháp*”. Quý khách sẽ được nhận kỷ niệm chương (ghim cài áo, bút, móc chìa khoá, sổ tay 100 lời Phật dạy...) và chứng nhận hoàn thành chương trình tu học. Sau đó, quý khách theo tuyến cáp treo xuống chùa Hạ, chiêm bái, trả áo xám và về phòng nghỉ ngơi.

+ Tối: Quý khách dùng bữa tối và tham gia các hoạt động vui chơi buổi tối tại đây: Hát Chèo, hát Châu văn, tái hiện câu chuyện Phật Hoàng, nghe kể các câu chuyện, sự tích về Phật Hoàng và lời răn dạy, chiêm nghiệm về cuộc sống.

Ngày 2:

+ Sáng sớm, quý khách đón bình minh, săn mây và tham gia lớp thiền/yoga buổi sáng.

+ Quý khách ăn sáng, sau đó trả phòng.

+ Quý khách lên chiêm bái, hành lễ tại Chùa Hạ Tây Yên Tử và kết thúc hành trình.

Chương trình 5: Hà Nội - Khu danh thắng Tây Yên Tử (Bắc Giang) - Chùa Đồng - Đông Yên Tử (Quảng Ninh) - Chùa Hoa Yên, Chùa Suối Tắm, Chùa Giải Oan... - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử

- Thời gian dự kiến: 2 ngày 1 đêm.

- Phương tiện di chuyển: Xe ô tô, đi bộ theo đường bộ hành.

- Ăn: Các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.

- Nghỉ: Trải nghiệm nghỉ tại chùa.

- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Quý khách đến nơi tham quan khu du lịch văn hoá - tâm linh Tây Yên Tử, chiêm bái, hành lễ tại chùa Hạ Tây Yên Tử.

+ Quý khách nghỉ dùng bữa trưa, sau đó sửa soạn, thay đồ (áo xám, đi giày, cầm gậy trekking) bắt đầu tuyến đường leo lên chùa Thượng Tây Yên Tử bằng đường bộ. Mất khoảng 3 tiếng để trekking tới chùa Thượng Tây Yên Tử, quý khách chiêm bái, làm lễ. Trên đường trekking, quý khách sẽ ghi nhớ, tích lũy những lời răn dạy của Phật Hoàng.

+ Tại chùa Thượng, quý khách sẽ nghỉ ngơi qua đêm tại đây, trải nghiệm nghỉ tại chùa.

+ Tối: Quý khách dùng bữa chay tại chùa, tham gia các hoạt động buổi tối tại đây: Tái hiện câu chuyện Phật Hoàng, nghe kể các câu chuyện, sự tích về Phật Hoàng và lời răn dạy, chiêm nghiệm về cuộc sống.

Ngày 2:

+ Sáng sớm, quý khách thiền và sấm mây, đón bình minh và tham gia lớp thiền buổi sáng.

+ Quý khách ăn sáng tại chùa. Sau đó, quý khách sẽ trải qua hình thức kiểm tra, ôn lại lời dạy của Phật Hoàng. Sau khi vượt qua bài kiểm tra, quý khách sẽ được các nhà sư làm lễ “tốt nghiệp”, tức là đã hoàn thành khóa tu hành theo “*con đường Hoàng dương Phật Pháp*”. Quý khách sẽ được nhận kỷ niệm chương (ghim cài áo, bút, móc chìa khóa, sổ tay 100 lời Phật dạy...) và chứng nhận hoàn thành chương trình tu học.

+ Quý khách trekking lên chùa Đồng, chiêm bái và hành lễ. Sau đó, sẽ trải nghiệm tham quan Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử ở Quảng Ninh (bao gồm chùa Vân Tiêu, chùa Hoa Yên, chùa Suối Tắm, chùa Giải Oan...)

+ Quý khách dùng bữa trưa tại chùa Hoa Yên và nghỉ ngơi, thư giãn.

+ Chiều: Đoàn vào thăm Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Trước khi đoàn tham gia khóa lễ nhỏ sẽ được sư Thầy chia sẻ về cách đi, đứng, lễ lạy sao cho đúng nghi lễ - phép tắc của nhà Phật. Sau đó, quý khách cùng chia sẻ về Phật pháp, phương pháp tọa thiền và đi kinh hành và tham gia các hoạt động “Phật pháp và cuộc sống” và kết thúc chuyến hành trình.

**Chương trình 6: Hà Nội - Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương)
- Chùa Vĩnh Nghiêm - Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng - Khu danh thắng Tây Yên Tử**

- Thời gian dự kiến: 2 ngày 1 đêm.

- Phương tiện di chuyển: Xe ô tô, đi bộ theo đường bộ hành.

- Ăn: Các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.

- Nghỉ: Trải nghiệm nghỉ tại chùa.

- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Quý khách khởi hành từ Hà Nội, đi tham quan, chiêm bái và hành lễ tại Khu Di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc, là nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông đã dựng chùa để đào tạo tăng ni, phát triển đạo pháp.

+ Sau đó, Quý khách di chuyển thăm Chùa Vĩnh Nghiêm là nơi lưu giữ bộ Mộc Bản duy nhất của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và cũng là ngôi chùa được UNESCO trao bằng công nhận 3.000 mộc bản là di sản tư liệu của toàn thế giới.

Đoàn tham gia một khóa lễ nhỏ với pháp lễ lay 108 hồng danh sám hối và kết tràng.

+ Quý khách thăm Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng và dùng bữa trưa ăn chay tại đây, sau đó nghỉ ngơi, thư giãn và tham gia khóa thiền tại đây, được các Thầy chia sẻ về Phật Pháp, phương pháp tọa thiền và đi kinh hành.

+ Tối: Quý khách di chuyển về Khu du lịch Tây Yên Tử, nhận phòng và nghỉ ngơi tại đây. Quý khách dùng bữa chay tại chùa, tham gia các hoạt động buổi tối tại đây: Hát chèo, hát chầu văn, tái hiện câu chuyện Phật Hoàng, nghe kể các câu chuyện, sự tích về Phật Hoàng và lời răn dạy, chiêm nghiệm về cuộc sống.

Ngày 2:

+ Sáng: Quý khách sẽ tham gia khóa thiền buổi sáng. Sau đó, ăn sáng và trả phòng.

+ Quý khách sửa soạn thay đồ (áo xám, đi giày, cầm gậy trekking) bắt đầu tuyến đường leo lên đỉnh chùa Đồng Yên Tử bằng đường bộ và trả phòng.

+ Mất khoảng 3 tiếng rưỡi để trekking tới đỉnh chùa Đồng. Trên đường trekking, quý khách sẽ được tích lũy những lời răn dạy của Phật Hoàng. Sau đó quý khách chiêm bái, làm lễ, trở về chùa Thượng Tây Yên Tử và ăn trưa, nghỉ ngơi, thư giãn tại đây.

+ Sau đó, quý khách quay lại hành lễ tại Chùa Hạ Tây Yên Tử và kết thúc chuyến hành trình.

Chương trình 7: Hoàng Thành Thăng Long (Hà Nội) - Khu danh thắng Tây Yên Tử - Chùa Vĩnh Nghiêm - Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng - Am Ngọa Vân

- Thời gian dự kiến: 3 ngày 2 đêm.

- Phương tiện di chuyển: Xe ô tô, đi bộ theo đường bộ hành.

- Ăn: Các bữa ăn đều là ăn chay, tại chùa.

- Nghỉ: Trải nghiệm nghỉ tại chùa.

- Lộ trình cụ thể:

Ngày 1:

+ Sáng: Quý khách đến nơi tham quan Hoàng Thành Thăng Long, đây là nơi được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

+ Sau đó, quý khách di chuyển đến nơi tham quan khu danh thắng Tây Yên Tử. Quý khách nhận phòng và dùng bữa trưa, sau đó sửa soạn, thay đồ (áo xám, đi giày, cầm gậy trekking) bắt đầu tuyến đường leo lên đỉnh chùa Đồng Yên Tử bằng đường bộ. Mất khoảng 3 tiếng rưỡi để trekking tới đỉnh chùa Đồng, quý khách chiêm bái, làm lễ và trở về chùa Thượng Tây Yên Tử. Trên đường trekking, quý khách sẽ ghi nhớ, tích lũy những lời răn dạy của Phật Hoàng.

+ Tại chùa Thượng, quý khách trải qua hình thức kiểm tra, ôn lại lời dạy của Phật Hoàng. Sau khi vượt qua bài kiểm tra, quý khách sẽ được các nhà sư làm lễ “tốt nghiệp”, tức là đã hoàn thành khóa tu hành theo “Con đường Hoàng dương Phật Pháp”. Quý khách sẽ được nhận kỷ niệm chương (ghim cài áo, bút, móc chìa khoá, sổ tay 100 lời Phật dạy...) và chứng nhận hoàn thành chương trình tu học. Sau đó, Quý khách quay về chiêm bái và hành lễ tại Chùa Hạ Tây Yên Tử.

+ Tối: Quý khách dùng bữa tối, tham gia các hoạt động vui chơi buổi tối tại đây: Hát Chèo, hát Chầu văn, tái hiện câu chuyện Phật Hoàng, nghe kể các câu chuyện, sự tích về Phật Hoàng và lời răn dạy, chiêm nghiệm về cuộc sống.

Ngày 2:

+ Sáng: quý khách đón bình minh, săn mây và tham gia lớp thiền/yoga buổi sáng.

+ Sau đó, quý khách di chuyển thăm chùa Vĩnh Nghiêm là nơi lưu giữ bộ Mộc Bản duy nhất của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và cũng là ngôi chùa được UNESCO trao bằng công nhận 3.050 mộc bản là di sản tư liệu của toàn thế giới. Đoàn tham gia một khóa lễ nhỏ với pháp lễ lạy 108 hồng danh sám hối và kết tràng.

+ Trưa: Quý khách ăn chay tại chùa và nghỉ ngơi thư giãn.

+ Quý khách rời chùa Vĩnh Nghiêm tới Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng, thực hành khóa lễ chiều, hành thiền và vấn đáp Phật Pháp. Quý khách sẽ ăn tối và nghỉ đêm tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng.

+ Tối: Quý khách cùng nhau tham gia chương trình “Dòng Sông Cuộc Đời” – Đây cũng là dịp để mỗi thành viên trong đoàn có thể trải lòng, có thể chia sẻ những kỷ niệm đáng nhớ trong cuộc đời.

Ngày 3:

+ Quý khách sẽ tham gia khóa thiền buổi sáng. Sau đó, ăn chay tại chùa.

+ Quý khách di chuyển thăm quan khu quần thể di tích Am Ngọa Vân với các diễm (Đền An Sinh, Thái Miếu nhà Trần, Lăng Mộ nhà Trần...).

+ Trưa: Quý khách ăn trưa và nghỉ ngơi, thư giãn.

+ Chiều: Quý khách thăm quan Am Ngọa Vân - nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông an nhiên hóa Phật. Khu vực trước cửa Am là nơi diễn ra lễ Trà Tì (lễ hỏa táng) và thu được hơn 3.000 viên xá lợi. Quý khách chiêm ngưỡng quang cảnh, hành lễ tại đây và kết thúc hành trình.

Phụ lục 02
CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY MỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG
VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

I. CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY MỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG

STT	Từ điểm	Đến điểm	Km	Ghi chú
1	Quốc lộ 37	Chùa Hòn tháp	1,5	Đường mòn
2	Chùa Hòn Tháp	Vực Rêu	3,5	Đi trên núi
3	Vực Rêu	Chùa Mã Yên	2,5	Đi trên núi
4	Chùa Mã Yên	Chùa Bình Long	8,5	Đi trên núi
5	Chùa Bình Long	Chùa Hồ Bắc	3,5	Đi trên núi
6	Chùa Hồ Bắc	Đền Trần	4,0	Đi trên núi
7	Đền Trần	Đền Quan Tuần	3,0	Đi trên núi
8	Đền Quan Tuần	Chùa Hóa	2,5	Đi trên núi
9	Chùa Hóa	Chùa Rào	3,5	Đi trên núi
10	Chùa Rào	Đền Bà Chúa	6,0	Đi trên núi
11	Đền Bà Chúa	Chùa Đám Trì	10	Đi trên núi
12	Chùa Đám trì	Chùa Hồ Lao	5,0	Đường mòn
13	Chùa Hồ Lao	Đèo Bụt	15	Đi đường Tây Yên Tử
14	Đèo Bụt	Khe Nậm	12	Đi trên núi
15	Khe Nậm	Chùa Thượng TYT	15	Đi trên núi
	Tổng cộng		95,5	

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

STT	Tuyến đường	Đường kết nối các điểm chùa
1	Tuyến đường bộ hành	Từ chùa Bình Long - Chùa Hồ Bắc - Đền Trần - Đền Quan Tuần - Chùa Hóa
		Từ chùa Hòn Tháp - Vực Rêu - Chùa Mã Yên - Chùa Bình Long
		Ao Vua - Khe Nậm - Đèo Gió - Chùa Thượng - Chùa Đồng.
2	Tuyến đường sông	Điểm đầu bến thuyền là khu vực chùa Vĩnh Nghiêm, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng.
		Điểm cuối của Bến thuyền là khu vực thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam

Phụ lục 03
DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CÁC NĂM
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Tổng số	Năm							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Ngân sách nhà nước	286	05	55	40	35	40	41	40	30
Các nguồn vốn khác	900	100	250	100	150	150	50	50	50
Tổng kinh phí	1.186	105	305	140	185	190	91	90	80

Phụ lục 04
NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 – 2030

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 - 2030					
		Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Vốn Ngân sách	Vốn đầu tư của các doanh nghiệp	Vốn của các tổ chức phi Chính phủ (ODA, NGO)	Vốn nhân dân đóng góp	
	Tổng số:	1.186,000	286,000	827,000	10,000	63,000	
1	Nhóm dự án đầu tư xây dựng cơ bản	1.025,000	218,000	776,000		31,000	
1.1	Tuyến đường từ Quốc lộ 37 đến Chùa Hòn tháp tổng chiều dài 1,5 Km	19,000	19,000	0			1,5km đường cấp IV Miền Núi (suất đầu tư cho 1 km đường = 13,048 tỷ đồng/km) theo quyết định 610/QĐ-BXD ngày 22/7/2022 của Bộ Xây dựng

1.2	Xây dựng mới đường bộ hành kết nối các điểm của di tích: Từ Quốc lộ 37 > Chùa Hòn Tháp > Vực Rêu > Chùa Mã Yên > Chùa Bình Long > Chùa Hồ Bắc > Đền Trần > Đền Quan Tuần > Chùa Hóa > Chùa Rào > Đền Bà Chúa > Chùa Đám Trì > Chùa Hồ Lao > Đèo Bụt > Khe Nậm với tổng chiều dài 95,5 Km	204,000	0	204,000			Đường nội bộ lát đá xẻ mặt đường rộng 3m (suất vốn đầu tư cho 1km khoảng 3 tỷ đồng)
1.3	Bảo tồn, tôn tạo, phục dựng các chùa, điểm du lịch	300,000	49,000	240,000		11,000	Theo nhu cầu thực tế
1.4	Xây dựng các bãi đỗ xe, biển báo chỉ dẫn, nhà vệ sinh tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	300,000	50,000	240,000		10,000	Theo báo giá tại thời điểm triển khai
1.5	Xây dựng mới các trạm thông tin, quầy trưng bày, giới thiệu sản phẩm địa phương, quà lưu niệm địa phương	202,000	100,000	92,000		10,000	Theo báo giá tại thời điểm triển khai
2	Nhóm dự án đầu tư phát triển, xây dựng sản phẩm du lịch	161,000	68,000	51,000	10,000	32,000	
2.1	Đầu tư xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch:	39,000	15,000	4,000		20,000	
a	Hỗ trợ các xã, thôn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng (sản vật địa phương; quà tặng lưu niệm; ẩm thực tiêu biểu gắn với các di tích, chùa trên con đường Hoàng dương Phật pháp	39,000	5,000	14,000		20,000	Theo nhu cầu thực tế

2.2.	Xúc tiến, quảng bá du lịch	47,000	10,000	29,000	0	8,000	
a.	Tham gia các Hội chợ du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình giới thiệu điểm đến gắn với các chương trình quảng bá du lịch Việt Nam	15,000	5,000	10,000			Theo báo giá tại thời điểm triển khai
b.	Thực hiện các chương trình truyền thông, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; một số báo trong nước...	12,000	2,000	10,000			Theo báo giá tại thời điểm triển khai
c.	Xây dựng và hình thành logo và slogan “nhánh” để định vị thương hiệu du lịch Con đường Hoàng dương Phật pháp trong mối quan hệ với du lịch Bắc Giang cũng như du lịch tâm linh của Việt Nam	10,000	1,000	9,000			Theo báo giá tại thời điểm triển khai
d.	Hợp tác với đơn vị tư vấn và các đối tác truyền thông lớn (Facebook, Google, TikTok...) để xây dựng các chương trình, kế hoạch truyền thông quảng bá thương hiệu bài bản trên môi trường số.	10,000	2,000			8,000	Theo báo giá tại thời điểm triển khai
2.3	Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:	65,000	41,000	10,000	10,000	4,000	

a.	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hoạt động nâng cao nhận thức về du lịch và phát triển du lịch cho các cán bộ làm du lịch, các hướng dẫn viên, thuyết minh viên, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch	50,000	40,000		10,000		Theo nhu cầu thực tế
b.	Tổ chức các đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm ở các địa phương khác	10,000	1,000	5,000		4,000	Theo nhu cầu thực tế
c.	Tổ chức các đoàn famtrip, presstrip khảo sát các điểm du lịch	5,000		5,000			Theo nhu cầu thực tế
2.4	Chuyển đổi số, số hóa điểm đến	10,000	2,000	8,000			
a.	Xây dựng app về điểm đến trên Con đường Hoàng dương Phật pháp	5,000	1,000	4,000			Theo báo giá tại thời điểm triển khai
b.	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường để số hóa các di tích, chùa, điểm du lịch nhằm gia tăng trải nghiệm của du khách khi đến tham quan các chùa, di tích	5,000	1,000	4,000			Theo báo giá tại thời điểm triển khai

Phụ lục 05**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ CÁC NGUỒN LỰC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
CỦA 4 HUYỆN YÊN DŨNG, LỤC NAM, SƠN ĐỘNG, LỤC NGẠN**

STT	Nội dung	Huyện Yên Dũng	Huyện Lục Nam	Huyện Sơn Động	Huyện Lục Ngạn
1	Vị trí địa lý	Yên Dũng nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Bắc Giang. Vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống được coi là vùng đất cổ. Trên địa bàn huyện có núi Nham Biền; có 3 con sông chảy qua (sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam); giáp với thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.	Lục Nam là huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, nằm ở cửa ngõ vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang, trên địa bàn huyện có dãy núi Huyền Đình và sông Lục Nam với nhiều huyền thoại; giáp với thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	Sơn Động là huyện vùng cao của tỉnh Bắc Giang, với lợi thế có khu Du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, thuộc địa giới hành chính thị trấn Tây Yên Tử; giáp thị xã Đông Triều và thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Huyện Lục Ngạn nằm ở phía Đông tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 40km về phía Đông, là huyện có diện tích tự nhiên lớn nhất tỉnh Bắc Giang, có địa hình đồi và núi xen lẫn.
2	Tiềm năng, lợi thế nổi bật	Huyện có nhiều trầm tích văn hoá, di tích lịch sử mang nét đặc thù và tầm ảnh hưởng liên vùng. Huyện có hơn 270 di tích, trong đó có hơn 70 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 4 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 2 di tích quốc gia đặc biệt là chùa Kem (xã Nham Sơn) và chùa Vĩnh Nghiêm (xã Trí	Huyện có 263 di tích, trong đó có 85 di tích đã được xếp hạng (gồm 16 di tích lịch sử cấp Quốc gia, 69 di tích cấp tỉnh); 45 lễ hội truyền thống. Các di tích theo Con đường Hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, cụ thể: chùa Mã Yên (xã Bắc Lũng), chùa Bình Long (chùa Bát Nhã) (xã Huyền Sơn và xã Nghĩa	Lợi thế của huyện là có diện tích rừng lớn (66.637,32 ha), trong đó có cả rừng nguyên sinh với hệ động, thực vật đa dạng. Nổi bật là Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử và những điểm thu hút khách du lịch như Đồng Cao (xã Thạch Sơn); rừng nguyên sinh Khe Rỗ (xã	Huyện có nhiều tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, di tích lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái cộng đồng. Huyện là một trong những vùng cây ăn quả lớn nhất miền Bắc và là nơi còn lưu giữ, bảo tồn nhiều di sản văn hóa vật thể và phi

		Yên) - là chôn tổ của Thiền phái Trúc Lâm, trường Đại học Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam và là trung tâm Phật giáo nổi tiếng dưới thời Trần. Trên địa bàn huyện còn có: Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng; Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - gắn liền với cuộc khởi nghĩa Yên Thế do người anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám lãnh đạo Nhân dân đứng lên dựng cờ khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp.	Phượng), đền Quan Tuần (xã Nghĩa Phượng); chùa Hóa, chùa Rào (xã Vô Tranh); đền Bà Chúa (xã Trường Sơn); chùa Đám Trì (xã Lục Sơn). Tài nguyên du lịch tự nhiên: Suối Nước Vàng (xã Lục Sơn), Hồ Suối Nứa (xã Đông Hưng), Vực Rêu (xã Cẩm Lý); khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (xã Nghĩa Phượng)	An Lạc); hồ Khe Chảo, (xã Long Sơn)... Là vùng đất lâu đời, còn tồn tại rất nhiều di chỉ, di vật khảo cổ học. Toàn huyện có 7 di tích được Nhà nước xếp hạng, với đặc trưng kiến trúc và di vật độc đáo.	vật thể như chùa Am Vãi, đền Hả, hát Sloong hao, hát Sli, hát Then, hát Lượn... Lục Ngạn có 03 làng nghề truyền thống, có nhiều sản phẩm truyền thống đặc trưng như: mỳ Chũ, rượu Kiên Thành, mật ong, phấn hoa, gạo nếp,...là những điều kiện thuận lợi để Lục Ngạn phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.
3	Hệ thống đường giao thông	Tuyến đường tỉnh lộ 293 kết nối từ chùa Vĩnh Nghiêm đến các địa điểm khác trong hệ thống các di tích bên sườn Tây Yên Tử, góp phần hình thành các tuyến du lịch văn hóa gồm: tuyến Tây Yên Tử, tuyến Đông Yên Tử, tuyến Đông - Tây Yên Tử kết hợp. Các tuyến đường giao thông giữa trung tâm	Hệ thống đường giao thông của huyện khá thuận lợi, có quốc lộ 31, 37 và tỉnh lộ 293, 295 chạy qua, kết hợp với tuyến đường sắt Hà Nội - Quảng Ninh và tuyến đường sông Lục Nam.	Tỉnh đang đầu tư phát triển một số tuyến đường như: Dự án đường từ quốc lộ 31 vào Khu du lịch sinh thái Khe Rỗ có tổng chiều dài 3,66 km, điểm đầu tại Km0+00 giao với quốc lộ 31 thuộc xã Vân Sơn (cùng huyện), điểm cuối tại Km3+66,8 thuộc Khu du lịch sinh thái Khe Rỗ; dự án cải	Trên địa bàn huyện có 133,5km đường Quốc lộ và đường tỉnh; trong đó, có 02 tuyến Quốc lộ dài 67km và 03 tuyến đường tỉnh dài 66,5km, cơ bản thuận lợi cho quá trình di chuyển tới các khu, điểm du lịch.

		chùa Vĩnh Nghiêm đi đến các cụm di tích Trúc Lâm nằm trên địa bàn của ba tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh và Hải Dương nhằm nối liền các đường giao thông - du lịch giữa các trung tâm văn hóa Trúc Lâm với các cụm di tích Trúc Lâm.		tạo, nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 279 vào trung tâm xã An Lạc;... tạo thuận lợi phát triển du lịch.	
4	Cơ sở hạ tầng, CSVC kỹ thuật chuyên ngành	Huyện có 35 cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn, trong đó có từ 3 - 5 khách sạn kết hợp với nhà hàng ăn uống đạt tiêu chuẩn 3 - 4 sao; 100% điểm du lịch có trung tâm thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu và đón tiếp khách, các điểm đều được lắp đặt thiết bị phát wifi miễn phí.	Huyện có 48 cơ sở lưu trú du lịch (gồm 46 nhà nghỉ và 1 khách sạn 2 sao, 1 khách sạn 3 sao); 32 cơ sở dịch vụ ăn uống mỗi cơ sở đáp ứng được từ 80 khách.	Huyện có 14 cơ sở lưu trú; 17 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh; 02 điểm du lịch có thể đăng ký là điểm du lịch (Khu Khe Rỗ - An Lạc và Khu Tây Yên Tử - thị trấn Tây Yên Tử).	Huyện có 40 cơ sở lưu trú; hiện đang xây dựng 04 điểm du lịch khu vực hồ Cẩm Sơn gồm các xã Cẩm Sơn, Tân Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải. Xây dựng 07 điểm du lịch cộng đồng vùng cây ăn quả; xây dựng điểm du lịch văn hóa tâm linh Đền Hả (xã Hồng Giang), chùa Am Vãi (xã Nam Dương)
5	Sản phẩm du lịch	Các điểm giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn OCOP đặc trưng, tiêu biểu chất lượng cao tại điểm du lịch chùa Vĩnh	Triển khai xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Suối Nứa; cánh đồng rau mầu lớn ở Chu Điện, Bảo Đài; Xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông, lâm	Huyện có các Hợp tác xã du lịch cộng đồng gắn với sản phẩm du lịch trải nghiệm du lịch rừng sinh thái, du lịch văn hóa, tâm linh - sinh	Hiện nay, địa phương đang tập trung phát triển 02 nhóm sản phẩm du lịch khai thác thế mạnh của huyện gồm: Du lịch sinh thái

		Nghiêm và thị trấn Nham Biền như Gạo thơm Yên Dũng, Gốm làng Ngòi (xã Tư Mại), Tương Trĩ Yên, mộc mỹ nghệ (xã Lăng Sơn)	ngiệp và các sản phẩm OCOP như Đông trùng hạ thảo tại xã Đông Hưng, Rượu, Dứa Bảo Sơn, HTX nông sản an toàn Lục Nam; HTX đưa leo quê Lục Nam, HTX Na dai Nghĩa Phương, HTX dịch vụ nông nghiệp Mai Sưu; các làng nghề truyền thống như: sản phẩm thủ công có dệt thổ cẩm, chổi đót; các vườn cây ăn quả.	thái Tây Yên Tử, thác Ba Tia, Núi Mực, cây dược liệu và công viên rừng sinh thái.	- nghỉ dưỡng - vui chơi giải trí; du lịch văn hóa - tâm linh. Trong đó, huyện đã tập trung xây dựng và phát triển các không gian du lịch sinh thái - cộng đồng vùng cây ăn quả trọng điểm Lục Ngạn; không gian du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng - giải trí hồ Khuôn Thần, hồ Cẩm Sơn; không gian du lịch văn hóa - tâm linh....
--	--	--	---	--	--

Phụ lục 06

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH VÀ KHẢ NĂNG KHAI THÁC DU LỊCH
CỦA CÁC ĐIỂM DI TÍCH TRÊN CON ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP**

Địa hình của Con đường Hoàng dương Phật pháp khá phức tạp, là vùng núi non hiểm trở thuộc cánh cung Đông triều với địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi cao, vực sâu. Độ dốc lớn từ 25%-45%. Có tổng chiều dài là 95,5 km đi theo đường trên núi. Các điểm trên lộ trình thuộc khu rừng đặc dụng, khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, trong đó có một số đoạn đi theo đường mòn cũ và một số đoạn phải phát dọn tạo ra đường mới để kết nối các điểm chùa, đường giao thông chưa được đầu tư xây dựng vì vậy việc đi lại rất khó khăn, phải đi qua nhiều đồi, núi cao, trơn trượt. Cụ thể:

STT	Lộ trình	Vị trí	Độ cao so với mặt nước biển	Giá trị văn hóa
1	Đi từ Quốc lộ 37 qua Tỉnh lộ 299B đến Chùa Vĩnh Nghiêm	Thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng		Chùa đã được UNESCO trao Bằng công nhận 3000 mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là di sản tư liệu ký ức thế giới và được Nhà nước Việt Nam công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2015.
2	Đi từ Quốc lộ 37 đến chùa Hòn Tháp – Vực Rêu có chiều dài 1.5 km đi theo đường mòn	Thuộc thôn Giáp Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	70m	Chùa nằm giữa hai núi Hòn Tháp và núi Đồng Thốc thuộc dãy Huyền Đinh, ngay kề bên chùa ở phía Đông là suối Vực Rêu. Các di vật như chân tảng lớn, nhỏ, đá chân tháp, thân tháp, đá chóp tháp gạch ngói, bát men ngọc... có niên đại thời Lý Trần. chùa Hòn Tháp nằm trong sơn khê Tây Yên Tử và chịu ảnh hưởng lớn của Thiền phái Trúc Lâm.
3	Đi từ chùa Hòn Tháp đến Chùa Mã Yên có chiều dài 6 km, đi trên núi cao	Thuộc xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam	270m	Ngôi chùa nằm phía trong Hòn Tháp tự (qua chùa Hòn Tháp, qua núi Vua Bà). Hiện nay chùa chỉ còn là một phế tích.
4	Đi từ chùa Mã Yên đến Bình Long có chiều dài 8.5 km, đi	Thuộc xã Huyền Sơn nằm trên dãy	350m	Hiện nay còn dấu tích là cấp nền, bờ tường bằng đá sa thạch, ngoài ra lộ thiên trên bề mặt còn phát

	trên núi	núi Huyền Đinh của huyện Lục Nam		hiện ra dấu tích chân tảng bằng đá. Tại khu vực chùa Bình Long nằm ở thôn chùa, hiện còn bia đá và đang được chùa Ba Vàng đầu tư xây dựng các hạng mục theo dự án.
5	Đi từ Chùa Bình Long đến Chùa Hồ Bắc có chiều dài cung đường 3.5 km, đi trên đỉnh núi cao	Thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	650m	Chùa Hồ Bắc nằm trong quần thể khu danh thắng Suối Mỡ, giữa núi rừng bạt ngàn, cảnh quan thiên nhiên đẹp. Trên đỉnh núi chùa Hồ Bắc có hồ nước, bồn bề rừng núi thâm u. Chùa bị đổ nát hoàn toàn, hiện nay Nhân dân địa phương dựng tạm dấu tích của công trình cổ như vật liệu xây dựng, gạch, đá, bạc thềm.
6	Từ chùa Hồ Bắc khu du lịch sinh thái Suối Mỡ đến chùa Đám Trì có chiều dài khoảng 24 km, đi xe ô tô và xe máy theo đường Tây Yên Tử (đồi núi cao, hiểm trở).	Cách đường Tây Yên Tử 4,7 km	35m	Chùa Đám Trì: có giá trị về nhiều mặt lịch sử, văn hóa, nhiều loại hình hiện vật minh chứng ngôi chùa này có niên đại từ thời Trần và được tu bổ, tôn tạo vào thời Lê Trung Hưng, thời Nguyễn.
7	Từ Suối nước Vàng đến thác Giót đến Lái Cỏ: Nằm trong phạm vi các khu rừng nguyên sinh thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, cụ thể:			
	- Suối Nước Vàng, thác Giót	Cách UBND xã Lục Sơn khoảng 8 km	500m	Gồm hệ thống 3 tầng thác, gồm: Thác Hạ, thác Trung và thác Giót nằm sâu trong rừng, thuộc dãy núi “Cánh cung Đông Triều”. Đây có thể là hệ thống thác hùng vĩ nhất tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, do khai thác hầm lò than nhiều năm qua gây ra hiện tượng các mạch nước trên đỉnh núi Phật

				Sơn biến mất; thác chỉ có nước vào mùa mưa và đa phần là khô cạn vào các mùa còn lại.
	- Lái Cỏ: Từ thác Giót leo ngược lên đỉnh núi Phật Sơn, sẽ đi qua “dấu chân Phật” (tảng đá có in hình bàn chân rất to, dân gian gọi là “bàn chân Phật), sẽ tới Lái Cỏ.	Thuộc xã Thạch Sơn huyện Sơn Động.	680m	Là một khu vực khá rộng, có phong cảnh giống như cao nguyên Đồng Cao nằm gần cạnh đỉnh núi Phật Sơn, gồm nhiều tảng đá to có hình thù kỳ quái, xếp chồng lên nhau, có tảng đá rất to hình con Quy. Phong cảnh nơi đây thoáng mát, nhiều mây mù; có nhiều cây thuốc, cây làm dược liệu như: Trầu tiên, Lạc tiên, sim...

Phụ lục 07
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)	Nguồn vốn
1	Chùa Cao, Chùa Minh Đức	Mở rộng	Xây dựng cơ sở tôn giáo (điểm dừng nghỉ cho khách du lịch)	Thuộc xã Trí Yên, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng và xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	500	Cơ sở tôn giáo
2	Chùa Bình Long (Bát Nhã)	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo (điểm dừng nghỉ cho khách du lịch)	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	198	Cơ sở tôn giáo
4	Chùa Mã Yên	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
5	Chùa Hòn Tháp	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
6	Chùa Hồ Bắc	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
7	Đền Quan Tuần	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Nghĩa Phương	5	Cơ sở tôn giáo
8	Chùa Hóa	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Vô Tranh, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
9	Chùa Rào	Phục dựng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Vô Tranh,	5	Cơ sở tôn

				huyện Lục Nam		giáo
10	Đền Cô Bé Bò	Mở rộng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Vô Tranh, huyện Lục Nam	3	Cơ sở tôn giáo
11	Đền Bà Chúa	Mở rộng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Trường Sơn, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
12	Chùa Đám Trì	Mở rộng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
13	Chùa Hồ Lao	Mở rộng	Xây dựng cơ sở tôn giáo	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	5	Cơ sở tôn giáo
14	Xây dựng điểm dịch vụ	Đầu tư mới	Bãi đỗ xe, khách sạn, nhà hàng	Xã Cẩm Lý, Huyện Sơn, Nghĩa Phương	12	Doanh nghiệp XHH
15	Xây dựng điểm du lịch trên đường bộ hành	Đầu tư mới	Xây dựng (khu vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống, nhà nghỉ...)	Khe Nậm, thị trấn Tây Yên Tử, Sơn Động	10	Doanh nghiệp

Phụ lục 08
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 – 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I.	Nhóm dự án đầu tư xây dựng cơ bản			
1	Tuyến đường từ Quốc lộ 37 đến chùa Hòn Tháp tổng chiều dài 1,5 Km	Năm 2023-2025	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND huyện Lục Nam
2	Xây dựng mới đường bộ hành kết nối các điểm của di tích Chùa Hòn Tháp >Vực Rêu >Chùa Mã Yên > Chùa Bình Long >Chùa Hồ Bắc> Đền Trần> Đền Quan Tuần >Chùa Hóa> Chùa Rào >Đền Bà Chúa> Chùa Đám Trì >Đèo Bụt >Khe Nậm với tổng chiều dài 68Km	Năm 2023-2030	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND huyện Lục Nam; UBND huyện Sơn Động; UBND huyện Yên Dũng
3	Bảo tồn, tôn tạo, phục dựng các chùa, điểm du lịch	Năm 2023 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
4	Xây dựng các bãi đỗ xe, biển báo chỉ dẫn, nhà vệ sinh tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	Năm 2023 - 2024	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
5	Xây dựng mới các trạm thông tin, quầy trưng bày, giới thiệu sản phẩm địa phương, quà lưu niệm địa phương	Năm 2023 - 2024	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
II.	Nhóm dự án đầu tư phát triển, xây dựng sản phẩm du lịch			

1	<i>Đầu tư xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch:</i>			
1.1.	Hỗ trợ các xã, thôn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng (sản vật địa phương; quà tặng lưu niệm; ẩm thực tiêu biểu gắn với các di tích, chùa trên Con đường Hoàng dương Phật pháp	Năm 2024 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
2	<i>Xúc tiến, quảng bá du lịch</i>			
2.1	Tham gia các Hội chợ du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình giới thiệu điểm đến gắn với các chương trình quảng bá du lịch Việt Nam	Năm 2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
2.2	Thực hiện các chương trình truyền thông, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; một số báo trong nước...	Năm 2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
2.3	Xây dựng và hình thành logo và slogan “nhánh” để định vị thương hiệu du lịch Con đường Hoàng dương Phật pháp trong mối quan hệ với du lịch Bắc Giang cũng như du lịch tâm linh của Việt Nam	Năm 2023	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
2.4	Hợp tác với đơn vị tư vấn và các đối tác truyền thông lớn (Facebook, Google, TikTok...) để xây dựng các chương trình, kế hoạch truyền thông quảng bá thương hiệu bài bản trên môi trường số.	Năm 2023 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
3	<i>Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước</i>			

3.1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hoạt động nâng cao nhận thức về du lịch và phát triển du lịch cho các cán bộ làm du lịch, các hướng dẫn viên, thuyết minh viên, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch	Năm 2023 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
3.2	Tổ chức các đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm ở các địa phương khác	Năm 2023 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Công Thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
3.3	Tổ chức các đoàn famtrip, presstrip khảo sát các điểm du lịch	Năm 2024 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đài Phát thanh và Truyền hình; Báo Bắc Giang; UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
4	<i>Chuyển đổi số, số hóa điểm đến</i>			
4.1	Xây dựng app về điểm đến trên Con đường Hoàng dương Phật pháp	Năm 2023 - 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn

4.2	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường để số hóa các di tích, chùa, điểm du lịch nhằm gia tăng trải nghiệm của du khách khi đến tham quan các chùa, di tích	Năm 2023 - 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND huyện Lục Nam; Sơn Động; Yên Dũng; Lục Ngạn
-----	--	--------------------	---------------------------------	---

MỤC LỤC

Số TT	Nội dung	Số trang
PHẦN 1	SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
I.	SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
II.	CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	4
1.	Cơ sở pháp lý.....	4
2.	Cơ sở lý luận.....	5
2.1.	<i>Cơ sở lý luận về văn hóa tâm linh.....</i>	5
2.2.	<i>Cơ sở lý luận ứng dụng thực tế phát triển du lịch.....</i>	6
3.	Cơ sở thực tiễn.....	8
3.1.	<i>Từ dữ liệu khảo cổ học.....</i>	8
3.2.	<i>Sự hình thành di sản văn hoá Phật giáo Trúc lâm Yên Tử gắn với phát triển Con đường Hoàng dương Phật pháp</i>	11
4.	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề án.....	13
5.	Kết quả dự kiến của đề án.....	13
PHẦN 2	CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA CON ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP CỦA CÁC VỊ TỔ PHẬT GIÁO TRÚC LÂM YÊN TỬ	13
I.	TƯ TƯỞNG NHẬP THỂ THIÊN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ	13
1.	Sự ra đời của Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử.....	13
2.	Tinh thần nhập thể trong tư tưởng của Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, ba vị Tổ thiên đặt nền móng sáng lập Thiên phái Trúc Lâm	14
II.	GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO TRÚC LÂM TÂY YÊN TỬ	17
1.	Sự phân bố của Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang....	17
2.	Những dấu ấn, dấu tích, văn bia	19
3.	Đặc điểm Phật giáo Trúc Lâm thời Trần trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.....	21
3.1.	<i>Sự ngưỡng mộ Phật giáo.....</i>	21
3.2.	<i>Thực hành Phật giáo.....</i>	22
3.3.	<i>Cộng đồng Phật giáo.....</i>	23
PHẦN 3	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH	25
I.	DI SẢN VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM YÊN TỬ TỪ GÓC NHÌN TÀI NGUYÊN DU LỊCH	25
1.	Tài nguyên du lịch văn hóa	25
1.1.	<i>Hệ thống các di tích trên Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử</i>	25
1.2.	<i>Dấu ấn di sản văn hóa phi vật thể.....</i>	32
2.	Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	34
II.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH.....	36
1.	Chùa Yên Mã	36

2.	Chùa Hòn Tháp.....	38
3.	Chùa Bình Long.....	39
4.	Chùa Đám Trì.....	40
5.	Một số diêm di tích phụ cận.....	42
5.1.	Chùa Am Vãi.....	42
5.2.	Chùa Đồng Vành.....	44
III.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH	44
1.	Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.....	44
1.1.	<i>Hệ thống giao thông</i>	44
1.2.	<i>Hệ thống điện</i>	46
1.3.	<i>Hệ thống cấp-thoát nước</i>	46
1.4.	<i>Hệ thống thông tin liên lạc - viễn thông</i>	46
1.5.	<i>Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch</i>	47
2.	Thực trạng công tác phát triển du lịch.....	48
2.1.	<i>Hệ thống sản phẩm/dịch vụ du lịch</i>	48
2.2.	<i>Nhân lực du lịch</i>	49
2.3.	<i>Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch</i>	49
2.4.	<i>Hoạt động liên kết phát triển du lịch với các địa phương lân cận</i>	50
2.5.	<i>Công tác đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích và phát triển du lịch</i>	50
IV.	ĐÁNH GIÁ CHUNG	52
1.	Điểm mạnh.....	52
2.	Điểm yếu.....	53
3.	Cơ hội.....	53
4.	Thách thức.....	53
PHẦN 4	QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	54
I.	QUAN ĐIỂM	54
II.	MỤC TIÊU.....	55
1.	Mục tiêu tổng quát.....	55
2.	Mục tiêu cụ thể	56
III	NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP.....	56
1.	Nhiệm vụ	56
1.1.	<i>Phục dựng con đường Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử</i>	56
1.2.	<i>Phát triển du lịch theo Con đường Hoàng dương Phật pháp của các vị Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử</i>	58
1.3.	<i>Nghiên cứu, phát triển, định hướng thị trường</i>	66
1.4.	<i>Nghiên cứu xây dựng số tay hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm tại con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	67
1.5.	<i>Tập trung xây dựng và áp dụng nền tảng du lịch thông minh và số hóa số tay hướng dẫn khách du lịch trải nghiệm con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	67
2.	Giải pháp.....	69
2.1.	<i>Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách.....</i>	69
2.2.	<i>Nhóm giải pháp về phục hồi, bảo tồn Con đường Hoàng dương</i>	69

	<i>Phật pháp và phát huy giá trị văn hoá</i>	
2.3.	<i>Nhóm giải pháp về môi trường, cảnh quan, an toàn du lịch, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội.....</i>	70
2.4.	<i>Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và hiệu quả quản lý phục dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, phát triển kinh tế trong không gian Con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	71
2.5.	<i>Nhóm giải pháp về phát triển du lịch trong không gian Con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	71
2.6.	<i>Nhóm giải pháp về nhân lực</i>	73
2.7.	<i>Giải pháp về tổ chức, quản lý, vận hành và giám sát mô hình du lịch trên con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	74
2.8.	<i>Nhóm giải pháp về kêu gọi đầu tư, phục dựng các di tích dọc tuyến đường và các điểm ưu tiên đầu tư.....</i>	75
2.9.	<i>Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ số trong phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị Con đường Hoàng dương Phật pháp.....</i>	75
PHẦN 5	KINH PHÍ THỰC HIỆN.....	76
I.	TỔNG KINH PHÍ	76
II.	NHU CẦU KINH PHÍ CHO CÁC NỘI DUNG.....	76
1.	Nhóm dự án đầu tư xây dựng cơ bản.....	76
2.	Nhóm dự án đầu tư phát triển, xây dựng sản phẩm du lịch	77
PHẦN 6	TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	77
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91
	DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC LIÊN QUAN	93
Phụ lục 1	CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM TUYẾN ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP	94
Phụ lục 2	CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY MỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	101
Phụ lục 3	DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CÁC NĂM	102
Phụ lục 4	NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 – 2030	103
Phụ lục 5	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ CÁC NGUỒN LỰC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA 4 HUYỆN YÊN DŨNG, LỤC NAM, SON ĐỘNG, LỤC NGẠN	107
Phụ lục 6	KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH VÀ KHẢ NĂNG KHAI THÁC DU LỊCH CỦA CÁC ĐIỂM DI TÍCH TRÊN CON ĐƯỜNG HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP	111
Phụ lục 7	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ	114
Phụ lục 8	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 – 2030	116